

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV
BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 431/BSC-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April 17, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission of Vietnam

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch Chứng
khoán TP HCM/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

*- Vietnam Exchange/Ho Chi Minh Stock Exchange/Hanoi
Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/*BIDV
Securities Joint Stock Company*

Mã chứng khoán/Mã thành viên/*Stock code/Broker code*: BSI/002

Địa chỉ/*Address*: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội/*8th Floor, 9th Floor, LPB Tower, No. 210 Tran Quang Khai, Hoan Kiem
Ward, Hanoi City.*

Điện thoại/*Tel*: 024.39352722

Fax: 024.33816699

Email: ir@bsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo thường niên năm 2025/*Annual Report in 2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
17/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>

*This information was published on the company's website on April 17, 2026, as in the link:
<https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Văn bản liên quan đến nội dung công bố thông tin/*Document related to the content of disclosure*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/PERSON
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**



LÊ QUANG HUY



2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

KHƠI SỨC MẠNH
CHẠM THÀNH CÔNG

BSC
BIDV SECURITIES JSC

2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

KHƠI **SỨC MẠNH**
CHẠM **THÀNH CÔNG**

MỤC LỤC

06	THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
08	DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2025
10	TỔNG QUAN
12	Thông tin doanh nghiệp
14	Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
16	Chặng đường hình thành và phát triển
18	Mạng lưới giao dịch
20	Ngành nghề kinh doanh chính
22	Giải thưởng tiêu biểu
24	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
26	Môi trường kinh doanh
38	Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2025
48	ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2026
50	Bối cảnh thị trường năm 2026
60	Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

62	QUẢN TRỊ CÔNG TY
64	Thông tin cổ đông
66	Cơ cấu tổ chức quản trị
78	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025
89	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
95	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
96	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
98	Thông tin báo cáo phát triển bền vững
99	Định hướng phát triển bền vững toàn diện
100	Quản trị phát triển bền vững
104	Dấu ấn trên hành trình phát triển bền vững
120	GRI công bố thông tin
126	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
129	Thông tin chung
131	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
132	Báo cáo kiểm toán độc lập
136	Báo cáo tình hình tài chính
139	Báo cáo kết quả hoạt động
142	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
146	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
150	Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác,

Năm 2025, thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất ổn: từ các xung đột địa chính trị kéo dài, sức ép gia tăng từ chính sách thương mại bảo hộ đến sự căng thẳng thuế quan giữa các nền kinh tế lớn. Những yếu tố bất ổn này đã thúc đẩy chính sách tiền tệ nới lỏng cùng chính sách tài khóa mở rộng kích hoạt tại nhiều nền kinh tế. Tại Việt Nam, dù phải đối mặt với những “con gió ngược” từ môi trường bên ngoài cũng như các khó khăn nội tại như thiên tai bão lũ, chúng ta vẫn giữ vững ổn định vĩ mô và duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ chính sách điều hành linh hoạt, đẩy mạnh đầu tư công cùng sự phục hồi rõ nét của hoạt động sản xuất và xuất khẩu.

Trong bối cảnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam đã ghi nhận những chuyển biến tích cực. VN-Index tăng trưởng ấn tượng khi vượt đỉnh lịch sử, thanh khoản bứt phá; hệ thống giao dịch KRX chính thức vận hành và thị trường bước đầu chạm tới mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi. Những yếu tố này đã góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư và khẳng định sức hấp dẫn của thị trường trong trung và dài hạn.

Trải qua một năm với nhiều thuận lợi và thách thức đan xen, BSC đã không ngừng đổi mới, chủ động thích ứng và linh hoạt nắm bắt cơ hội. Kết thúc năm 2025, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao phó, với lợi nhuận trước thuế đạt 616,2 tỷ đồng, vượt 110% kế hoạch. Quy mô hoạt động tiếp tục được mở rộng khi tổng tài sản tăng 61% và vốn chủ sở hữu tăng 8% so với đầu kỳ. Song hành với tăng trưởng về quy mô, BSC liên tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và nền tảng công nghệ nhằm mang lại trải nghiệm giao dịch tối ưu cho khách hàng. Những nỗ lực này, cùng với sự chuyên nghiệp trong hoạt động và đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đã được ghi nhận qua giải thưởng “Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

Bước sang năm 2026, BSC sẽ tiếp tục phát huy những nền tảng đã xây dựng và tập trung triển khai các định hướng trọng tâm:

Nâng cao năng lực tài chính, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững và gia tăng sức cạnh tranh dài hạn. Công ty dự kiến triển khai kế hoạch tăng vốn, hướng tới quy mô vốn chủ sở hữu 11.000 – 12.000 tỷ đồng, qua đó củng cố nguồn lực, chủ động ứng phó với biến động thị trường và mở rộng dư địa tăng trưởng.

Gia tăng quy mô và hiệu quả các mảng kinh doanh cốt lõi, với định hướng tối ưu hóa hiệu quả sinh lời trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ và sử dụng vốn hiệu quả.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ và tăng cường năng lực quản trị rủi ro.

Trong bối cảnh đó, chúng tôi nhận thức rõ rằng thị trường vẫn sẽ đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức đan xen. Tuy nhiên, trong thách thức luôn ẩn chứa cơ hội để củng cố nội lực và bứt phá mạnh mẽ hơn. Với sứ mệnh **“Phụng sự thị trường – Phụng sự đối tác và cổ đông”**, BSC cam kết không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực thích ứng trước mọi biến chuyển, từng bước củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam và hướng tới giá trị dài hạn cho cổ đông đối tác và khách hàng trong năm 2026 và các giai đoạn tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên BSC, tôi gửi lời tri ân tới Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi. Sự ủng hộ của Quý vị là nguồn động lực để BSC tiếp tục vươn tới những tầm cao mới. Chúng tôi tin tưởng rằng, BSC sẽ bứt phá mạnh mẽ và đạt được những kết quả vượt trội hơn nữa trong năm 2026.

Trân trọng,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Viễn

Với sứ mệnh **“Phụng sự thị trường – Phụng sự đối tác và cổ đông”**, BSC cam kết không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực thích ứng trước mọi biến chuyển, từng bước củng cố vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam và hướng tới giá trị dài hạn cho cổ đông, đối tác và khách hàng.



DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2025

16.628 tỷ đồng	TỔNG TÀI SẢN ▲ 61% so với 2024
2.097 tỷ đồng	TỔNG DOANH THU ▲ 49% so với 2024
5.528 tỷ đồng	VỐN CHỦ SỞ HỮU ▲ 9% so với 2024
616,2 tỷ đồng	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ▲ 19% so với 2024
70% lợi nhuận gộp	MÔI GIỚI & CHO VAY ▲ Vai trò trụ cột
3,8 lần so với 2024	TƯ VẤN TÀI CHÍNH ▲ Khôi sắc mạnh mẽ



TỔNG QUAN VỀ BSC

- 12 Thông tin doanh nghiệp
- 14 Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi
- 16 Chặng đường hình thành và phát triển
- 18 Mạng lưới giao dịch
- 20 Ngành nghề kinh doanh chính
- 22 Giải thưởng tiêu biểu



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) được cấp phép thành lập ngày 26 tháng 11 năm 1999, tiền thân là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trải qua hơn 2 thập kỷ đồng hành cùng thị trường chứng khoán, BSC đã liên tục mở rộng và phát triển. Qua nhiều lần tăng vốn điều lệ để phục vụ hoạt động kinh doanh, hiện vốn điều lệ của BSC đạt 2.454 tỷ đồng. BSC luôn khẳng định vị thế tiên phong trong việc cung cấp hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ toàn diện, không ngừng mở rộng và phát triển hệ thống với trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng mạng lưới hỗ trợ khách hàng giao dịch rộng khắp toàn quốc.

Với nguồn lực hiện có cùng sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ BIDV và đối tác chiến lược Hana Securities (Hàn Quốc), BSC đã đang và sẽ không ngừng nỗ lực vươn lên với mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Tên giao dịch:		CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV
Tên viết tắt:	BSC	
Vốn điều lệ tại 31/12/2025:	2.453.659.430.000 VND	
Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025:	5.527.757.894.191 VND	
Trụ sở chính:	Tầng 8, Tầng 9, LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	
Chi nhánh:	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
Số điện thoại:	84-24 39352722 / 84-28 38218885	
Số fax:	84-24 33816699 / 84-28 38218879	
Website:	www.bsc.com.vn	
Mã cổ phiếu:	BSI	
Ngành nghề:	• Môi giới chứng khoán • Tự doanh chứng khoán • Bảo lãnh phát hành chứng khoán • Tư vấn đầu tư chứng khoán • Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh • Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép	



SỨ MỆNH – TẦM NHÌN – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SỨ MỆNH

Đóng góp **tích cực** cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, Nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

TẦM NHÌN

Trở thành **Công ty Chứng khoán hàng đầu, trên nền công nghệ số tiên tiến**, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ toàn diện với giá trị tốt nhất cho khách hàng. Xây dựng nền tảng vững chắc để trở thành Ngân hàng đầu tư (Investment Bank).

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Niềm tin (Belief): Thượng tôn pháp luật, minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động, để xây dựng niềm tin vững chắc cho khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và người lao động của công ty.

Hợp lực (Synergy): Hợp sức đồng lòng giữa từng cá nhân, từng tập thể trong công ty; giữa sức mạnh nội tại của BSC với đối tác chiến lược... để cùng nhau đóng góp vào sự thành công chung của tổ chức.

Sáng tạo (Creativity): Không ngừng tư duy, học hỏi và sẵn sàng đón nhận những tri thức mới, công nghệ mới, tiên phong mang đến những lợi ích và tiện ích tốt nhất cho khách hàng và đối tác.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

Nhân sự: Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, văn hóa ứng xử và coi mở đón nhận những tri thức mới, sáng tạo, đổi mới không ngừng.

Công nghệ: Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển và đưa vào vận hành hệ thống các phần mềm ứng dụng tiên tiến, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm công nghệ ứng dụng kỹ thuật số mang tới khách hàng trải nghiệm đầu tư tối ưu.

Khách hàng: Luôn lấy khách hàng là trung tâm để xây dựng kinh doanh, những sản phẩm dịch vụ tối ưu, đem lại lợi ích và tiện ích nhất cho khách hàng trong việc sử dụng và trải nghiệm các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật số hiện đại.



KHẨU HIỆU

Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công/ Share opportunities, share success

Slogan khẳng định luôn đồng hành, đặt khách hàng là trung tâm trong chiến lược phát triển BSC với cam kết:

- Mang tới các sản phẩm và giá trị cho khách hàng;
- Mang tới sự thịnh vượng tài chính cho khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông của BSC.
- Thúc đẩy sự phát triển bền vững để mang lại những giá trị thực, lâu dài cho mỗi cá nhân trong tổ chức cũng như cộng đồng xã hội.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BSC xác định phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng, là hướng đi lâu dài tạo giá trị cho doanh nghiệp. Là một thành viên hoạt động tích cực vì sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và nền kinh tế xã hội nói riêng, BSC xây dựng và xác định rõ văn hóa để cao trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, góp phần phát triển xã hội ổn định, bền vững.



CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm 1999 Thành lập Công ty

Ngày 26/11/1999 được cấp phép thành lập với tên giao dịch Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên, đồng thời là Công ty đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Năm 2000 Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.



Năm 2010 – 2011 Chuyển đổi mô hình

Ngày 17/11/2010 thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng – chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng.

Ngày 19/07/2011 chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.



Năm 2013 Vươn lên TOP 10 thị phần môi giới

BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn HNX và HSX. Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu tại HNX.



Năm 2014 – 2015 Thành tựu ấn tượng trong mảng IB

Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.



Năm 2016 – 2018 Nâng cao năng lực tài chính

Ngày 12/12/2016, tăng vốn điều lệ lên 902 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai.

Ngày 27/11/2017, tăng vốn điều lệ lên 976 tỷ đồng.

Ngày 13/07/2018, tăng vốn điều lệ lên 1.109,7 tỷ đồng.



Năm 2019 – 2020 Tiên phong phát triển sản phẩm

Ngày 11/07/2019, tăng vốn điều lệ lên 1.220 tỷ đồng.

1 trong 2 Công ty chứng khoán đầu tiên phát hành chứng quyền có đảm bảo trên thị trường.

Ra mắt 02 sản phẩm mới ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ nhà đầu tư là i-Broker và i-Invest; đồng thời ra mắt sản phẩm Quản lý tài sản cá nhân i-Fortune tạo giá trị khác biệt cho khách hàng.



Năm 2021 Không ngừng cải tiến

Ra mắt tính năng mở tài khoản trực tuyến trên website và thông qua ứng dụng BIDV SmartBanking có ứng dụng công nghệ eKYC.

8 năm liên tiếp giữ vững vị trí TOP 1 thị phần môi giới TPCP trên sàn HNX.

Tháng 11/2021, BSC chuyển trụ sở mới, mang tới cho khách hàng sự thuận tiện, không gian giao dịch hiện đại, nâng cao trải nghiệm khách hàng.



Năm 2022 Vươn cánh chuyển mình

Trong bối cảnh năm 2022 tình hình kinh tế, chính trị, xã hội có những biến động không ngừng gây ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Nhưng BSC vẫn kiểm soát tốt rủi ro và đạt được những thành tựu tích cực trong chiến lược phát triển.

Tháng 6/2022: Ra mắt ứng dụng đầu tư chứng khoán thế hệ mới – BSC Smart Invest tích hợp nhiều tính năng nổi trội, là công cụ tiện lợi, thông minh, hiệu quả và hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư.

Tháng 9/2022: Hoàn tất giao dịch bán chiến lược với đối tác nước ngoài tổng giá trị đặt mua gần 2.700 tỷ đồng cho 65.730.042 cổ phần nâng tổng vốn chủ sở hữu lên gần 4.400 tỷ đồng.

Cuối năm 2022: BSC chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với hình ảnh logo trẻ trung, năng động được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi kết tinh trong suốt 23 năm hình thành và phát triển của BSC.



Năm 2023 Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công

Năm 2023 là năm của những dấu mốc đáng nhớ với BSC khi đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận trước thuế đạt mức 509 tỷ đồng, tăng 3.4 lần so với thực hiện năm 2022. Ghi nhận cho những nỗ lực không ngừng qua các Giải thưởng danh giá trong và ngoài nước; Duy trì vị thế trong Top 10 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh, TOP 1 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ, TOP 10 thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

Tháng 05/2023: Chính thức ra mắt nền tảng giao dịch chứng khoán toàn diện – BSC WebTrading: Giao dịch dễ dàng – Đầu tư nhẹ nhàng.

Tháng 06/2023: BSC chính thức đổi tên từ “CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam” thành “CTCP Chứng khoán BIDV” và tên viết tắt là BSC.



Năm 2024 Tiên phong phát triển sản phẩm

Tháng 03/2024: Ký kết thỏa thuận hợp tác nhằm phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm đầu tư an toàn, hiệu quả cho các khách hàng giàu có tại thị trường Việt Nam.



Năm 2025 Kiên định niềm tin – Đồng hành phát triển

Ra mắt sản phẩm đầu tư mới: Chứng chỉ quỹ CD-Flex phân phối qua kênh BIDV.

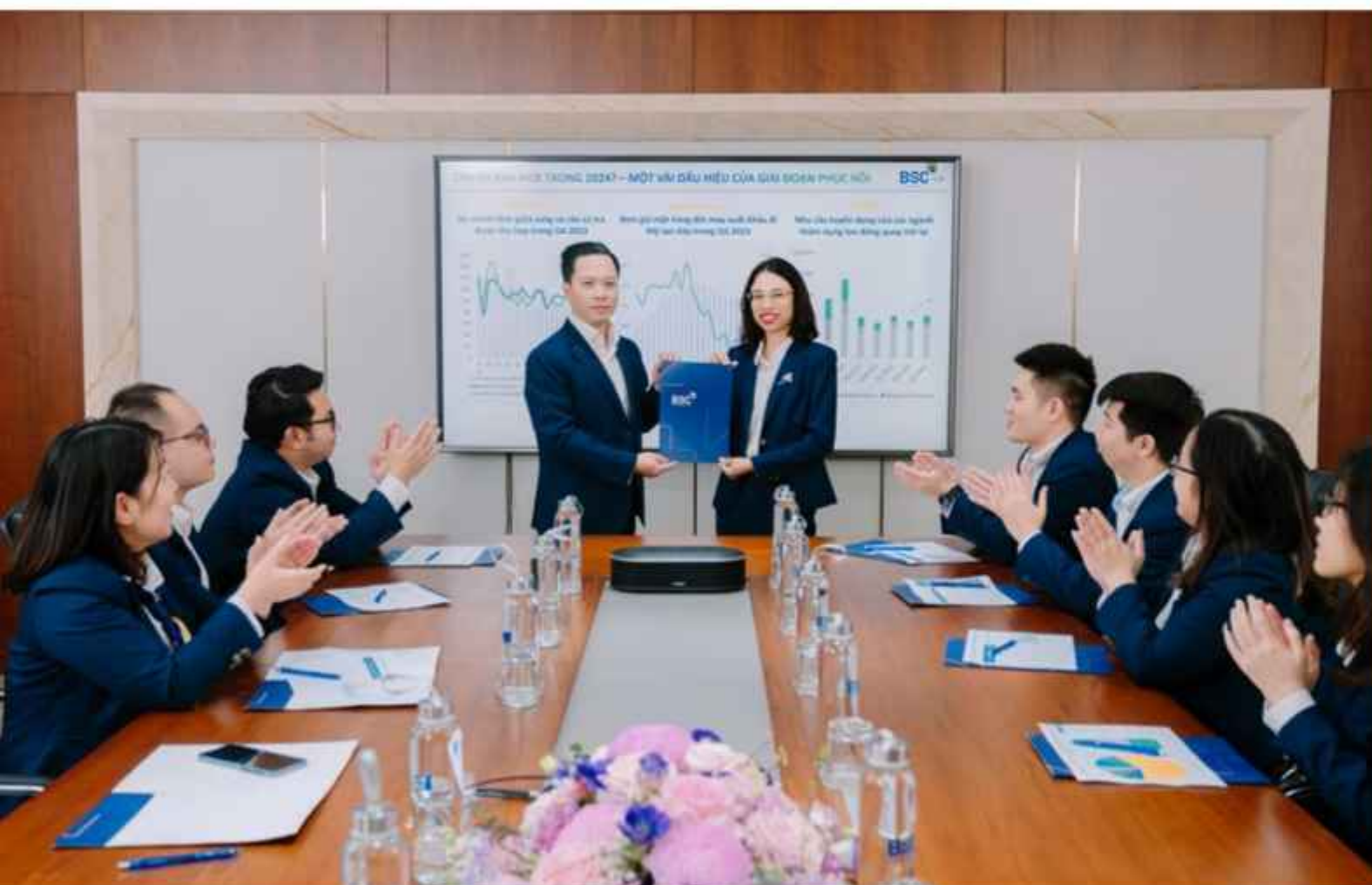
Kỷ niệm 3 năm hợp tác chiến lược BSC và Hana Securities. Chặng đường gắn kết – hợp tác được dệt bằng niềm tin, kiên định và khát vọng phát triển bền vững giữa hai nền tài chính Việt Nam – Hàn Quốc.

Vinh dự nhận Giải thưởng “Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam năm 2025” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

Chính thức ra mắt tính năng Giao dịch chứng khoán trên ứng dụng BIDV SmartBanking.



MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH



Với mong muốn nâng cao hơn nữa trải nghiệm của khách hàng, mạng lưới giao dịch được chúng tôi phát triển mở rộng trên toàn quốc. BSC luôn sẵn sàng cung ứng dịch vụ đến khách hàng với sự tận tâm, nhiệt huyết của toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên BSC.



Mạng lưới khách hàng giao dịch trên toàn quốc



Trụ sở chính

Tầng 8, Tầng 9, LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



TƯ VẤN ĐẦU TƯ



NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



ĐẦU TƯ

Trải qua 26 năm hình thành và phát triển, BSC luôn nỗ lực để phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách đa dạng và toàn diện. Mục tiêu BSC hướng đến không chỉ ở số lượng mà còn ở chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp, luôn tuân thủ nguyên tắc cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, mang lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ giao dịch chứng khoán

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán
- Đặt lệnh với các phương thức giao dịch thuận tiện: đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua web
- Đặt lệnh đấu thầu trái phiếu chính phủ
- Dịch vụ đại lý đấu giá
- Phân phối chứng chỉ quỹ mở

Dịch vụ tài chính

- Dịch vụ ký quỹ
- Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

Dịch vụ đăng ký lưu ký và thanh toán trái phiếu

- Lưu giữ thông tin và danh sách trái chủ
- Chuẩn bị danh sách trái chủ cho các sự kiện của Tổ chức phát hành và hội nghị người sở hữu trái phiếu
- Quản lý chuyển nhượng trái phiếu
- Chốt danh sách, xác định lãi suất và chi trả cổ tức cho các trái chủ



TƯ VẤN ĐẦU TƯ

- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tái cấu trúc danh mục
- Tư vấn chiến lược giao dịch
- Tìm kiếm và thực hiện các deal giao dịch lớn
- Quản lý tài sản cá nhân
- Cung cấp báo cáo phân tích hàng ngày, định kỳ hoặc đột xuất theo biến động của thị trường tài chính
- Tư vấn đầu tư các sản phẩm công nghệ i-Broker và i-Invest



NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Tư vấn cổ phần hóa
- Tư vấn niêm yết
- Tư vấn thu xếp nguồn vốn
- Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp
- Tư vấn M&A



ĐẦU TƯ

- Tự doanh cổ phiếu
- Tự doanh trái phiếu
- Tự doanh các sản phẩm cấu trúc

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).



Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 01 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.



Giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn Kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.



Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.



• Nhận bằng khen của Bộ tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013.

• Giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

• Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP 5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014.



• Giải thưởng Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.

• Giải thưởng Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

• Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình.



• Giải thưởng Best Investment Management 2016 do tạp chí World Finance bình chọn.

• Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.



• Giải thưởng Best Investment Management 2017 do tạp chí World Finance bình chọn.

• HNX trao kỷ niệm chương Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017 và Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên.



• Giải thưởng Nhà cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản tốt nhất Việt Nam năm 2018 do tạp chí World Finance tổ chức.

• Giải thưởng Best Securities Broker Vietnam 2018 do tạp chí CFI bình chọn.

• Top 3 hạng mục Best Overall Country Research, Top 1 hạng mục Best analyst for Automobiles & Components tại giải bình chọn Asia Money Broker Poll 2018 do tạp chí AsiaMoney/EuroMoney, dựa trên khảo sát các khách hàng tổ chức trên toàn cầu.



• Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2019” do tạp chí Ngân hàng Tài chính Toàn cầu (Global Finance and Banking) tại London – Anh quốc bình chọn.

• Top 3 Công ty chứng khoán Việt Nam trong cả 3 hạng mục của Asia Money Broker Poll 2019 – (1) Best overall research, (2) Best overall sales service và (3) Best local brokerage.



• Giải thưởng “Công ty chứng khoán có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu” tại sự kiện Diễn đàn Dịch vụ Tài chính Việt Nam.

• Giải thưởng “Công ty chứng khoán có dịch vụ Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2020” do tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.



• Giải thưởng “Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2021” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Danh hiệu “Đơn vị dẫn đầu khối Công ty năm 2021” do BIDV trao tặng.

• 06 giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng

Top 1 Chuyên gia phân tích ngành xây dựng và kỹ thuật

Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới nội địa tốt nhất

Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ phân tích nghiên cứu tốt nhất

Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ bán hàng tốt nhất

Top 2 Công ty chứng khoán có hoạt động giao dịch tốt nhất

Top 3 Công ty chứng khoán tiếp cận doanh nghiệp tốt nhất

• Vinh danh “TOP 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam giai đoạn 2020 – 2021” do báo VnEconomy, Kinh tế Việt Nam và Vietnam Economic Times tổ chức.



• Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2022” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Giải thưởng “Nhà phân tích xuất sắc nhất năm 2022” được trao cho ông Trần Thăng Long – Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu công ty BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



• Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Danh hiệu “Đơn vị dẫn đầu khối Công ty năm 2023” do BIDV trao tặng.

• Giải thưởng Nhà phân tích định lượng/kỹ thuật xuất sắc nhất Việt Nam năm 2023 được trao cho Bà Đỗ Thu Phương – Phó Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



• Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2024” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Nhận bằng khen của Bộ Tài chính ghi nhận thành tích đóng góp xây dựng, phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2020 – 2024.

• Nhận bằng khen của Bộ Tài chính ghi nhận thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2020 – 2024, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.



• Giải thưởng “Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam năm 2025” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

• Danh hiệu “Đơn vị dẫn đầu khối Công ty năm 2025” do BIDV trao tặng.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025

26 Môi trường kinh doanh

38 Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2025



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

I. DIỄN BIẾN NỀN KINH TẾ TRONG NĂM 2025

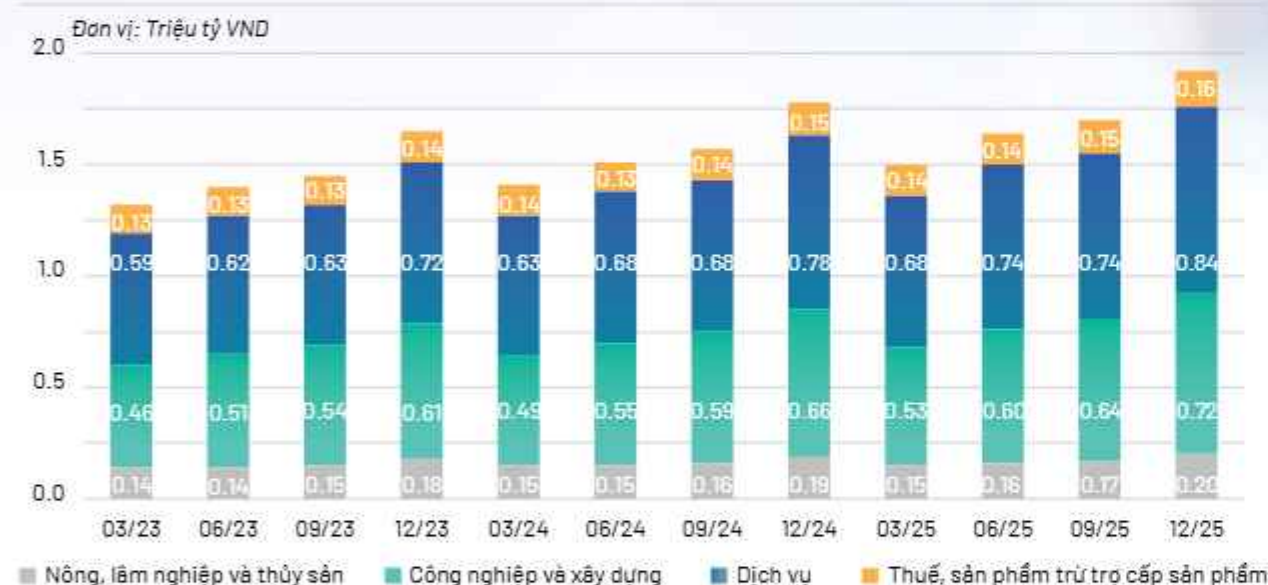
8,02%

1. GDP

Tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam đạt mức 8,02% y/y, trong đó, quý I tăng 7,05% y/y, quý II tăng 8,16%, quý III tăng 8,25% và quý IV tăng 8,46%. Dữ liệu cho thấy xu hướng tăng đang được thiết lập qua thời gian.

Đồ thị 1: Tăng trưởng GDP hàng năm

Nguồn: GSO, BSC Research



Kinh tế Việt Nam năm 2025, xét từ phía cung, giá trị tổng sản phẩm quốc nội theo phân ngành kinh tế đã có sự phục hồi đáng kể. Trong đó: (1) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78% y/y (đóng góp 5,30%) mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ nhưng nhờ triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai tại nền sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì ở mức ổn định; (2) Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95% y/y (đóng góp 43,82%) với đầu tàu là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97% y/y là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2025; (3) Khu vực dịch vụ tăng 8,62% y/y (đóng góp 51,08%) do các hoạt động xuất nhập khẩu, du lịch tăng cao và khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay trong bối cảnh Việt Nam tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn.

Xét từ phía cầu, Tiêu dùng phục hồi qua thời gian phản ánh kết quả từ chính sách kích cầu của Chính phủ. Năm 2025,

dữ liệu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (BLHH và DV) tiêu dùng ước đạt gần 7.008 triệu tỷ đồng, tăng 9,2% y/y, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,7% y/y (tương đương mức tăng 2024). Sự phục hồi tiêu dùng đến từ (1) Việc gia hạn giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) 2% còn 8% đến hết năm 2026 cùng các chính sách kích cầu khác; (2) Du khách quốc tế gia tăng trở lại trong bối cảnh Việt Nam tổ chức các sự kiện kỷ niệm lớn của dân tộc; (3) Tăng lương cơ sở của người lao động, và nâng mức độ giảm trừ gia cảnh trong tính thuế thu nhập cá nhân, (4) Những khoản chi tiêu một lần như chi tiêu theo Nghị định 178, Nghị định 67 với mục đích trợ cấp tình nguyện biên chế, trợ cấp thất nghiệp; chi tiêu phúc lợi xã hội kỷ niệm dịp đại lễ...

Tuy vậy, tốc độ phục hồi tiêu dùng trong nước vẫn còn khá chậm.

Đồ thị 2: Diễn biến tiêu dùng trong nước

Nguồn: GSO, BSC Research



3,21%

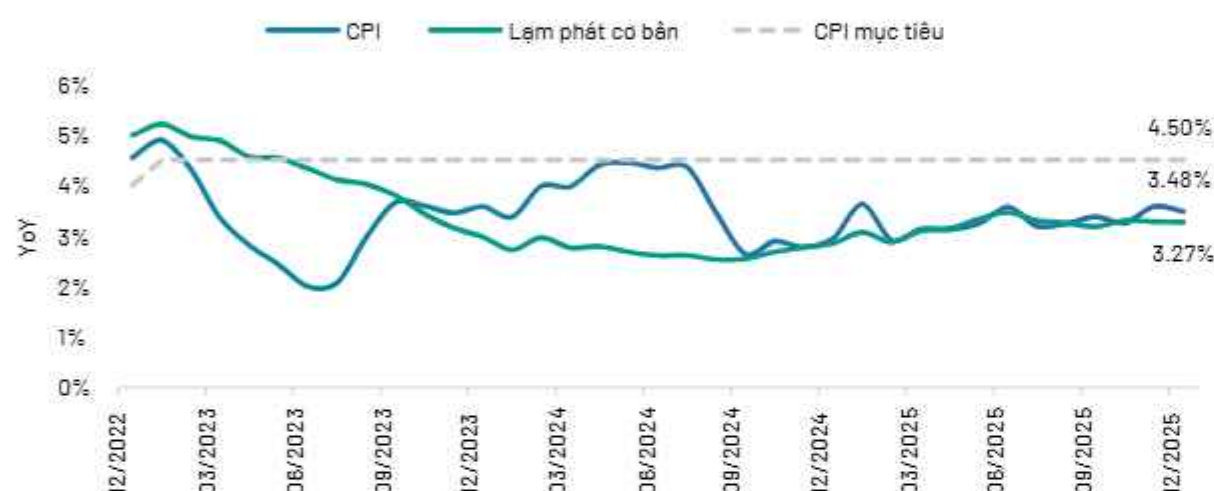


2. LẠM PHÁT

Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mức tăng 3,63% của năm 2024 và ở dưới mức mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%.

Đồ thị 3: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Việt Nam

Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



Áp lực lạm phát trong năm 2025 không lớn nhờ:

- Nguồn cung của các mặt hàng lương thực, thực phẩm ổn định. Trong năm, giá heo hơi duy trì đà giảm và mới chỉ tạo đáy từ giữa tháng 11, trung bình cả năm tăng 3,5% y/y; giá gạo trung bình cả năm giảm 28,48% y/y;
- Giá xăng dầu trong nước giảm so với năm trước theo giá dầu thế giới, trung bình cả năm giảm 7,57% y/y. Đóng góp vào đà tăng của lạm phát chủ yếu đến từ:
- Giá các mặt hàng do nhà nước quản lý: (1) Giá dịch vụ y tế: Một số địa phương thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT; (2) Học phí: Một số trường đại học, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương điều chỉnh tăng mức học phí năm học 2025 – 2026 dù các trường công lập được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP.
- Giá vật liệu xây dựng tăng do giải ngân đầu tư công tăng mạnh trong năm. Chỉ số giá nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng 2025 tăng 3,10% y/y (cùng kỳ 2024: tăng 0,31% y/y).



17,65%

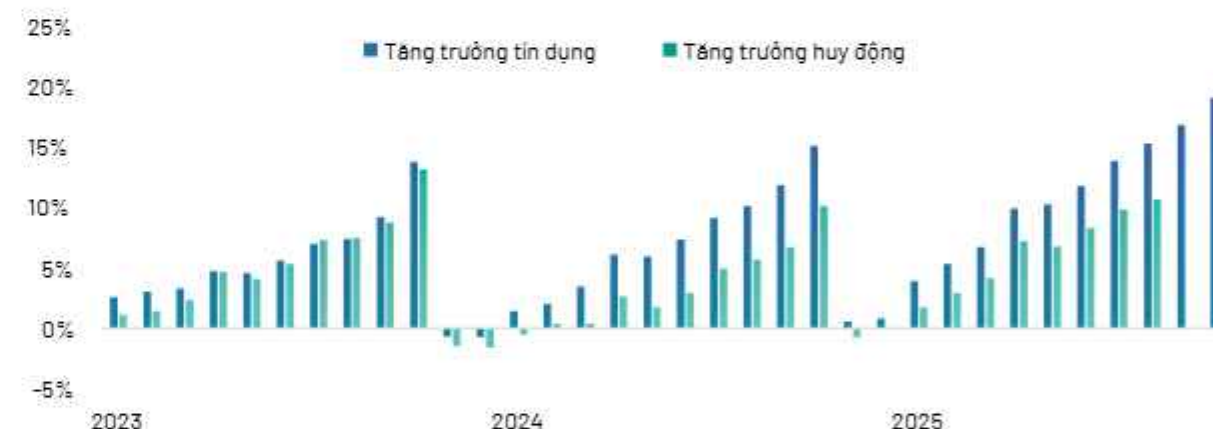


3. LÃI SUẤT

Tính đến ngày 22/12/2025, tín dụng ước tăng 17,65% YTD; Huy động ước tăng 13,68% YTD (Đồ thị 4: Diễn biến thanh khoản thị trường 1); Tổng phương tiện thanh toán ước tăng 14,98% YTD. Tỷ lệ Tín dụng/Huy động (LDR) toàn hệ thống đạt mức 110%, khoảng chênh lệch giữa tín dụng và huy động khoảng hơn 1,6 triệu tỷ đồng. Với việc tăng trưởng tín dụng nhanh, trong khi tăng trưởng huy động không theo kịp, điều này khiến cho các ngân hàng buộc phải đi vay trên thị trường hai. SBV với chủ trương giữ một bảng lãi suất thấp đã hỗ trợ bơm thanh khoản thông qua nghiệp vụ thị trường mở (Đồ thị 5: Diễn biến thanh khoản thị trường hai). Tuy nhiên, khoảng chênh lệch tín dụng và huy động là quá lớn, điều này đã khiến một bảng lãi suất huy động tăng (Đồ thị 6: Một bảng lãi suất trên thị trường một).

Đồ thị 4: Diễn biến thanh khoản thị trường một

Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



Đồ thị 5: Diễn biến thanh khoản thị trường hai

Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



Đồ thị 6: Mặt bằng lãi suất trên thị trường một

Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



4. TỶ GIÁ

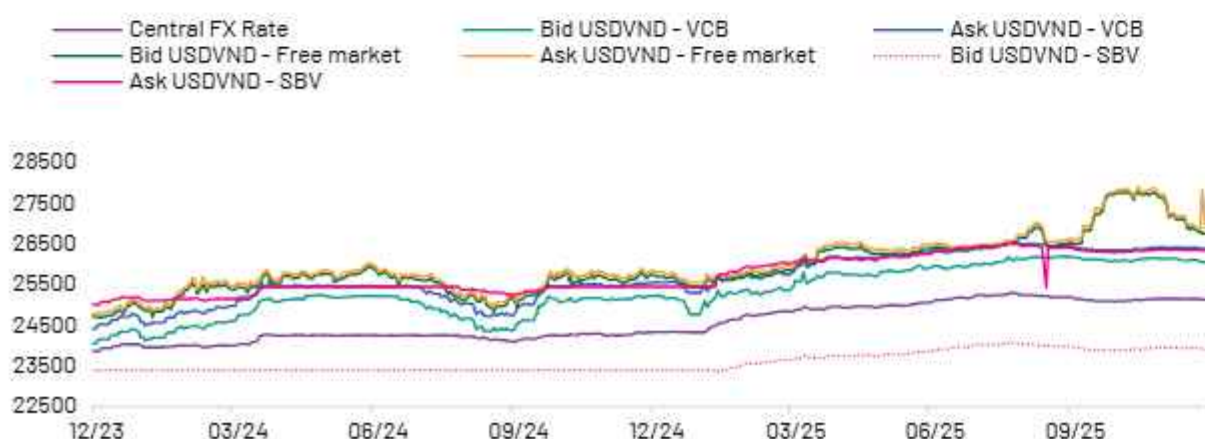
Tính đến hết năm 2025, chỉ số DXY giảm khoảng 10%, tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tăng khoảng 3,3% do một số yếu tố chính như:



- 1 Kho bạc Nhà nước mua khoảng 2 tỷ USD để trả nợ nước ngoài;
- 2 Giá vàng thế giới tăng mạnh, khiến cho một lượng lớn USD chảy ra ngoài thị trường để thực hiện các hoạt động mua vàng;
- 3 Các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện hoạt động chốt lời và chuyển lợi nhuận về nước, gồm cả doanh nghiệp FDI và FII;
- 4 Chỉ số DXY suy giảm, tuy nhiên, chênh lệch lợi suất TPCP Mỹ và Việt Nam duy trì ở mức cao, điều này cũng khiến dòng tiền dịch chuyển đến nơi có hiệu suất hấp dẫn hơn.

Đồ thị 7: Diễn biến tỷ giá trong nước

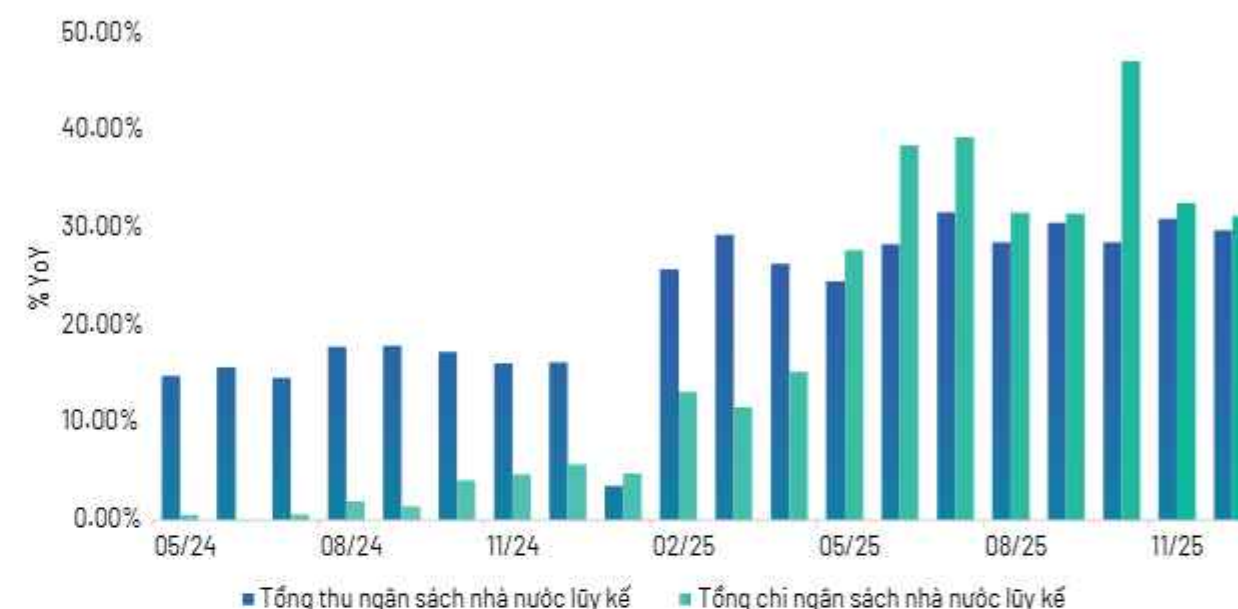
Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



5. CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Đồ thị 8: Tăng trưởng thu, chi NSNN tại Việt Nam

Nguồn: GSO, BSC Research



Theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê, thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2025 ước đạt 2,6 triệu tỷ đồng, bằng 134,7% dự toán năm và tăng 29,7% y/y. Đáng chú ý trong số này có mảng thu nội địa ước đạt 2,28 triệu tỷ đồng, bằng 136,7% dự toán năm và tăng 33,2% so với năm trước, trong đó, một số khoản thu nội địa đạt khá như: Các khoản thu từ nhà, đất ước đạt 575,5 nghìn tỷ đồng, bằng 196,4% dự toán năm nhờ các địa phương đẩy mạnh đấu giá đất, cho thuê đất đã góp phần huy động kịp thời nguồn lực từ đất đai cho ngân sách. Điều này cho thấy kết quả bước đầu từ việc tháo gỡ khó khăn trên thị trường bất động sản của Chính phủ.

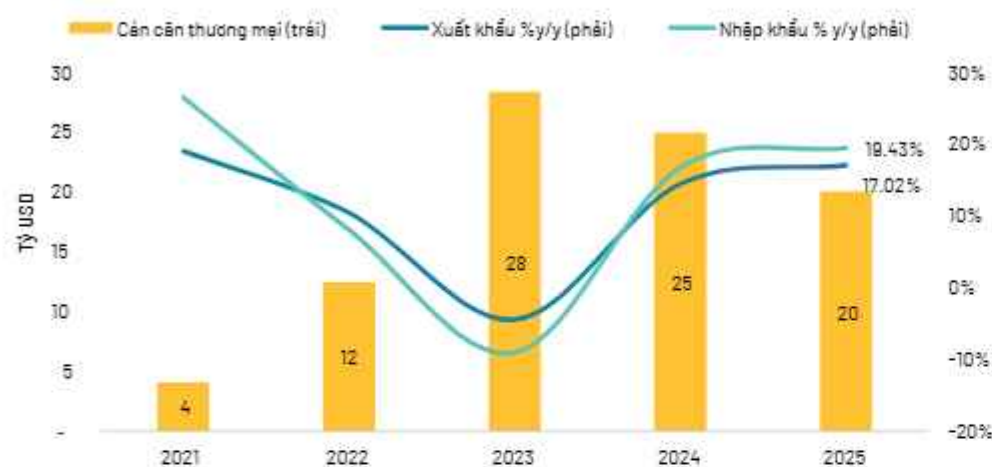
Về chi NSNN năm 2025 ước đạt 2,4 triệu tỷ đồng, bằng 93,2% dự toán năm và tăng 31,2% y/y. Trong dữ liệu chi NSNN đã bao gồm tăng chi cho các đối tượng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ từ nguồn cải cách tiền lương của Ngân sách Trung ương (NSTW) và tăng chi từ nguồn tăng thu NSNN, chi kỷ niệm, tặng quà cho người dân dịp 80 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9. Trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan, những khoản chi mang tính chất một lần này đã gián tiếp kích cầu tiêu dùng, củng cố niềm tin người dân vào lập trường thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Chính phủ.



6. XUẤT NHẬP KHẨU

Đồ thị 9: Tăng trưởng Xuất nhập khẩu và Cán cân thương mại hàng hóa

Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



Trái ngược với phần đông dự báo ban đầu, hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2025 đã có diễn biến ngoạn mục nhờ hiệu ứng nhập hàng trước (front-loading) tại Hoa Kỳ. Xuất khẩu đạt 475,06 tỷ USD (tăng 17,02% y/y); xuất khẩu từ khối FDI đạt 365,72 tỷ USD (tỷ trọng 76,98%, tăng 26,40% y/y). Nhập khẩu đạt 455 tỷ USD (tăng 19,43% y/y); nhập khẩu từ khối FDI đạt 317,63 tỷ USD (tỷ trọng 69,81%, tăng 31,09% y/y). Cán cân thương mại thặng dư 20 tỷ USD. Trong năm, tăng trưởng xuất nhập khẩu lũy kế mở rộng qua từng tháng.



Xuất khẩu

Về đối tác, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với giá trị xuất khẩu trong năm 2025 đạt 153,18 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 32,25% kim ngạch xuất khẩu, tăng 28,18% y/y. Trái ngược với dự báo suy giảm của thị trường hồi đầu năm, xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng mạnh nhờ hiệu ứng nhập hàng trước khi thuế quan có hiệu lực. Với dự báo cầu hàng nhập khẩu Hoa Kỳ sẽ giảm do tác động thuế quan, năm 2025 cũng là năm Việt Nam tích cực tìm kiếm các thị trường thay thế Hoa Kỳ. Xuất khẩu sang Trung Quốc và một số quốc gia châu Á khác như Hong Kong, Hàn Quốc, Nhật Bản đều ghi nhận tăng trưởng tốt hơn cùng kỳ 2024. Bên cạnh các nước Châu Á đóng góp vai trò chính, tăng trưởng xuất khẩu sang một số thị trường ở Châu Âu (Đức, Pháp, Áo) và thị trường Châu Phi đều ghi nhận con số tích cực.

Về mặt hàng, Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giữ vững vị trí đầu bảng về giá trị xuất khẩu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam (107,75 tỷ USD, 22,68%, tăng 48,42% y/y). Tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng này trong 2025 gấp đôi cùng kỳ 2024 (tăng 26,64% y/y) do (1) Hiệu ứng front-loading tại Hoa Kỳ; (2) Nhiều mặt hàng thuộc nhóm này được Hoa Kỳ xếp vào hàng hóa "bán dẫn" và được miễn thuế đối ứng; (3) Việt Nam thực hiện đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sang các thị trường khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Hong Kong, Thái Lan, Mexico,...

Nhập khẩu

Về đối tác, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam (186,03 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 40,89% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, tăng 29,17% y/y). Các mặt hàng Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc là Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (52,89 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 28,43% kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc, tăng 52,91% y/y) và Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (38,59 tỷ USD, 20,74%, tăng 33,25% y/y).

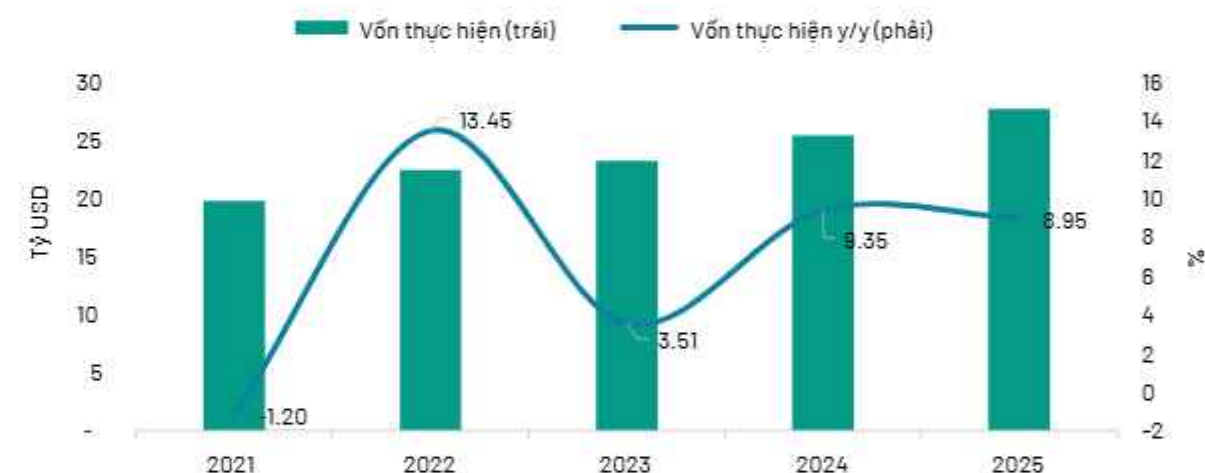
Đáng chú ý, nhập khẩu từ Đài Loan tăng vọt trong năm 2025 chủ yếu do mặt hàng Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (23,71 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 71,80% trong kim ngạch nhập khẩu từ Đài Loan, tăng 71,06% y/y), đóng góp 51% vào tăng trưởng nhập khẩu từ Đài Loan. Nhập khẩu từ Hoa Kỳ tăng vọt +27,71% y/y; giảm thâm hụt thương mại cho Hoa Kỳ là một trong những điều kiện để Việt Nam đối lấy mức thuế đối ứng hiện tại.

Về mặt hàng, Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác là những mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất trong năm.

7. FDI

Đồ thị 10: Diễn biến giải ngân FDI tại Việt Nam

Nguồn: FiinPro-X, BSC Research



Trong năm 2025

• Vốn FDI thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, tăng 8,95% y/y, cao hơn mức trung bình động 5 năm (tăng 6,81% y/y).



• Vốn FDI đăng ký cấp mới có 4.054 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 17,32 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 55,18% trong tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm, ghi nhận tăng 20,12% y/y về số lượng dự án cấp mới và giảm 12,22% y/y về số vốn đăng ký. Từ năm 2022 đến nay, số lượng dự án cấp mới duy trì xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

• Vốn FDI đăng ký tăng thêm đạt 14,07 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 44,82% trong tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm) với 1.404 dự án điều chỉnh tăng vốn, ghi nhận tăng 0,81% y/y về số vốn đăng ký tăng thêm và giảm 8,77% y/y về số lượng dự án điều chỉnh tăng vốn.

• Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 7,03 tỷ USD (tăng 54,8% y/y) với 3,587 lượt (tăng 2,43% y/y).

Xét về quốc gia

Singapore tiếp tục dẫn đầu về dòng vốn đăng ký cấp mới (4,84 tỷ USD, tỷ trọng 27,92%), theo sau là Trung Quốc (3,64 tỷ USD, 20,99%), Hong Kong (1,72 tỷ USD, 9,96%), Nhật Bản (1,62 tỷ USD, 9,36%). Dòng vốn FDI từ Singapore chủ yếu đầu tư vào nhóm Kinh doanh Bất động sản, với Bất động sản Khu công nghiệp đóng vai trò xương sống, ngoài ra còn Bất động sản đô thị & thương mại phân khúc cao cấp. Đáng chú ý, hai năm trở lại đây chứng kiến sự tăng lên của số lượng dự án cấp mới từ Trung Quốc, tỷ trọng trong tổng số lượng dự án đăng ký cấp mới tăng từ khoảng 20% (tháng 12/2023) lên 31,45% (tháng 12/2025), trong đó sôi động nhất là nhóm ngành Điện tử & linh kiện bán dẫn, pin mặt trời, nhóm ô tô,... Theo báo cáo thị trường của CBRE và Savills Việt Nam (2024), nhóm doanh nghiệp sản xuất từ Trung Quốc đang dẫn đầu về nhu cầu thuê nhà xưởng xây sẵn (RBF) tại miền Bắc. Phần lớn trong số này là các nhà cung cấp cấp 2, cấp 3 di chuyển theo chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn, với đặc điểm quy mô vốn nhỏ và tập trung vào công nghiệp phụ trợ (bao bì, linh kiện nhựa, khuôn mẫu).

Dòng vốn đăng ký cấp mới

Singapore	Trung Quốc	Hong Kong	Nhật Bản
4,84 tỷ USD 27,92%	3,64 tỷ USD 20,99%	1,72 tỷ USD 9,96%	1,62 tỷ USD 9,36%

Về dòng vốn đăng ký tăng thêm, dòng vốn từ Hàn Quốc dẫn đầu (3,3 tỷ USD, tỷ trọng 23,45%), theo sau là Singapore (2,15 tỷ USD, 15,24%); Malaysia (1,60 tỷ USD, 11,34%); Trung Quốc (1,56 tỷ USD, 11,06%); Nhật Bản (1,46 tỷ USD, 10,36%); Hong Kong (1,23 tỷ USD, 8,72%). Dòng vốn FDI từ Malaysia tăng đột biến từ tháng 9/2025 vào các dự án Bất động sản như Gamuda, SkyWorld,...

Dòng vốn đăng ký tăng thêm

Hàn Quốc	Singapore	Malaysia	Trung Quốc	Nhật Bản	Hong Kong
3,3 tỷ USD 23,45%	2,15 tỷ USD 15,24%	1,60 tỷ USD 11,34%	1,56 tỷ USD 11,06%	1,46 tỷ USD 10,36%	1,23 tỷ USD 8,72%

Công nghiệp chế biến	Bất động sản
9,8 tỷ USD 56,58%	3,67 tỷ USD 21,19%

Xét về ngành

Về vốn đăng ký cấp mới, ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (9,8 tỷ USD, 56,58%), theo sau là ngành bất động sản (3,67 tỷ USD, 21,19%). Đặc biệt, trong 2 năm trở lại đây, tỷ trọng đầu tư mới vào ngành bất động sản hầu như duy trì trên 20% (từ mức 4,6% cuối năm 2023) nhờ (1) Xu hướng xây dựng để cho thuê BĐS khu công nghiệp bùng nổ trong 2024 - 2025; (2) Dòng tiền FDI vào các dự án BĐS cho thuê văn phòng; (3) FDI mới đang đổ vào nhà xưởng xây sẵn (RBF) và kho bãi logistics (để phục vụ thương mại điện tử).

Vốn đăng ký tăng thêm đi cùng xu hướng với vốn cấp mới, với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất (8,79 tỷ USD, tỷ trọng 62,47%), theo sau là ngành bất động sản (2,59 tỷ USD, 18,41%).

Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo đạt (2,43 tỷ USD, 34,6%); hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đạt (1,29 tỷ USD, 18,3%); ngành còn lại 3,31 tỷ USD, 47,1%.

Về vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài,

Năm 2025, 173 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 1,0 tỷ USD, tăng 65,9% y/y; 32 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 360,8 triệu USD, gấp hơn 3 lần cùng kỳ. Tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 1,36 tỷ USD, tăng 88,7% y/y. Trong đó: Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 506,9 triệu USD, chiếm 37,2% tổng vốn đầu tư; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 300,7 triệu USD, chiếm 22,1%; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt gần 130,8 triệu USD, chiếm 9,6%.

Trong năm 2025, có 36 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào dẫn đầu (773,7 triệu USD, chiếm 56,8% tổng vốn đầu tư); theo sau là Philippines (92,0 triệu USD, 6,8%); Đức (78,1 triệu USD, 5,7%); Hoa Kỳ (74,5 triệu USD, 5,5%); Indonesia (69,6 triệu USD, 5,1%).

Lào	Philippines	Đức	Hoa Kỳ	Indonesia
773,7 triệu USD 56,8%	92,0 triệu USD 6,8%	78,1 triệu USD 5,7%	74,5 triệu USD 5,5%	69,6 triệu USD 5,1%



II. NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

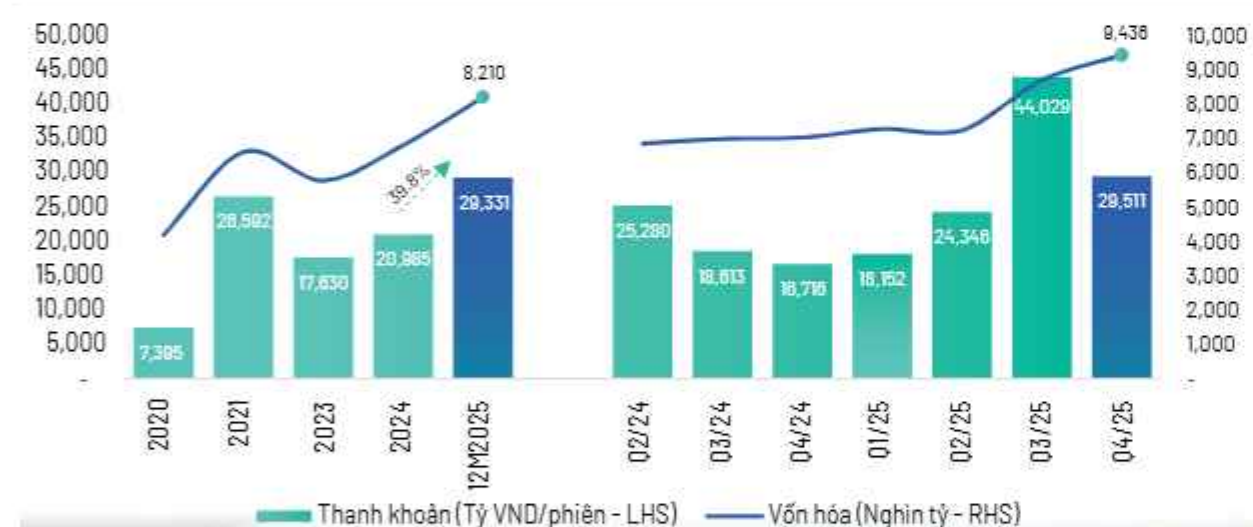
1. MỘT NĂM ĐẦY THĂNG TRẦM VỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Trong năm 2025, Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã trải qua một năm nhiều biến động với những nhịp điệu chỉnh và bứt phá đan xen. Trong Q1/2025, VN-Index ghi nhận đã tăng về vùng 1.330 cùng với thanh khoản cải thiện. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh mạnh xuất hiện vào tháng 4 sau thông tin vĩ mô tiêu cực từ phía Hoa Kỳ về việc áp thuế đối ứng 43% lên hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Nhờ các nỗ lực ngoại giao và tiến trình đàm phán thuế quan kéo dài 90 ngày của Chính phủ cùng các Bộ, ngành, mức thuế thực tế sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 20%. Điều này phần nào xoa dịu tâm lý tiêu cực của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thị trường nhanh chóng hồi phục trở lại và bước vào làn sóng uptrend thứ 5 chinh phục vùng 1.800 điểm với thanh khoản bùng nổ, có những phiên giao dịch đạt hơn 86.116 tỷ trên cả 3 sàn (tương đương với 3,26 tỷ USD). Trong Q4/2025, thị trường bước vào nhịp điều chỉnh sau thông tin về việc mất bằng lái suất huy động tại các ngân hàng thương mại có xu hướng tăng trở lại do gap chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn mở rộng. Tuy nhiên, thị trường nhanh chóng hồi phục vào giai đoạn cuối tháng 12. Kết phiên ngày 31/12/2025, VN-Index đóng cửa tại mức 1.784,49 điểm, thanh khoản giao dịch trung bình đạt hơn 29.331 tỷ/phiên (+39,77% y/y).

Đồ thị 11: Thanh khoản thị trường chứng khoán

Nguồn: FiinProX, BSC Research



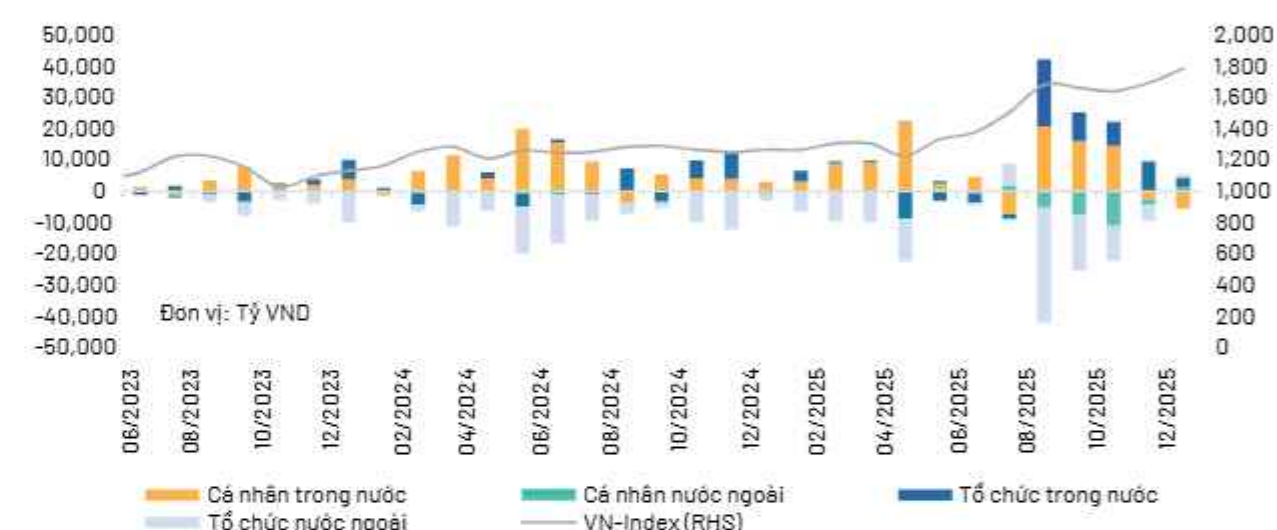
2. NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC TIẾP TỤC LÀ ĐỘNG LỰC CHÍNH NÂNG ĐỖ THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2025, Nhà đầu tư (NĐT) nước ngoài bán ròng hơn 135 nghìn tỷ đồng (tương đương với 5,13 tỷ USD), nguyên nhân đến từ áp lực tỷ giá tăng cao cùng với xu hướng dịch chuyển dòng vốn toàn cầu sang các thị trường phát triển khác. Tuy nhiên, đã bán ròng không diễn ra xuyên suốt năm 2025; khối ngoại đã có những nhịp giải ngân trở lại tại một số thời điểm như trong tháng 7 (mua ròng hơn 8.521 tỷ đồng) và tháng 12 (mua ròng hơn 1.692 tỷ đồng).

Về phía khối NĐT trong nước, NĐT cá nhân đóng vai trò là lực mua đối trọng lại áp lực bán ròng của khối ngoại. Bên cạnh đó, khối NĐT tổ chức trong nước quay trở lại mua ròng mạnh trong giai đoạn nửa cuối năm 2025. Tuy nhiên, dòng tiền có xu hướng suy giảm vào giai đoạn cuối năm đến từ áp lực "hút thanh khoản" từ hoạt động IPO, và hoạt động huy động vốn cùng với sức hút từ các kênh đầu tư khác.

Đồ thị 12: Thanh khoản thị trường chứng khoán

Nguồn: FiinProX, BSC Research

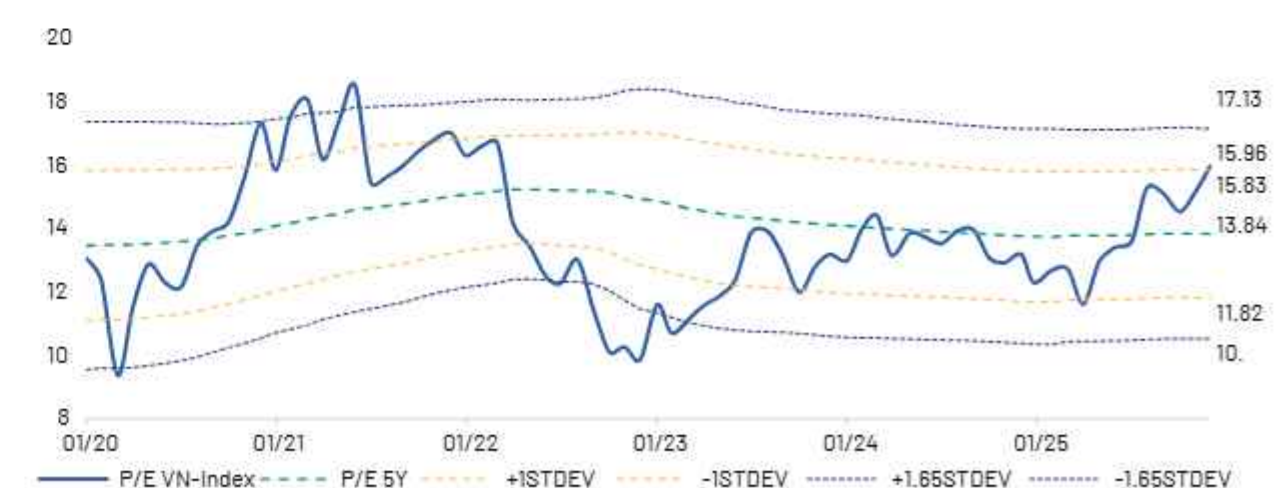


3. ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG HẤP DẪN

Tính đến ngày 31/12/2025, P/E đạt mức 15,96, nếu loại trừ nhóm cổ phiếu thuộc hệ sinh thái Vingroup, P/E của VN-Index đạt mức 13,17. Trong khi đó, P/B của VN-Index đạt 2,13 lần.

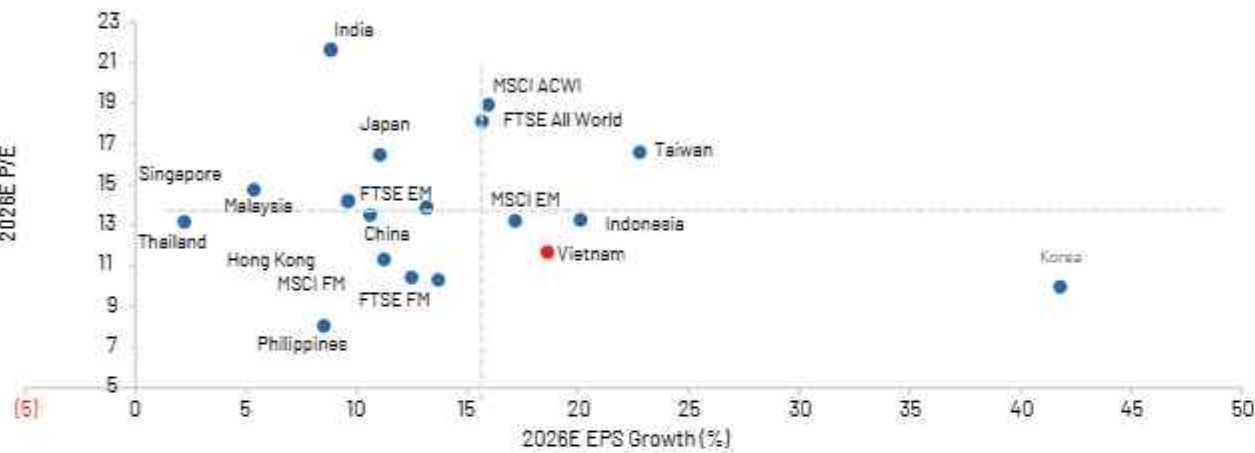
Đồ thị 13: P/E giao dịch quanh ngưỡng +1 độ lệch chuẩn

Nguồn: FiinProX, BSC Research



Mặc dù P/E đang giao dịch trên ngưỡng trung bình 5 năm, tuy nhiên nếu so mức định giá dự phóng trong năm 2026, Việt Nam vẫn đang tương đối hấp dẫn so với các quốc gia khác trong khu vực. Xét trong khu vực Châu Á, tốc độ tăng trưởng EPS và P/E dự phóng 2026 của Việt Nam có phần kém ưu thế hơn so với Hàn Quốc. Tuy nhiên, trong nhóm thị trường mới nổi, Việt Nam vẫn tương đối hấp dẫn hơn các quốc gia khác với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp dự phóng trong năm 2026 cao hơn trong khi mức định giá P/E lại thấp hơn hoặc tương đương.

Đồ thị 14: Tăng trưởng EPS (%) và P/E 2026F
Nguồn: Bloomberg, BSC Research
Dữ liệu cập nhật tại ngày 31/12/2025



BÁO CÁO VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BSC NĂM 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Trong bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam năm 2025 vẫn duy trì ổn định vĩ mô với tăng trưởng GDP trên 8%, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,3% và tăng trưởng tín dụng đạt 19%, mức cao nhất trong 15 năm. Trên thị trường chứng khoán, sau giai đoạn biến động mạnh do tác động từ môi trường quốc tế và trong nước, chỉ số VN-Index đã phục hồi và kết thúc năm 2025 ở mức kỷ lục 1.784,49 điểm, tăng gần 41% so với cuối năm 2024, cùng với thanh khoản cải thiện rõ rệt và nhiều mốc lịch sử được thiết lập trong năm, phản ánh sự trở lại mạnh mẽ của dòng tiền và niềm tin của nhà đầu tư.

Chủ động nắm bắt các điều kiện thuận lợi của thị trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị rủi ro và tối ưu hóa hoạt động, BSC đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025, bảo đảm an toàn vốn, kiểm soát tốt rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động trên nhiều mặt, qua đó củng cố vị thế và năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2025

Bảng cân đối kế toán
Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025	31/12/2024	Thay đổi
A. Tài sản ngắn hạn	16.233.652	9.761.438	66%
1. Tài sản tài chính	16.217.587	9.744.116	66%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.064.106	284.434	274%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	4.462.462	3.083.693	46%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.138.377	1.024.903	11%
Các khoản cho vay	9.337.840	5.200.190	80%
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0	34.411	
Dự phóng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-5.907	-6.380	-7%
Tài sản tài chính khác	220.710	122.865	80%
2. Tài sản ngắn hạn khác	16.064	17.323	0%
B. Tài sản dài hạn	394.101	553.617	-29%
1. Tài sản tài chính dài hạn	310.523	466.314	-33%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	310.523	466.314	-33%
2. Tài sản cố định	25.722	27.589	-7%
3. Tài sản dài hạn khác	57.855	59.714	-5%
TỔNG TÀI SẢN	16.627.752	10.315.056	61%
C. Nợ phải trả	11.099.994	5.253.174	111%
1. Nợ phải trả ngắn hạn	11.080.578	5.235.252	112%
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	9.603.480	4.876.835	97%
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	300.000	0	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.026.133	252.171	307%
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	0	0	
Nợ phải trả ngắn hạn khác	150.965	106.245	42%
2. Nợ phải trả dài hạn	19.416	17.923	8%
D. Vốn chủ sở hữu	5.527.758	5.061.882	9%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.510.315	4.287.263	5%
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	0	-4.286	0%
3. Lợi nhuận chưa phân phối	1.017.443	778.905	31%
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	16.627.752	10.315.056	61%



Quy mô tài sản tăng trưởng mạnh mẽ, đảm bảo chất lượng và bền vững. Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng tài sản của BSC đạt 16.628 tỷ đồng, tăng trưởng 61% so với cuối năm trước. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm 98% tổng tài sản, tương đương 16.234 tỷ đồng. Cụ thể, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 4.462 tỷ đồng, tăng 45%; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 1.138 tỷ đồng, tăng 11%; trong khi các khoản cho vay đạt 9.338 tỷ đồng, tăng mạnh 80%.

Chủ động mở rộng quy mô và cơ cấu nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển các hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31/12/2025, nguồn vốn chủ sở hữu của BSC đạt 5.528 tỷ đồng, tăng 9% so với cuối năm 2024; nguồn vốn nợ đạt 11.100 tỷ đồng, tăng 111% nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Hoạt động quản trị tài sản – nguồn vốn được vận hành hiệu quả, kiểm soát rủi ro chặt chẽ. BSC luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo các giới hạn trong mọi hoạt động kinh doanh. Công tác quản lý tài sản và dòng tiền được vận hành linh hoạt, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ để tối ưu hóa lợi nhuận, đồng thời không phát sinh rủi ro thanh toán hay thanh khoản, đáp ứng tốt các yêu cầu kinh doanh. Công ty thực hiện quy trình kiểm soát nhiều lớp, từ các bước kiểm soát tại tác nghiệp, quản trị rủi ro, đến việc rà soát của bộ phận Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng theo Thông tư 91/2020/TT-BTC được duy trì ở mức cao, đạt 536% tại ngày 31/12/2025, thuộc nhóm tốt theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Nhờ quản trị tài sản và nguồn vốn hiệu quả, linh hoạt, BSC đã đạt được sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh doanh và kiểm soát rủi ro trong năm 2025.



Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	2.097.190	1.410.672	49%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.200.161	865.272	39%
Lợi nhuận trước thuế	616.206	515.686	19%
Lợi nhuận sau thuế	493.666	413.071	20%
Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Thay đổi
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,47	1,86	-21%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,67	0,51	31%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,01	1,04	93%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	23,5%	29,3%	-20%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,3%	8,5%	9%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,7%	4,4%	-16%
4. Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.012	1.554	29%
- Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	2.012	1.554	29%

2. KẾT QUẢ KINH DOANH 2025



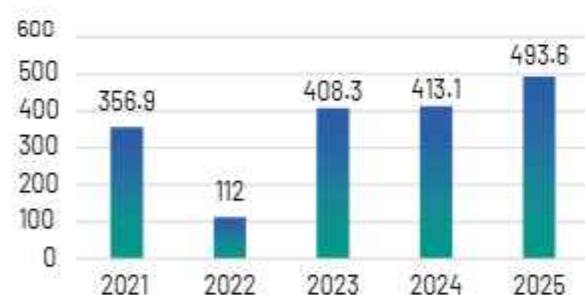
Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến giằng co với sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm ngành trong bối cảnh kinh tế vĩ mô dần ổn định nhưng dòng tiền thận trọng. Kết thúc phiên giao dịch ngày

31/12/2025, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.784,49 điểm, ghi nhận tăng 517,71 điểm, tương ứng mức tăng 41% so với cuối năm 2024. Giá trị giao dịch thị trường đạt bình quân 29.395 tỷ đồng/phiên, tăng 40% so với bình quân năm 2024.

Kết thúc năm 2025, BSC ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với lợi nhuận trước thuế đạt **616,2 tỷ đồng**, hoàn thành 110% kế hoạch kinh doanh, tăng 19% so với mức thực hiện năm 2024. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều biến động và thách thức, Công ty không chỉ duy trì được đà tăng trưởng lợi nhuận mà còn tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa mô hình quản trị và năng lực vận hành theo định hướng chiến lược. Bước chuyển mình quan trọng này thể hiện rõ năng lực thích ứng, bản lĩnh quản trị và tầm nhìn dài hạn của BSC, đồng thời tạo nền tảng vững chắc về tổ chức, vận hành và nguồn lực, làm tiền đề cho những bước phát triển bền vững và mang tính đột phá trong giai đoạn tiếp theo.

Kết quả kinh doanh BSC giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế



Doanh thu hoạt động



HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

TĂNG TRƯỞNG MẠNH QUY MÔ CHO VAY SONG HÀNH KIỂM SOÁT RỦI RO

Quy mô cho vay margin của BSC ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, đạt **9.338 tỷ đồng**, tăng **80%** so với cuối năm 2024. Trong giai đoạn 5 năm 2021-2025, tốc độ tăng trưởng kép dư nợ cho vay đạt 30%/năm, phản ánh sự mở rộng bền vững và hiệu quả trong hoạt động cho vay của Công ty.

Năm 2025, BSC không chỉ chú trọng mở rộng quy mô cho vay để tạo lợi nhuận mà còn kiên định với mục tiêu kép: thúc đẩy giao dịch qua các chính sách sản phẩm cạnh tranh và đảm bảo kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Công ty đã chủ động triển khai mô hình quản trị rủi ro theo "3 lớp phòng vệ" bao gồm kiểm soát tại bộ phận vận hành, quản trị rủi ro tại cấp chuyên trách, và giám sát độc lập từ kiểm toán nội bộ. Song song đó, BSC liên tục đánh giá, quản lý hạn mức theo từng khách hàng và danh mục, bám sát diễn biến thị trường nhằm tối ưu hóa tính cạnh tranh của sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo an toàn vốn.

Nhờ các biện pháp quản trị rủi ro đồng bộ và kịp thời, hoạt động cho vay margin tại BSC trong năm qua đã đạt hiệu quả tối ưu, với kết quả nổi bật là **không phát sinh nợ xấu** – một minh chứng rõ ràng cho năng lực quản lý và cam kết phát triển bền vững của Công ty.

Quy mô dư nợ cho vay tại BSC giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)



DUY TRÌ DOANH SỐ GIAO DỊCH ỔN ĐỊNH

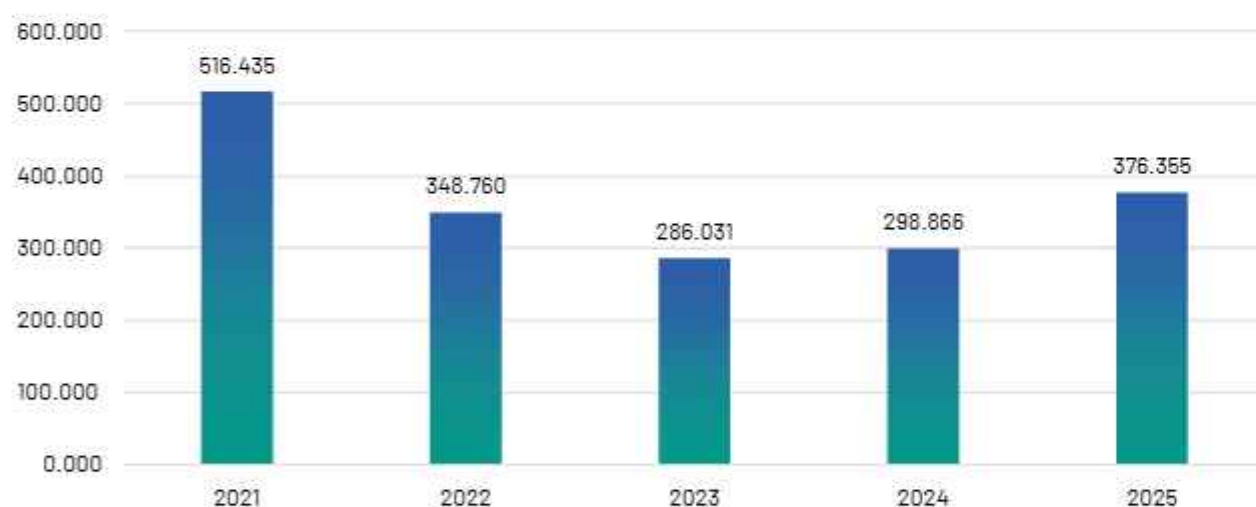


Năm 2025, doanh thu môi giới BSC đạt 376.4 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2024 nhờ thanh khoản thị trường cải thiện rõ rệt, đặc biệt trong nửa cuối năm 2025.

Trong bối cảnh thanh khoản thị trường chứng khoán năm 2025 phục hồi và cải thiện rõ rệt so với năm 2024, nhu cầu giao dịch và sử dụng dịch vụ tài chính của nhà đầu tư gia tăng. Nắm bắt xu hướng này, BSC tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ, tập trung nâng cao chất lượng, tối ưu hóa tiện ích và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Cách tiếp cận chủ động này không chỉ giúp Công ty khai thác hiệu quả sự phục hồi của thị trường mà còn khẳng định tầm nhìn dài hạn và cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư trong giai đoạn phát triển tiếp theo.



Biểu đồ doanh thu môi giới các năm (triệu đồng)



MỞ RỘNG NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ, mở rộng nền tảng khách hàng cũng được BSC chú trọng.

Dịch vụ môi giới cho khách hàng cá nhân

BSC đã đạt được nhiều thành tựu ấn tượng về tăng trưởng khách hàng trong năm 2025 thông qua việc cung cấp đa dạng sản phẩm dịch vụ, cũng như nghiên cứu, điều chỉnh các chính sách sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng. BSC áp dụng chính sách phí ưu đãi cho khách hàng mới, triển khai chương trình khuyến mãi dành riêng cho khách hàng mở tài khoản thông qua các đối tác lớn, qua đó mở rộng tệp

khách hàng và củng cố nền tảng nguồn thu bền vững. Trong năm 2025, BSC đã tổ chức nhiều chương trình tri ân sự đồng hành của khách hàng như "Vòng quay may mắn", "Mở mới trên BIDV SmartBanking", các gói ưu đãi "Margin 7.5%" và "Margin 7.5% dành cho sản phẩm BSC10",... qua đó gia tăng mức độ gắn kết khách hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, BSC đã tích cực mở rộng dịch vụ tại hầu hết các chi nhánh của BIDV, đảm bảo khách hàng được hỗ trợ kịp thời và hiệu quả. Đồng thời, BSC cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi linh hoạt (CD Flex) và các sản phẩm đầu tư khác. Danh mục sản phẩm được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nhiều khẩu vị rủi ro và nhu cầu đầu tư của từng nhóm khách hàng, qua đó nâng cao trải nghiệm, gia tăng khả năng lựa chọn và góp phần củng cố nền tảng tăng trưởng doanh thu bền vững.

Những sản phẩm, dịch vụ linh hoạt cùng chính sách khách hàng phù hợp đã giúp BSC duy trì sự hiện diện và dấu ấn trên thị trường, qua đó tiếp tục khẳng định năng lực chuyên môn và uy tín thương hiệu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với cam kết không ngừng cải tiến và đổi mới, BSC tiếp tục định hướng phát triển bền vững, mang lại giá trị gia tăng và trải nghiệm ngày càng tốt hơn cho khách hàng.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TƯ VẤN

Đa dạng các báo cáo phân tích, khuyến nghị: Với uy tín 26 năm trên thị trường, chất lượng báo cáo tư vấn phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức luôn được BSC chú trọng. BSC đã phát triển và thực hiện cung ứng toàn diện các sản phẩm phân tích theo thông lệ thị trường, có tính dẫn dắt thị trường. Trong năm 2025, BSC đã thực hiện 300 báo cáo phân tích gồm 282 báo cáo doanh nghiệp, 12 báo cáo VT mô tháng, 4 báo cáo Ngành lớn nhằm liên tục cập nhật các thông tin, tìm kiếm các mã cổ phiếu tốt khuyến nghị cho Nhà đầu tư.

Với nỗ lực mang tới cho nhà đầu tư và khách hàng dịch vụ tốt nhất, trong năm 2025, BSC đã được thị trường ghi nhận, đánh giá cao qua Giải thưởng "**Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam năm 2025**" do Tạp chí Global Banking and Finance Review bình chọn.

Dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức: Nền tảng khách hàng tổ chức giao dịch qua BSC tiếp tục được chú trọng mở rộng trong năm 2025, tiêu biểu là các quỹ lớn trên thị trường như VinaCapital, DCVFM, Manulife, KIM, Dai-ichi Life, Việt Cát Fund, ... Đối với mảng môi giới trái phiếu, BSC tiếp tục duy trì vị thế thuộc nhóm dẫn đầu môi giới trái phiếu chính phủ, thể hiện chất lượng dịch vụ ổn định, chuyên nghiệp cũng như sự tin nhiệm cao với các đối tác là các Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm.

Danh mục khuyến nghị đạt hiệu suất cao: BSC xây dựng danh mục khuyến nghị đáp ứng đa dạng nhu cầu đầu tư và phương án quản trị rủi ro tương ứng bao gồm Danh mục BSC10, BSC30, BSC50. Trong đó, danh mục BSC10 ổn định và kết quả tốt với hiệu quả đầu tư đạt 31% trong năm 2025.



TƯ VẤN TÀI CHÍNH

TĂNG TRƯỞNG TỐT TRONG ĐIỀU KIỆN THỊ TRƯỜNG NHIỀU THÁCH THỨC

Hoạt động Tư vấn tài chính của BSC trong năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, với việc triển khai thành công nhiều hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán và đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Tập đoàn Vingroup và CTCP Xây dựng, Đầu tư BĐS Việt Minh Hoàng; đồng thời thực hiện tư vấn phát hành trái phiếu cho các ngân hàng TMCP như MBB, TPB, tư vấn phát hành trái phiếu cho Becamex IDC..., Lũy kế năm 2025, doanh thu hoạt động Tư vấn tài chính đạt 73.5 tỷ đồng, tăng 3,8 lần so với năm 2024, qua đó khẳng định năng lực chuyên môn, uy tín và vị thế ngày càng được củng cố của BSC trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp.



ĐẦU TƯ & KINH DOANH NGUỒN VỐN

ĐIỀU TIẾT VÀ SỬ DỤNG VỐN HIỆU QUẢ, NÂNG CAO LỢI SUẤT ĐẦU TƯ

Trước những biến động của thị trường, BSC đã chủ động tận dụng các nhịp tăng điểm phù hợp, đồng thời triển khai quản trị rủi ro chặt chẽ trong các giai đoạn điều chỉnh, năm 2025, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 284.3 tỷ đồng.

• **Đầu tư cổ phiếu, sản phẩm cấu trúc:** Hoạt động đầu tư cổ phiếu được BSC triển khai theo định hướng thận trọng và chọn lọc, ưu tiên quản trị rủi ro trong các giai đoạn thị trường biến động mạnh, qua đó bảo đảm an toàn vốn và tính bền vững của danh mục. Bên cạnh đó, BSC tiếp tục đẩy mạnh phát hành chứng quyền dựa trên các cổ phiếu cơ sở là HPG, MBB, TCB, VHM, VPB,... nhằm cung cấp cho Nhà đầu tư các sản phẩm đầu tư có đòn bẩy, thanh khoản tốt và đa dạng hóa sản phẩm đầu tư sinh lời.

• **Đầu tư trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:** Hoạt động kinh doanh trái phiếu và giấy tờ có giá của BSC ghi nhận diễn biến thuận lợi hơn so với năm trước, trong bối cảnh thị trường trái phiếu từng bước phục hồi và thanh khoản cải thiện. Bên cạnh mục tiêu tối ưu hóa lợi suất, BSC tiếp tục ưu tiên phân bổ vào trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi nhờ tính an toàn cao, qua đó phát huy vai trò trong hoạt động nguồn vốn, bảo đảm thanh khoản và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2026

50

Bối cảnh thị trường năm 2026

60

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026





BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2026

I. DỰ BÁO DIỄN BIẾN NỀN KINH TẾ TRONG NĂM 2026

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2026

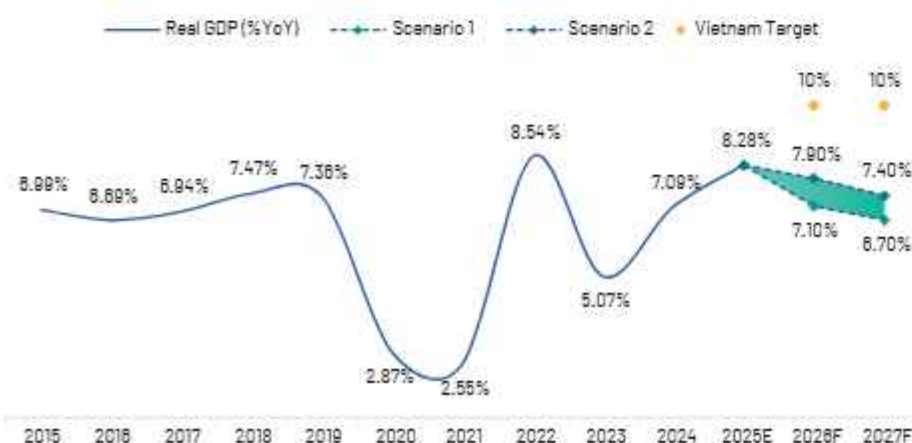


1. GDP

Nhìn về năm 2026, chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 7,1% - 7,9% đến từ việc (1) Tiêu dùng phục hồi từ từ; (2) Đầu tư là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (3) Tăng trưởng xuất nhập khẩu chậm lại sau 2 năm tăng trưởng cao.

Đồ thị 15: Dự báo tăng trưởng GDP

Nguồn: GSO, BSC Research dự báo



Tiêu dùng: Kỳ vọng tiếp tục phục hồi

Bên cạnh các yếu tố tích cực thúc đẩy tiêu dùng như đã đề cập ở trên, Chúng tôi cũng nhận thấy những yếu tố khiến cho tiêu dùng tăng trưởng chậm lại như sau:

- 1 Chính sách chống hàng giả khiến cho người dân thận trọng khi tiêu dùng;
- 2 Chính sách thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân áp dụng lên các hộ kinh doanh nhỏ lẻ. Trong ngắn hạn, chi phí kinh doanh của họ sẽ tăng lên, và họ cần một khoảng thời gian để thích ứng chính sách. Nhìn từ góc độ chi tiêu, các hộ kinh doanh nhỏ lẻ cũng chính là một thành phần tiêu dùng lớn trong nền kinh tế, do đó, để thích ứng với các chính sách thuế, họ sẽ thắt chặt hầu bao chi tiêu tiêu dùng trong thời gian ngắn tới.
- 3 Xung đột tại Trung Đông khiến giá nhiên liệu trong nước tăng theo giá dầu thế giới. Điều này có thể làm tăng kỳ vọng lạm phát, từ đó hạn chế tiêu dùng của người dân.

Tổng quan, Việt Nam vẫn đang duy trì xung lực thúc đẩy tiêu dùng chống lại được các lực kéo. Trong năm 2026, chúng tôi dự báo tăng trưởng tiêu dùng từ 9,2% - 9,8%.

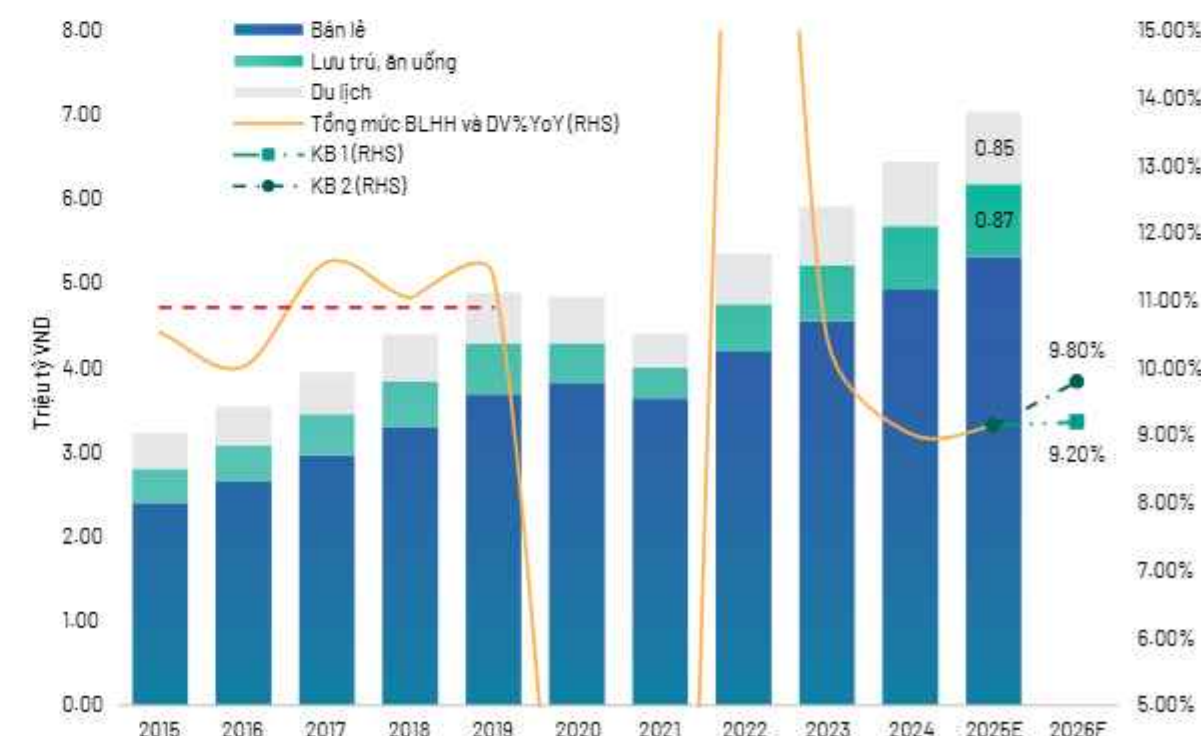


BSC dự báo tăng trưởng tiêu dùng năm 2026

9,2%-9,8%

Đồ thị 16: Dự báo tăng trưởng Tiêu dùng

Nguồn: GSO, BSC Research dự báo



Dấu tư: Động cơ chính thúc đẩy nền kinh tế

Dự báo tăng trưởng đầu tư năm 2026

9,5% - 12,0%

Động cơ chính thúc đẩy nền kinh tế

Dự báo cho năm 2026, chúng tôi dự báo tăng trưởng đầu tư từ 9,5% - 12,0% y/y. Dựa vào các yếu tố như sau:

1

• **Thứ nhất**, vốn đầu tư của khu vực nhà nước sẽ đóng vai trò then chốt trong việc lan toả niềm tin ra các thành phần khác của nền kinh tế. Theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, dự chi đầu tư phát triển khoảng 1,12 triệu tỷ đồng, tăng hơn 40% so với kế hoạch năm 2025.

2

• **Thứ hai**, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng do môi trường đầu tư được cải thiện, mặt bằng lãi suất vẫn ở mức thấp và triển vọng kinh tế phục hồi.

3

• **Thứ ba**, Việt Nam duy trì năng lực cạnh tranh so với các quốc gia trong cùng khu vực, tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (Dòng vốn FDI). Kỳ vọng tăng trưởng 5,0%-8,0% y/y.

Dự báo tăng trưởng thương mại năm 2026

6,0% - 10,0%

Xuất nhập khẩu: Tốc độ chậm lại sau hai năm tăng trưởng ấn tượng

Việt Nam ghi nhận tăng trưởng thương mại hai chữ số trong năm 2025 được thúc đẩy chính đến từ hiệu ứng nhập hàng trước của Mỹ. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng thương mại trong năm 2026 từ 6,0% - 10,0% do hiệu ứng nền cao đã hình thành trong hai năm 2024 và 2025, cũng như nhu cầu nhập hàng không còn tăng trưởng mạnh sau khi chính sách thuế quan mới của Chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump được áp dụng.



2. LẠM PHÁT

Năm 2026, các yếu tố tác động đến lạm phát bao gồm:

• Nền kinh tế thâm thủng tốt các chính sách nới lỏng trong năm 2025, dẫn đến áp lực cầu kéo trong 2026. Tiêu dùng có thể khôi phục trong năm 2026 nhờ các chính sách kích cầu. Tuy nhiên, các chính sách thuế chặt chẽ và chính sách chống hàng giả, hàng nhái có thể khiến tâm lý tiêu dùng thận trọng của người dân.

• Lương tối thiểu vùng: từ ngày 01/01/2026, lương tối thiểu vùng bình quân tăng 7,2% y/y. Lương cơ sở: lộ trình trong năm 2026 đang được thảo luận; nếu tăng thì khả năng cao sẽ tăng từ tháng 7, giống như các lần tăng trước đây.

• Giá heo: Hiện tại giá heo đã chạm mốc 76.000 đồng/kg do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi và bão lũ gây thiệt hại tại các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Năm 2026, dự kiến nguồn cung heo nửa đầu năm bị hạn chế do thời gian cần để tái đàn khoảng 5 - 6 tháng.

• Giá gạo tiếp tục ổn định ở mức thấp sau khi nguồn cung phục hồi.

• Giá xăng dầu: Áp lực tăng lạm phát hiện tại chủ yếu đến từ giá xăng dầu. Iran phong tỏa eo biển Hormuz khiến nguồn cung xăng dầu đến châu Á bị gián đoạn nghiêm trọng. Trong trường hợp chiến sự kéo dài, đứt gãy nguồn cung có thể khiến hiệu ứng lạm phát do chi phí đẩy lan tỏa ra toàn bộ nền kinh tế.

• Về chỉ số giá nhập khẩu, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác và các nguyên liệu sử dụng cho đầu vào sản xuất khác. Việt Nam chủ yếu nhập khẩu những sản phẩm này từ Trung Quốc - quốc gia vẫn đang ở trong tình trạng giảm phát do dư thừa sản xuất. Vì vậy, vấn đề lạm phát do nhập khẩu không đáng lo ngại trong năm 2026.

• Giá nguyên vật liệu xây dựng có thể tiếp tục tăng trong năm 2026 khi đầu tư công được đẩy mạnh.

• Giá các mặt hàng được quản lý như giá y tế, giá giáo dục, giá điện có thể được điều chỉnh tăng.

Với những yếu tố trên, BSC dự báo Kịch bản CPI năm 2026 như sau:

	Kịch bản 1	Kịch bản 2
CPI trung bình năm	4,5%	3,6%
Các giá định chính	• Giá dầu Brent trung bình: khoảng 83-90 USD/thùng. • Giá heo trung bình: 65.000 đồng/kg.	• Giá dầu Brent trung bình: khoảng 70 USD/thùng. • Giá heo trung bình: 63.000 đồng/kg.

3. LÃI SUẤT

BSC dự báo mặt bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trung bình có thể nhích tăng nhẹ từ 0,5% - 1,0% trong năm 2026. Nguyên nhân:

1

• **Thứ nhất**, chênh lệch giữa tín dụng và huy động mang tính cấu trúc, rất khó để giảm trong thời gian ngắn.

2

• **Thứ hai**, áp lực tỷ giá vẫn còn khi Cục dự trữ liên bang Mỹ FED có thể chưa cắt giảm lãi suất ngay trong nửa đầu năm 2026.

3

• **Thứ ba**, so với các kênh đầu tư khác như cổ phiếu, bất động sản, vàng thì kênh tiền gửi có lãi suất rất thấp. Nếu muốn huy động tăng lên để đáp ứng nguồn cho vay, buộc mặt bằng lãi suất phải tăng lên trở lại.

4

• **Thứ tư**, mặt bằng lợi tức của Trái phiếu chính phủ đã tăng lên trong thời gian vừa qua, với việc đẩy mạnh đầu tư công, hoạt động huy động nguồn của Chính phủ có thể tạo ra hiệu ứng lấn át (Crowding-out effect), điều này gián tiếp ảnh hưởng tới mặt bằng lãi suất trên thị trường.

Áp lực tỷ giá đã gia tăng sau khi xung đột Hoa Kỳ - Iran bùng phát cuối tháng 2/2026. Áp lực tăng từ giá năng lượng lên lạm phát Hoa Kỳ vốn đã dai dẳng khiến Fed có thể sẽ chỉ hạ lãi suất điều hành một lần hoặc thậm chí giữ nguyên mức lãi suất từ tháng 12/2025. Điều này kết hợp với việc đáo hạn các hợp đồng bán USD kỳ hạn của SBV sẽ khiến áp lực tăng tỷ giá USD/VND kéo dài.

+1,5% đến 3,5% y/y
Kịch bản 1

0% đến +1,5% y/y
Kịch bản 2

Trong văn bản dự toán NSNN năm 2026 Chính phủ trình và đã được Quốc hội thông qua, dự toán thu NSNN là 2,5 triệu tỷ đồng, tăng 28,6% so với dự toán năm 2025 và tăng 5,9% so với ước thực hiện năm 2025, tỷ lệ huy động vào NSNN khoảng 17,4% GDP; dự toán tổng chi NSNN năm 2026 khoảng 3,1 triệu tỷ đồng, tăng 22,6% so với dự toán năm 2025, trong đó, dự toán chi đầu tư phát triển 1,12 triệu tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 35,5% tổng chi NSNN, tăng 329,5 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 41,7%) so với dự toán năm 2025.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đưa ra một kế hoạch đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế rất tham vọng. Cụ thể, giai đoạn 2026-2030, Việt Nam dự kiến tổng mức vốn cần đối cho chi

Kịch bản	Tỷ lệ giải ngân	Số tiền (tỷ VND)
Kịch bản 1	85%	952 nghìn
Kịch bản 2	95%	1.064 triệu

Nguồn: BSC Research



Năm 2026, BSC dự báo kích bản xuất nhập khẩu Việt Nam như sau:

- 1

Thứ nhất, hiệu ứng front-loading tại Hoa Kỳ có thể sẽ kết thúc sau một năm tăng cường nhập khẩu dự trữ. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào diễn biến của chính sách thuế quan. Nếu sự bất ổn vẫn chiếm vị thế chủ đạo như năm 2025 thì hiệu ứng trên có thể tiếp diễn.

2

Thứ hai, xét về tổng thể, thuế quan khiến cầu hàng hóa nhập khẩu tại Hoa Kỳ giảm. Tuy nhiên, xét trên sự cạnh tranh về giá, hàng hóa Việt Nam vẫn có ưu thế nhất định khi mức thuế suất hiệu dụng (effective tariff rate) Hoa Kỳ áp lên Việt Nam thấp.

3

Thứ ba, trong trường hợp chủ đề đầu tư AI tại Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm 2026, xuất khẩu linh kiện điện tử Việt Nam tiếp tục được hưởng lợi với vai trò các thiết bị hỗ trợ.

Nguồn: BSC Research

	Kịch bản 1	Kịch bản 2
Khả năng xảy ra	80%	20%
Tăng trưởng xuất nhập khẩu (%y/y)	6,0% - 10,0%	Trên 10,0%
Các giả định chính	- Hiệu ứng front-loading tại Hoa Kỳ kết thúc. - Thuế 40% cho hàng hóa "transshipment" chính thức có hiệu lực.	- Chính sách thương mại tiếp tục bất ổn. - Thuế 40% cho hàng hóa "transshipment" chưa chính thức có hiệu lực khiến hiệu ứng front-loading tiếp diễn.
Yếu tố hỗ trợ xuất khẩu của Việt Nam	Effective tariff rate của Việt Nam ở mức trung bình thấp so với các quốc gia cạnh tranh, hàng hóa Việt Nam có sức cạnh tranh về giá.	



7. FDI

Trong năm 2026, dòng vốn FDI vào Việt Nam hưởng lợi từ những chính sách mới được ban hành:

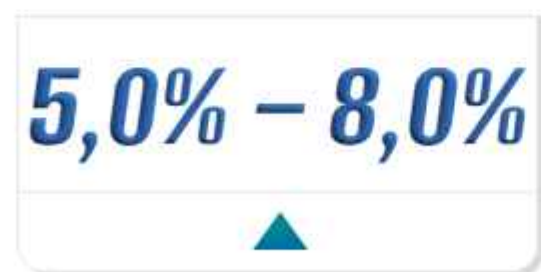
Nghị định số 205/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/09/2025: Mở rộng chính sách ưu đãi cho các ngành công nghiệp hỗ trợ. Các doanh nghiệp thuộc danh mục ưu tiên phát triển được hưởng mức hỗ trợ lên tới 50 - 70% chi phí liên quan đến R&D, đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ.

Luật thuế thu nhập cá nhân 2025: Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Luật Đầu tư 2025 đưa ra nhiều biện pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Nội dung cải cách đáng chú ý bao gồm: giảm 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính và chi phí liên quan đến kinh doanh, và loại bỏ ít nhất 30% các điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Ở chiều ngược lại, thuế quan là con gió ngược đối với dòng vốn FDI. Các doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng trên 70% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam; đặc biệt chiếm gần 100% đối với xuất khẩu các mặt hàng công nghệ cao. Tăng trưởng xuất nhập khẩu trong năm 2026 chậm lại sẽ kéo theo dòng vốn FDI thực hiện cũng như đăng ký.

BSC dự báo tăng trưởng vốn FDI thực hiện năm 2026 từ 5,0% - 8,0% y/y.



II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2026: VỮNG TAY CHÈO QUA VÙNG NƯỚC DỮ

Dựa trên sự tổng hòa các yếu tố vĩ mô và xu hướng thị trường, BSC Research định hướng chiến lược năm 2026 thông qua thông điệp chủ đạo: **"Vững tay chèo qua vùng nước dữ"**.

Trong Q1/2026, nền kinh tế toàn cầu đã đối mặt với "vùng nước dữ" đến từ cuộc xung đột giữa Hoa Kỳ - Israel - Iran tại khu vực Trung Đông. Sự kiện này đã ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu và có tác động lớn lên thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế. Xung đột leo thang tại khu vực Trung Đông đã làm dấy lên lo ngại về nguy cơ đóng cửa eo biển Hormuz, gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng dầu mỏ và nhiên liệu. Điều này đã đẩy giá dầu tăng mạnh, có thời điểm chạm mốc 120 USD/thùng. Cuộc xung đột đã kích hoạt làn sóng bán tháo tại hầu hết các thị trường chứng khoán Châu Âu và Châu Á với những phiên giảm điểm từ 4-6%. Tại Việt Nam, ngày 09/03/2026, VN-Index đã chứng kiến phiên sụt giảm mạnh hơn 6,51%, tính trong tháng 03, thị trường đã ghi nhận xu hướng điều chỉnh hơn 10,95% so với tháng trước.

Ngoài ra thị trường cũng phải đối mặt với những biến số như:

- 1** Rủi ro trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ, đặc biệt là chính sách điều hành của Tổng thống Donald Trump;
- 2** Tốc độ nới lỏng lãi suất của Fed chậm gây áp lực lên tỷ giá.
- 3** Rủi ro rung lắc của hiện tượng hút thanh khoản từ các đợt IPO, phát hành tăng vốn lớn của doanh nghiệp.

Để vượt qua "vùng nước dữ" nhà đầu tư cần giữ vững tay chèo với "mái chèo" là sự vững chắc của các trụ cột kinh tế vĩ mô và các chính sách định hướng duy trì tăng trưởng GDP cao của Chính phủ. Song hành với đó, kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp tăng trưởng ở mức 11-12% sẽ tạo nền an toàn cho sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán.

Động lực để thị trường chứng khoán vượt qua "vùng nước dữ" và điều chỉnh về mức "bình thường mới" sau giai đoạn biến động mạnh đến từ sự hội tụ của 3 yếu tố:

- 1** Cú hích nâng hạng FTSE Russell tạo điều kiện khơi thông thanh khoản.
- 2** Mức định giá P/E đang ở vùng hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng (Chi tiết trang 38).
- 3** Sự bứt phá của các trụ cột kinh tế và sự đồng thuận của các nhóm ngành dẫn dắt.

Kịch bản: VN-Index năm 2026

KB 1 (Tiêu cực)	KB Cơ sở	KB 2 (Tích cực)
VN-Index 1.561; tương đương với mức P/E fw: 11,0-12,0; tăng trưởng LNST: 7-8%; Thanh khoản (trung bình): 0,75-0,85 tỷ USD/phiên.	VN-Index 1.756; P/E fw: 12,5-13,x, tăng trưởng LNST: 11-12%; Thanh khoản (trung bình): 0,96 tỷ USD/phiên.	VN-Index 1.928; tương đương với mức P/E fw > 13,5 - 14,0, tăng trưởng LNST > 12%, Thanh khoản (trung bình): 1,15-1,25 USD/phiên.



Bảng 3 : Các chỉ báo thị trường từ 2021 – 2025

Nguồn: BSC Research tổng hợp

Các tiêu chí	2021	2022	2023	2024	2025
Tiêu chí chung					
VN-Index	1.498,28	1.007,09	1.129,93	1.266,78	1.784,49
% tăng trưởng	35,73%	-32,78%	12,20%	12,11%	40,87%
HNX-Index	473,99	205,31	231,04	227,43	248,77
UPCOM-Index	112,68	71,65	87,04	95,06	120,97
Số công ty niêm yết					
VN-Index	404	402	394	392	395
HNX-Index	345	341	327	313	304
UPCOM-Index	892	892	862	886	878
Số tài khoản (nghìn tài khoản)					
% tăng trưởng	56%	60%	6%	28%	28%
Tài khoản nước ngoài	40	43	45	48	50
Tài khoản trong nước	4.271	6.854	7.247	9.250	11.822
Vốn hóa thị trường (tỷ USD)					
% tăng trưởng	43%	-33%	14%	16%	83%
Giá trị mua/bán ròng khối ngoại (triệu USD)					
	-2.287	1.061	-975	-3.569	-5.130
Tiêu chí thanh khoản					
GTGD trung bình/phiên 3 sản (triệu USD)	1.051	797	697	830	1.112
% tăng trưởng	260%	-24%	-13%	19%	34%
Số lượng CP giao dịch BQ từ 1 triệu USD/ngày trên HOSE	127	120	104	113	121
Định giá					
VN-Index					
- P/E	17,58	10,42	13,63	13,25	15,96
- P/B	2,8	1,6	1,7	1,7	2,1
HNX-Index					
- P/E	25,1	12,04	19,46	16,82	18,52
- P/B	2,7	1,2	1,4	1,5	1,6

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

1. CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY



Nâng cao năng lực tài chính

Tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn, sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính; chủ động tìm kiếm và khai thác các nguồn vốn chi phí thấp trong và ngoài nước nhằm tiết giảm chi phí vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.



Nâng cao chất lượng dịch vụ

Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, phù hợp với từng phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức; rà soát, điều chỉnh chính sách sản phẩm và chính sách giá theo hướng linh hoạt, cạnh tranh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cấp hệ thống giao dịch nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng tỷ lệ khách hàng hoạt động.



Mở rộng mạng lưới bán hàng

Phát triển nhóm khách hàng VIP, khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài thông qua các chính sách sản phẩm chuyên biệt; tăng cường hợp tác bán chéo với các cổ đông chiến lược như BIDV và Hana Securities; mở rộng tệp khách hàng trên cơ sở hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ.



Nâng cao hiệu quả đầu tư

Bám sát diễn biến thị trường, chủ động nắm bắt cơ hội đầu tư phù hợp; phân bổ danh mục theo hướng cân bằng giữa mục tiêu sinh lời và kiểm soát rủi ro; phát triển các mảng kinh doanh vốn mang lại nguồn thu ổn định từ các định chế tài chính và quỹ đầu tư.



Thúc đẩy mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư

Tăng cường tìm kiếm và triển khai các giao dịch tư vấn tài chính, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược như BIDV và Hana Securities; nghiên cứu mở rộng hoạt động tư vấn trong lĩnh vực tài chính xanh và phát triển bền vững, hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

2. CÁC CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH



Hoàn thiện cơ chế quản trị

Tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị thống nhất, minh bạch và xuyên suốt, nâng cao hiệu quả kiểm soát, giám sát hoạt động, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.



Nâng cao năng lực quản trị rủi ro

Rà soát, cập nhật khung quản trị rủi ro và các chính sách liên quan theo quy định pháp luật và thông lệ quốc tế; tăng cường khả năng nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro trong toàn bộ hoạt động.



Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ

Củng cố, nâng cao kỷ luật lao động, tính tuân thủ quy trình, quy chế trong các hoạt động; Tăng cường tư vấn, nâng cao Kiến thức pháp luật, chính sách.

3. CÁC CÔNG TÁC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG



Hoàn thiện chính sách nhân sự

Rà soát, cải tiến hệ thống chính sách nhân sự và chính sách đãi ngộ theo hướng gắn với hiệu quả công việc, đảm bảo công bằng, tạo động lực và thu hút, giữ chân nhân sự chất lượng cao.



Phát triển đội ngũ

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng, xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực thích ứng cao, sẵn sàng cho đổi mới và sáng tạo.



Đầu tư và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin

Nâng cấp hạ tầng công nghệ, các phần mềm nghiệp vụ và hệ thống giao dịch, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi KRX chính thức vận hành; tăng cường an ninh, an toàn thông tin và năng lực vận hành hệ thống.



Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số

Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm số, nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các dự án: xây dựng ứng dụng Mtrader và tích hợp với các sản phẩm Trái phiếu, Chứng chỉ tiền gửi CDFlex, bổ sung tính năng Copytrading, nền tảng giao dịch chứng chỉ quỹ; Mini Mobile App dành cho khách hàng trẻ; Sản phẩm Giao dịch ảo (Virtual Trading) mô phỏng thị trường thật nhằm hỗ trợ khách hàng trong đầu tư.

4. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THƯƠNG HIỆU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Đẩy mạnh truyền thông thương hiệu

Xây dựng và triển khai Chiến lược truyền thông phù hợp với từng phân khúc khách hàng với từng nhóm sản phẩm dịch vụ; Tăng cường các hoạt động truyền thông thương hiệu, vinh danh thương hiệu BSC hoạt động hiệu quả, minh bạch, phát triển bền vững;



Tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội

Chủ động triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội thông qua hỗ trợ cộng đồng, tài trợ cho giáo dục và y tế, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững; qua đó khẳng định cam kết lâu dài của BSC đối với cộng đồng và củng cố uy tín thương hiệu trên thị trường.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Thông tin cổ đông
- 66 Cơ cấu tổ chức quản trị
- 78 Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025
- 89 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
- 95 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV tại thời điểm 31/12/2025:

1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần BSI:	245.365.943 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành:	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ:	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	245.365.943 cổ phiếu

2. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	127.516.286	51,97%
2	Hana Securities CO., LTD	82, Uisadang-daero, Youngdeungpo-gu, Seoul	85.896.017	35,01%

3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Nguồn VSDC, BSC tổng hợp tại thời điểm 31/12/2025)

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn và cổ đông khác			
Cổ đông khác	8790	31.953.640	13,02%
Cổ đông lớn	2	213.412.303	86,98%
Cổ đông tổ chức và cá nhân			
Nhà đầu tư cá nhân	8754	30.065.327	12,25%
Nhà đầu tư tổ chức	38	215.300.616	87,75%
Cổ đông nước ngoài vs trong nước			
Nhà đầu tư trong nước	8669	167.548.184	64,21%
Nhà đầu tư nước ngoài	123	87.817.759	35,79%
Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	0	0	0%
Cổ đông khác	8792	245.365.943	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	8792	245.365.943	100%



4. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM 2025

Vốn điều lệ đầu năm

2.230.607.010.000 đồng

Giá trị cổ phần phát hành thêm trong năm
(theo mệnh giá)

223.052.420.000 đồng

Vốn điều lệ sau phát hành

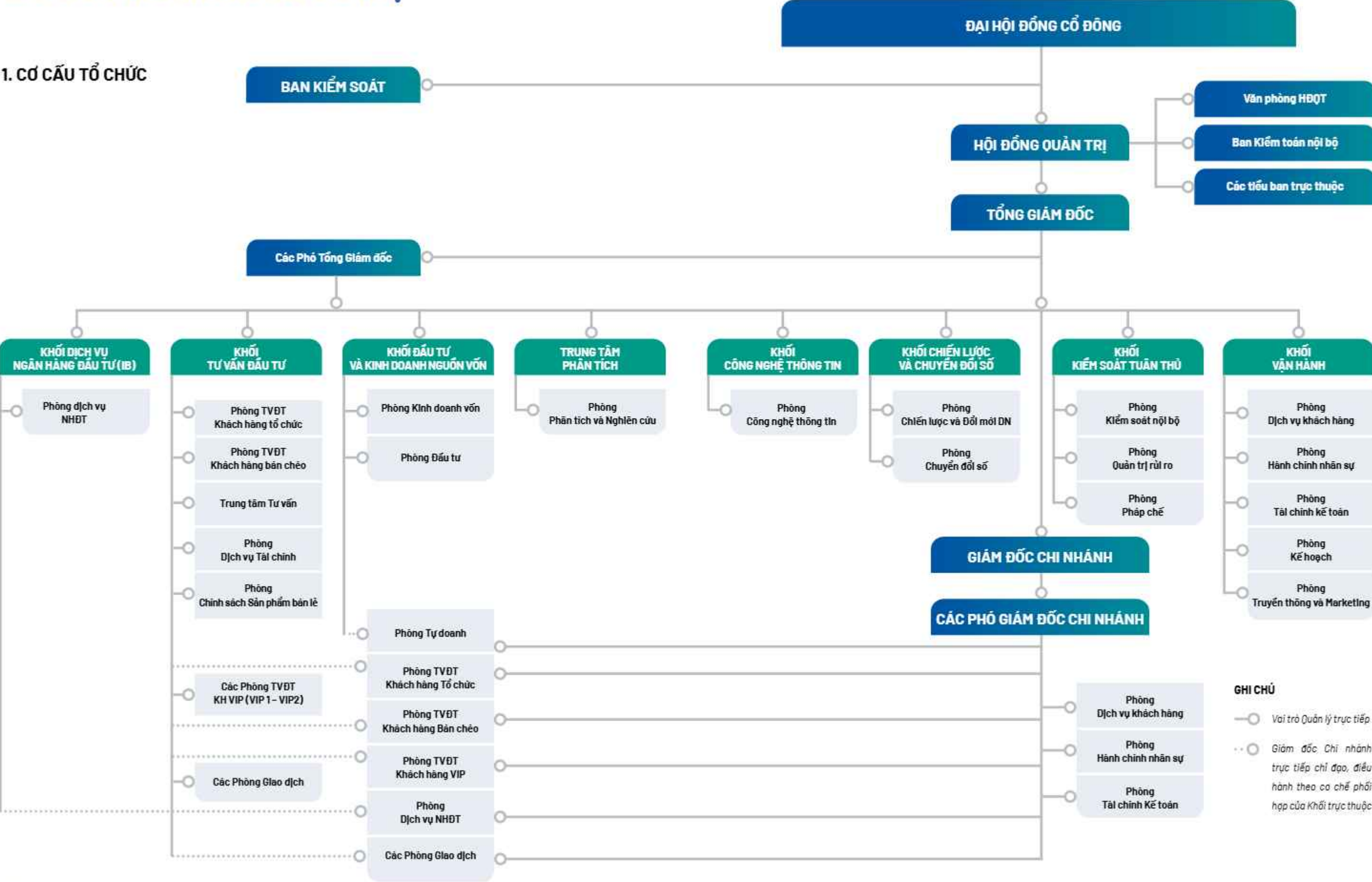
2.453.659.430.000 đồng

Lý do thay đổi

Lý do thay đổi: Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (tỷ lệ thực hiện 10%)

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC



2. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGÔ VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 1991 - 1998: Công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 1998 - 2002: Giám đốc BIDV Chi nhánh Thăng Long
- 2002 - 2004: Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
- 2004 - 2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV
- 2007 - 2015: Giám đốc BIDV Chi nhánh Hà Nội
- 2015 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
- 2019 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 70.133.957 cổ phiếu, tương đương 28,58%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 04/2008 - 07/2010: Trưởng phòng - Ban Phát triển nguồn nhân lực - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2010 - 06/2012: Trưởng phòng - Ban Quản lý Kế hoạch - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2012 - 03/2013: Phó Giám đốc - Ban Kinh doanh Quốc tế - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2014 - 04/2018: Phó Giám đốc - Ban Quản lý tài sản - Công ty Chứng khoán Hana
- 04/2018 - 01/2021: Giám đốc - Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư - Công ty Chứng khoán Hana
- 01/2021 - 11/2022: Giám đốc - Ban bán buôn Dịch vụ tài chính - Công ty Chứng khoán Hana
- 18/11/2022 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BSC
- 01/12/2022 - nay: Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000 - 2007: Công tác tại BIDV
- 11/2007 - 09/2009: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 09/2009 - 07/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 07/2012 - 10/2012: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 10/2012 - 12/2017: TGD Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 01/2018 - 03/2019: Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Hội sở BIDV
- 03/2019 - 06/2020: Phó Tổng Giám đốc BSC
- 06/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 38.254.886 cổ phiếu, tương ứng 15,59%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Ông LIM DO KYOON

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 04/2013 - 07/2013: Phó Giám đốc - Ban Kinh doanh Quốc tế - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2013 - 09/2014: Phó Giám đốc - Ban Chiến lược & Quản trị - Công ty Chứng khoán Hana
- 09/2014 - 12/2016: Phó Giám đốc - Ban Chiến lược Toàn cầu - Công ty Chứng khoán Hana
- 01/2017 - 07/2018: Giám đốc - Ban Chiến lược & Đổi mới Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2018 - 12/2018: Giám đốc - Ban Sản phẩm Đầu tư - Công ty Chứng khoán Hana
- 12/2018 - 04/2021: Trưởng phòng - Phòng xúc tiến kinh doanh Ngân hàng đầu tư - Công ty Chứng khoán Hana
- 05/2021 - nay: Trưởng phòng - Phòng chiến lược toàn cầu - Công ty Chứng khoán Hana
- 18/11/2022 - nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.





Bà HOÀNG THỊ MINH NGỌC

Thành viên Hội đồng quản trị BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 10/2003 - 07/2004: Cán bộ - Sở Giao dịch 1, BIDV
- 08/2004 - 12/2006: Cán bộ - Chi nhánh Đông Đô, BIDV
- 01/2007 - 05/2011: Cán bộ - Ban Đầu tư, BIDV
- 05/2011 - 04/2016: Phó Trưởng phòng - Ban Quản lý đầu tư, BIDV
- 05/2016 - 05/2023: Trưởng phòng, Ban Quản lý đầu tư, BIDV
- 06/2023 - nay: Phó Giám đốc Ban Quản lý đầu tư, BIDV
- 11/2023 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam
- 04/2024 - nay: Thành viên HĐQT BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 19.127.443 cổ phiếu, tương đương 7,8%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000 - 2007: Công tác tại BIDV
- 11/2007 - 09/2009: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 09/2009 - 07/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 07/2012 - 10/2012: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 10/2012 - 12/2017: TGD Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
- 01/2018 - 03/2019: Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Hội sở BIDV
- 03/2019 - 06/2020: Phó Tổng Giám đốc BSC
- 06/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 38.254.886 cổ phiếu, tương ứng 15,59%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 04/2008 - 07/2010: Trưởng phòng - Ban Phát triển nguồn nhân lực - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2010 - 06/2012: Trưởng phòng - Ban Quản lý Kế hoạch - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2012 - 03/2013: Phó Giám đốc - Ban Kinh doanh Quốc tế - Công ty Chứng khoán Hana
- 07/2014 - 04/2018: Phó Giám đốc - Ban Quản lý tài sản - Công ty Chứng khoán Hana
- 04/2018 - 01/2021: Giám đốc - Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư - Công ty Chứng khoán Hana
- 01/2021 - 11/2022: Giám đốc - Ban bán buôn Dịch vụ tài chính - Công ty Chứng khoán Hana
- 18/11/2022 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BSC
- 01/12/2022 - nay: Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Bà NGÔ THỊ PHONG LAN

Phó Tổng Giám đốc BSC
kiêm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 6/2001 – 5/2005: Chuyên viên Phân tích – BSC
- 06/2005 – 12/2006: Phó Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển – Chi nhánh BSC
- 12/2006 – 05/2007: Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển – Chi nhánh BSC
- 06/2007 – 12/2010: Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính – Chi nhánh BSC
- 01/2011 – 03/2011: Trưởng phòng Tư vấn tài chính – Chi nhánh BSC
- 03/2011 – 06/2014: Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Campuchia Việt Nam
- 06/2014 – 10/2014: Trợ lý Tổng Giám đốc BSC
- 27/10/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 500 cổ phiếu, tương ứng 0,0002%.



Ông PHẠM XUÂN ANH

Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 1999 – 2005: Cán bộ tại Bộ Thương mại
- 2005 – 2009: Chuyên viên phân tích tại BSC
- 2009 – 2011: Phó Trưởng phòng Phân tích và Tự doanh BSC
- 2012 – 2017: Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC
- 2017 – 2020: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- 10/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 1 cổ phiếu, tương ứng 0,0001%.



Bà TRẦN NGỌC DIỆP

Kế toán trưởng BSC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 11/2007 – 03/2011: Cán bộ phòng Tài chính kế toán – Hội sở BSC
- 03/2011 – 01/2013: Phó Trưởng phòng Dịch vụ Chứng khoán – Hội sở BSC
- 02/2013 – 11/2016: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán BSC
- 11/2016 – nay: Kế toán trưởng BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



Ông LÊ QUANG HUY

Phó Tổng Giám đốc BSC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 2002 – 2005: Chuyên viên tín dụng Sở Giao dịch 1 – BIDV
- 2005 – 2007: Phó Trưởng phòng Tín dụng – BIDV Chi nhánh Quang Trung
- 2007 – 2008: Phó Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC
- 2008 – 2010: Trưởng phòng Tư vấn tài chính BSC
- 2010 – 2012: Trưởng phòng Tự Doanh BSC
- 2012 – 2018: Phó Tổng Giám đốc BSC
- 2018 – 2020: Làm việc tại Công ty Chứng khoán VCBS
- 10/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025:

- Đại diện sở hữu: 0,0000%.
- Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



BAN KIỂM SOÁT



Bà PHẠM THANH THUỶ

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 2007 - 02/2009: Trưởng phòng TCKT BIDV - Chi nhánh Hà Thành
- 03/2009 - 06/2013: Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Hà Thành
- 07/2016 - nay: Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV
- 04/2021 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%



Ông CHO SUNG JAE

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 06/2001 - 04/2004: Chuyên viên cao cấp Bộ phận kế toán SAMIS
- 05/2004 - 04/2005: Trợ lý quản lý Bộ phận kế toán trị NOVUS
- 05/2005 - 05/2006: Quản lý bộ phận Kế toán - Tập đoàn Kiểm toán Samjong KPMG
- 06/2006 - 12/2020: Quản lý cấp cao Bộ phận Chiến lược Công ty chứng khoán Hana
- 01/2021 - 12/2023: Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng Công ty chứng khoán Hana
- 01/2024 - Nay: Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Công ty chứng khoán Hana
- 04/2025 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%

Bà VŨ MINH CHÂU

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 02/2006 - 11/2012: Cán bộ Ban Quản lý Đầu tư BIDV
- 12/2012 - 11/2020: Phó Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư BIDV
- 12/2020 - nay: Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư BIDV
- 04/2021 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%



BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Bà BUI THI HONG NHUNG

Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế ngân hàng

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 2009 – 2014: Kế toán viên BSC
- 2014 – 2016: Chuyên viên Tổ chức hành chính BSC
- 2016 – 2023: Chuyên viên Dịch vụ chứng khoán BSC
- 2023 – 02/2023: Phó Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán BSC
- 02/2023 – nay: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%

Ông NGUYỄN ĐỨC MINH

Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính và ngân hàng

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 2009 – 2013: Kế toán viên BSC
- 2013 – 2014: Chuyên viên phòng Tư vấn đầu tư BSC
- 2014 – 2018: Chuyên viên phòng Dịch vụ khách hàng BSC
- 2018 – 04/2024: Chuyên viên Trung tâm tư vấn BSC
- 04/2024 – nay: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%



VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHÙNG MINH SƠN

Chánh Văn phòng HĐQT

Kiểm Người phụ trách quản trị công ty

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 11/2007 – 10/2008: Chuyên viên Tín dụng cá nhân Ngân hàng HSBC tại Việt Nam
- 11/2008 – 04/2010: Cán bộ phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- 04/2010 – 11/2011: Trưởng phòng Tư vấn tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank
- 12/2011 – 03/2020: Cán bộ Ban Quản lý đầu tư BIDV
- 04/2020 – 08/2022: Phó Trưởng phòng – Ban Quản lý đầu tư BIDV
- 09/2022 – 02/2023: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC
- 02/2023 – 04/2023: Chánh Văn phòng HĐQT
- 04/2023 – nay: Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%

Ông ĐỖ VĂN SƠN

Thư ký Công ty

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tiếng Hàn

Kinh nghiệm chuyên môn:

- 08/2019 – 12/2019: Giáo viên tiếng Hàn – Korea Vietnam Culture Communication
- 05/2019 – 11/2022: Đại diện Hãng hàng không Air Busan – Chi nhánh Hà Nội
- 10/2020 – 02/2023: Giáo viên tiếng Hàn – Samsung Multicampus
- 02/2023 – 04/2023: Chuyên viên – Văn phòng Hội đồng quản trị BSC
- 04/2023 – nay: Thư ký Công ty

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2025:

- 0,0000%



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025

BỐI CẢNH KINH TẾ – XÃ HỘI NĂM 2025

Kinh tế thế giới năm 2025 chứng kiến nhiều biến động, khi quá trình phục hồi đan xen với những bất ổn mới từ địa chính trị, thương mại và chính sách tiền tệ toàn cầu. Theo tổng kết của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 đạt khoảng 3,3%, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình khoảng 3,7% của giai đoạn trước đại dịch. Về tiền tệ, năm 2025 chứng kiến sự phân hóa chính sách chưa từng có giữa các ngân hàng trung ương lớn. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thực hiện 3 lần cắt giảm lãi suất, đưa lãi suất điều hành xuống mức 3,5-3,75%; Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục nới lỏng tiền tệ với lãi suất hạ xuống 2,15% nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế Eurozone. Ngược lại, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) tăng lãi suất lên 0,75% - mức cao nhất trong gần 30 năm. Chỉ số đồng đô la Mỹ (DXY) suy yếu về dưới mốc 100 trong giai đoạn nửa cuối năm, đồng thời giá vàng tăng mạnh do nhu cầu trú ẩn an toàn và xu hướng các NHTW đẩy mạnh mua vàng dự trữ.

Bên cạnh đó, kinh tế thế giới năm 2025 đối mặt với hàng loạt rủi ro chống chất. Xung đột Nga-Ukraine tiếp diễn tác động đến thị trường năng lượng châu Âu; căng thẳng và xung đột tại Trung Đông - đặc biệt giữa Mỹ, Israel và Iran đã đẩy giá dầu thô tăng cao. Đặc biệt, chính quyền Mỹ triển khai chính sách thuế quan mới vào tháng 4/2025, áp mức thuế cao với nhiều đối tác thương mại, đánh dấu sự leo thang mạnh mẽ của chủ nghĩa bảo hộ và tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu. Cạnh tranh công nghệ giữa các cường quốc, đặc biệt trong lĩnh vực bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, tiếp tục gia tăng, tạo thêm áp lực lên thương mại và đầu tư quốc tế.

Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện sức chống chịu tốt và khả năng thích ứng linh hoạt. Năm 2025, tăng trưởng GDP cả năm đạt 8,02%, trong đó quý IV/2025 ghi nhận mức tăng trưởng bất phá 8,46% - mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy đồng đều bởi sự phục hồi của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, hoạt động thương mại, du lịch quốc tế (đón trên 21 triệu lượt khách) và dòng kiều hối. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 930 tỷ USD (tăng 18,2%), cán cân thương mại thặng dư trên 20 tỷ USD giúp Việt Nam duy trì xuất siêu



năm thứ 10 liên tiếp, khẳng định vị thế quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu ngay cả trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ gia tăng.

Sự ổn định vĩ mô được giữ vững khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm chỉ tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Tăng trưởng tín dụng đạt 19,01% - mức cao nhất trong 5 năm, phản ánh nhu cầu vốn phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế. Đồng Việt Nam duy trì ổn định tương đối nhờ hưởng lợi từ xu hướng suy yếu của đồng USD trên thị trường quốc tế và chính sách điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước.

Thị trường chứng khoán năm 2025 có sự gia tăng về thanh khoản. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.328 tỷ đồng/phiên, tăng 39,1% so với năm 2024. Tuy nhiên xu hướng thắt chặt tiền tệ toàn cầu và chênh lệch lãi suất USD/VND đã thúc đẩy làn sóng bán ròng kỷ lục của khối ngoại lên tới 135.000 tỷ đồng trong năm 2025.

Mặc dù VN-Index phục hồi mạnh, đóng cửa ở mức cao (1.784 điểm) nhưng diễn biến thực tế của TTCK còn cho thấy trạng thái vận động bất cân xứng rõ nét. Cụ thể, đã tăng của thị trường chủ yếu được dẫn dắt bởi một số cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi đó phần lớn các nhóm cổ phiếu còn lại vẫn duy trì xu hướng suy giảm hoặc hồi phục yếu. Thực trạng này phản ánh sự phân hóa mạnh của thị trường, khiến VN-Index không phản ánh đầy đủ sức khỏe chung của nền kinh tế và doanh nghiệp niêm yết.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BSC NĂM 2025

Năm 2025 ghi dấu một bước phát triển vượt bậc của BSC cả về quy mô, chất lượng lẫn hiệu quả hoạt động, qua đó xác lập nhiều cột mốc kỷ lục mới trong lịch sử Công ty, cụ thể như sau:



Về quy mô: Quy mô tổng tài sản của BSC tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 16.828 tỷ đồng vào cuối năm, tăng 61% so với năm 2024 và vượt xa kế hoạch đề ra. Hoạt động cho vay ký quỹ ghi nhận mức tăng đột phá khi dư nợ đạt 9.338 tỷ đồng, chiếm hơn một nửa tổng tài sản, phản ánh năng lực đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng lớn của khách hàng trong bối cảnh thị trường sôi động. Vốn chủ sở hữu cũng được củng cố, đạt 5.528 tỷ đồng nhờ tích lũy lợi nhuận và chính sách chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.



Về chất lượng tài sản: BSC tiếp tục duy trì chất lượng tài chính và quản trị rủi ro ở mức cao. Công ty kiểm soát tốt chất lượng tài sản, không phát sinh nợ xấu trong hoạt động cho vay ký quỹ dù quy mô mở rộng nhanh. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt mức rất cao (536%), vượt xa yêu cầu tối thiểu của cơ quan quản lý. Năm 2025, BSC được VIS Rating xếp hạng tín nhiệm A+ (mức cao nhất), qua đó khẳng định năng lực tài chính vững mạnh và uy tín thương hiệu trên thị trường.



Về hiệu quả hoạt động kinh doanh: Năm 2025 tiếp tục là một năm bất phá khi lợi nhuận trước thuế đạt 616,2 tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước và hoàn thành 110% kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Đây là năm thứ ba liên tiếp BSC thiết lập kỷ lục lợi nhuận mới, đồng thời nâng ROE lên mức 9,3%, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn ngày càng được cải thiện. Các mảng kinh doanh chủ lực đều ghi nhận kết quả tích cực, trong đó môi giới và cho vay tiếp tục giữ vai trò trụ cột, mảng tư vấn tài chính phục hồi mạnh mẽ và mảng kinh doanh vốn tăng trưởng ấn tượng.



Về công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất ra mắt tính năng đầu tư chứng khoán tích hợp trên nền tảng BIDV Smartbanking, tiếp tục nâng cấp các nền tảng giao dịch, cải thiện hệ thống an toàn thông tin. Trong năm 2025, Công ty cũng đã hoàn tất việc kết nối và vận hành thông suốt với hệ thống KRX từ tháng 5/2025 giúp cải thiện đáng kể năng lực xử lý giao dịch.

Với những thành tích ấn tượng trong năm 2025, Công ty đã được vinh dự nhận được giải thưởng "Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam 2025" (Best Trading Platform Vietnam 2025) do tổ chức Global Banking and Finance Review Awards trao tặng và được vinh danh với danh hiệu "Đơn vị đứng đầu Khối Công ty trong toàn hệ thống BIDV", khẳng định hướng đi đúng đắn và bền vững của Công ty.

KẾT QUẢ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU BSC NĂM 2025

Trên cơ sở Nghị quyết 1070/NQ-BSC ngày 17/12/2025 đã được HĐQT phê duyệt, Công ty đã triển khai các trình tự thủ tục chào bán và phát hành riêng lẻ Trái phiếu BSC trong quý 4 năm 2025. Theo phương án được HĐQT phê duyệt Công ty sẽ triển khai 02 đợt chào bán trái phiếu trong Quý 4/2025, tuy nhiên trên thực tế Công ty chỉ triển khai 01 đợt chào bán bắt đầu từ ngày 29/12/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025 do Công ty đã thu xếp được các nguồn vốn khác thay thế.

Theo đó, Công ty đã phát hành thành công Trái phiếu BSC với tổng giá trị phát hành là 300 tỷ đồng cho 01 nhà đầu tư là tổ chức, lãi suất phát hành cố định là 8,2%/năm, là mức hợp lý so với mặt bằng lãi suất trái phiếu phát hành bởi các doanh nghiệp cùng ngành tại cùng thời điểm. Toàn bộ các chi phí của đợt phát hành tương đương 0,18%, tiết kiệm chi phí phát hành đáng kể cho công ty.

Việc phát hành thành công Trái phiếu BSC trong năm 2025 không chỉ bổ sung thêm nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty mà còn góp phần cơ cấu lại nguồn vốn công ty theo hướng ổn định, bền vững, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay từ các Tổ chức tín dụng.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC hiện bao gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT
5	Ông Lim Do Kyoan	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị của BSC đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán, với cơ cấu đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm nhiệm điều hành, không điều hành và thành viên HĐQT độc lập.

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo sự vận hành thống nhất, hiệu quả của Công ty. Đồng thời, HĐQT tiến hành công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất. HĐQT cũng đã nhanh chóng và kịp thời quyết định các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra thông suốt, hiệu quả.

Trong năm 2025, để thông qua các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp tập trung và 154 lần xin ý kiến bằng văn bản, qua đó ban hành tổng cộng 183 nghị quyết/quyết định. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức nhằm mục đích thảo luận, bàn bạc và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền, đảm bảo chỉ đạo kịp thời, phù hợp với biến động của thị trường trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của BSC.

Danh mục các cuộc họp của HĐQT, tỷ lệ tham dự của từng thành viên và số lượng nghị quyết/quyết định quan trọng được ban hành đều được công bố đầy đủ trong Báo cáo quản trị Công ty, tuân thủ đúng các quy định áp dụng đối với tổ chức niêm yết và công ty đại chúng.

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2025 như sau:

- Tổ chức và thực hiện các hoạt động quản trị công ty theo quy định, bao gồm: tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025; thông qua Báo cáo quản trị Công ty năm 2024; chỉ đạo thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định;
- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ để chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh;

- Phê duyệt các kế hoạch và chỉ tiêu điều hành quan trọng, bao gồm: xây dựng kế hoạch kinh doanh trình ĐHCĐ phê duyệt; phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch điều hành nội bộ và giao KPI Công ty năm 2025; chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu; phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản; phê duyệt triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin giao dịch chứng khoán trực tuyến;

- Ban hành, rà soát và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và quy chế quản trị nội bộ, bao gồm: Quy chế tài chính; Quy chế giao và đánh giá KPI; Quy chế chi trả tiền lương; Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại; Quy chế về chế độ thông tin báo cáo phục vụ hoạt động của HĐQT; quy định về phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc; cùng các quy định, quy trình liên quan đến phòng chống rửa tiền và tuân thủ pháp lý;

- Ban hành và triển khai khung quản trị rủi ro, bao gồm: Chính sách quản trị rủi ro; hạn mức và thông số rủi ro; các quy trình quản trị rủi ro đối với các nghiệp vụ trọng yếu như giao dịch ký quỹ, tự doanh chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh, bù trừ – thanh toán chứng khoán phái sinh và giao dịch chứng khoán trực tuyến; đồng thời giám sát việc thực hiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty;

- Phê duyệt và định hướng các chiến lược kinh doanh, bao gồm: chiến lược tự doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; chiến lược đầu tư giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng; chiến lược đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tương lai và chứng quyền;

- Thực hiện công tác nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm: bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh quản lý; đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng và quyết định chế độ tiền lương đối với nhân sự do HĐQT quản lý;

- Thực hiện chức năng giám sát, chỉ đạo hoạt động điều hành, bao gồm: đôn đốc và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025; xem xét và thông qua các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc; quyết định các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

(Chi tiết về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua trong Phụ lục 01 và 02 đính kèm)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát từ HĐQT và phải chịu trách nhiệm trước HĐQT cũng như pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Để đảm bảo hiệu quả giám sát, HĐQT thực hiện các hình thức giám sát như sau:

- **Giám sát qua hệ thống báo cáo:** Thông qua chế độ thông tin báo cáo HĐQT định kỳ và đột xuất.
- **Giám sát qua các đơn vị hỗ trợ:** Bao gồm Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách Phát triển, và Tiểu ban Nhân sự Tiền lương.
- **Giám sát trực tiếp:** Thông qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT để thực hiện kiểm tra, giám sát; đồng thời phân công công tác TV.HĐQT phụ trách công tác giám sát để đưa ra chỉ đạo đối với Ban điều hành, trên cơ sở nguyên tắc trung thực, cần trọng và khách quan.



HĐQT ban hành các nghị quyết để thông qua các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền. Đồng thời, trong phạm vi quyền hạn, HĐQT cung cấp định hướng chiến lược, nhận định về thị trường và bối cảnh kinh tế tổng quan nhằm hỗ trợ rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

HĐQT cũng thường xuyên trao đổi và tiếp nhận thông tin từ Ban Điều hành cùng các đơn vị, tiểu ban trực thuộc, đảm bảo giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch kinh doanh. Khi cần thiết, HĐQT đưa ra các điều chỉnh để đạt được các mục tiêu chiến lược mà BSC đã đề ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị công ty đã kiến tạo toàn các Ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương và Tiểu ban Chính sách phát triển để tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Các Ban/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề chuyên môn như sau:

Ban Kiểm toán nội bộ

- rà soát Báo cáo tài chính và Chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Báo cáo tổng kết công tác kiểm toán nội bộ;
- Kiểm toán hoạt động Phòng chống rửa tiền tại BSC;
- Kiểm toán hoạt động quản lý nguồn vốn;
- Kiểm toán hoạt động cho vay margin;
- Kiểm toán hoạt động đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, phái sinh;
- Báo cáo đánh giá định kỳ tình hình, hiệu quả hoạt động và các rủi ro thua lỗ tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tổng kết tình hình thực hiện khuyến nghị của kiểm toán nội bộ năm 2025;
- Xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026.

Tiểu ban Quản trị rủi ro

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành Chính sách quản trị rủi ro 2025 và xây dựng Chính sách Quản trị rủi ro năm 2026;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành Hạn mức rủi ro và thông số rủi ro năm 2025;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các Quy trình QTRR nghiệp vụ;
- Tham mưu cho HĐQT các phương án xử lý đối với rủi ro trong danh mục đầu tư;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý kịp thời các vướng mắc trong công tác QTRR dựa trên báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Phòng QTRR và các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR.

Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương

- Tham mưu cho HĐQT về công tác xếp loại thi đua khen thưởng;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Dự thảo Quy chế giao và đánh giá KPI.
- Tham mưu cho HĐQT ban hành Quy chế chi trả tiền lương và đề xuất phương án chuyển xếp lương theo Quy chế mới;
- Tham mưu cho HĐQT liên quan đến công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức vụ; đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng; xếp lương nhân sự.

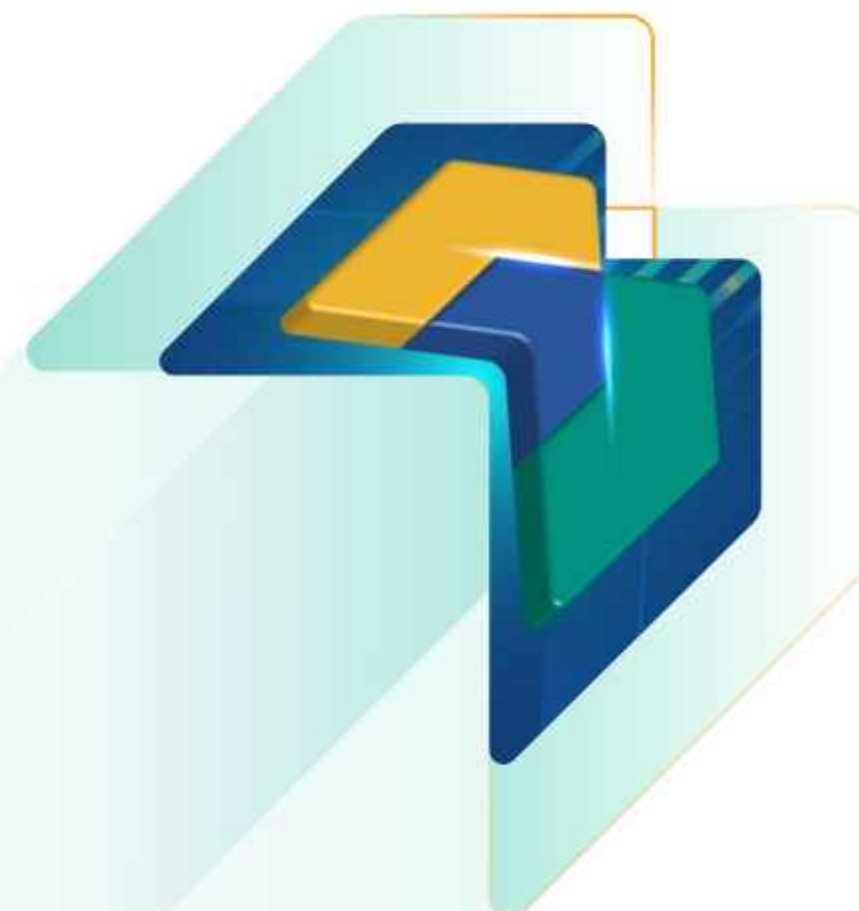
Tiểu ban Chính sách phát triển

- Tham mưu cho HĐQT về chiến lược và thực hiện chính sách phát triển của công ty.

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các hoạt động của HĐQT BSC tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT chủ động cập nhật kiến thức quản trị, pháp luật, thông tin thị trường và bám sát tình hình hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có đánh giá tổng quan về các thành viên như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Công ty; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.



Cụ thể, hoạt động từng thành viên HĐQT theo phân công trong năm 2025 như sau:

Ông NGÔ VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

- Quản lý điều hành chung hoạt động của HĐQT và các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Đảm bảo việc Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin theo quy định cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, ký thay mặt ĐHĐCĐ trong các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Chỉ đạo công tác hoạch định mục tiêu định hướng, chiến lược, kế hoạch của Công ty;
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc và từng thành viên;
- Tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
- Chỉ đạo chung hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị;
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.
- Thực hiện vai trò Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự – Tiền lương trực thuộc HĐQT.

Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Đầu mối hoạt động điều phối, trao đổi thông tin giữa HĐQT, Ban Điều hành với cổ đông chiến lược;
- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ;
- Chỉ đạo, giám sát hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số và marketing;
- Chỉ đạo việc triển khai dự án thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC;
- Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền;
- Thành viên các Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách phát triển và Tiểu ban Nhân sự – Tiền lương trực thuộc HĐQT.

Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC
kiêm Tổng Giám đốc BSC

- Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản.
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền;
- Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty;
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban điều hành Công ty đến Hội đồng quản trị;
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển thuộc HĐQT.

Bà HOÀNG THỊ MINH NGỌC

Thành viên Hội đồng quản trị BSC

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;
- Đầu mối thực hiện chức năng giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Điều hành;
- Đầu mối giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, giao và đánh giá KPI của Công ty;
- Đầu mối giám sát hoạt động quản trị rủi ro;
- Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT;
- Đầu mối giám sát việc thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC;
- Trưởng Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông LIM DO KYOON

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Hỗ trợ Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc hoạch định mục tiêu, định hướng, chiến lược và kế hoạch của công ty.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị;
- Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định;
- Đánh giá định kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

3. CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Năm 2026 là năm bản lề chuyển giao nhiệm kỳ của HĐQT và bắt đầu triển khai giai đoạn phát triển mới của BSC. Trong giai đoạn tiếp theo, BSC đặt mục tiêu tiếp tục phát triển mạnh mẽ, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

MỤC TIÊU TRỌNG TÂM NĂM 2026

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Hội đồng Quản trị xác định các mục tiêu trọng tâm trong năm 2026 như sau:



Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030: HĐQT xác định năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới 2026-2030. Do đó, HĐQT đặt mục tiêu xây dựng và triển khai chiến lược phát triển 05 năm 2026-2030 với tầm nhìn xây dựng Công ty trở thành CTCK cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính đồng bộ, toàn diện và liên thông trên nền tảng số, qua đó khai thác hiệu quả hệ sinh thái khách hàng của Công ty và các cổ đông chiến lược. Chiến lược được xây dựng trên cơ sở 03 trụ cột chính bao gồm: (i) nâng cao năng lực tài chính; (ii) đẩy mạnh xây dựng nền tảng giao dịch số hóa, ứng dụng AI và (iii) hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.



Tăng cường nguồn vốn và củng cố năng lực tài chính: BSC xác định tăng trưởng nguồn vốn và củng cố năng lực tài chính là giải pháp then chốt nhằm tháo gỡ hạn chế về quy mô vốn, qua đó nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Ngay từ năm 2026, HĐQT định hướng triển khai các giải pháp để hiện thực hóa mục tiêu nâng quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp ~2 lần (so với cuối năm 2025) trong giai đoạn 2026-2030;



Kiện toàn bộ máy HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2028-2031: Trong năm 2026, công tác kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao được coi là then chốt trong công tác quản trị điều hành, theo đó Công ty đặt mục tiêu tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và công tác bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới 2028-2031 tại Đại hội;



Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm: Tiếp tục xúc tiến nhanh dự án thành lập Công ty Quản lý quỹ trực thuộc BSC trên cơ sở hợp tác với đối tác là định chế tài chính lớn, giàu kinh nghiệm và uy tín trên thế giới, nhằm xây dựng mô hình CTQLQ theo tiêu chuẩn quốc tế, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng đầu tư và mở rộng nền tảng sản phẩm dịch vụ theo chiều sâu, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhóm khách hàng VIP trong hệ sinh thái BIDV, đồng thời hướng tới các nhà đầu tư nước ngoài;



Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số: Tập trung xây dựng hệ sinh thái số "một chạm" thông qua việc nâng cấp các nền tảng giao dịch (Mobile App, Webtrading) và triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án MTrader - tích hợp sâu các dịch vụ chứng khoán của BSC vào ứng dụng BIDV SmartBanking, qua đó mang lại trải nghiệm giao dịch liền mạch, thuận tiện và đồng nhất cho khách hàng. Song song với đẩy mạnh phát triển sản phẩm công nghệ mới và áp dụng công nghệ trong các nghiệp vụ nội bộ để giảm rủi ro tác nghiệp, nâng cao hiệu quả vận hành;



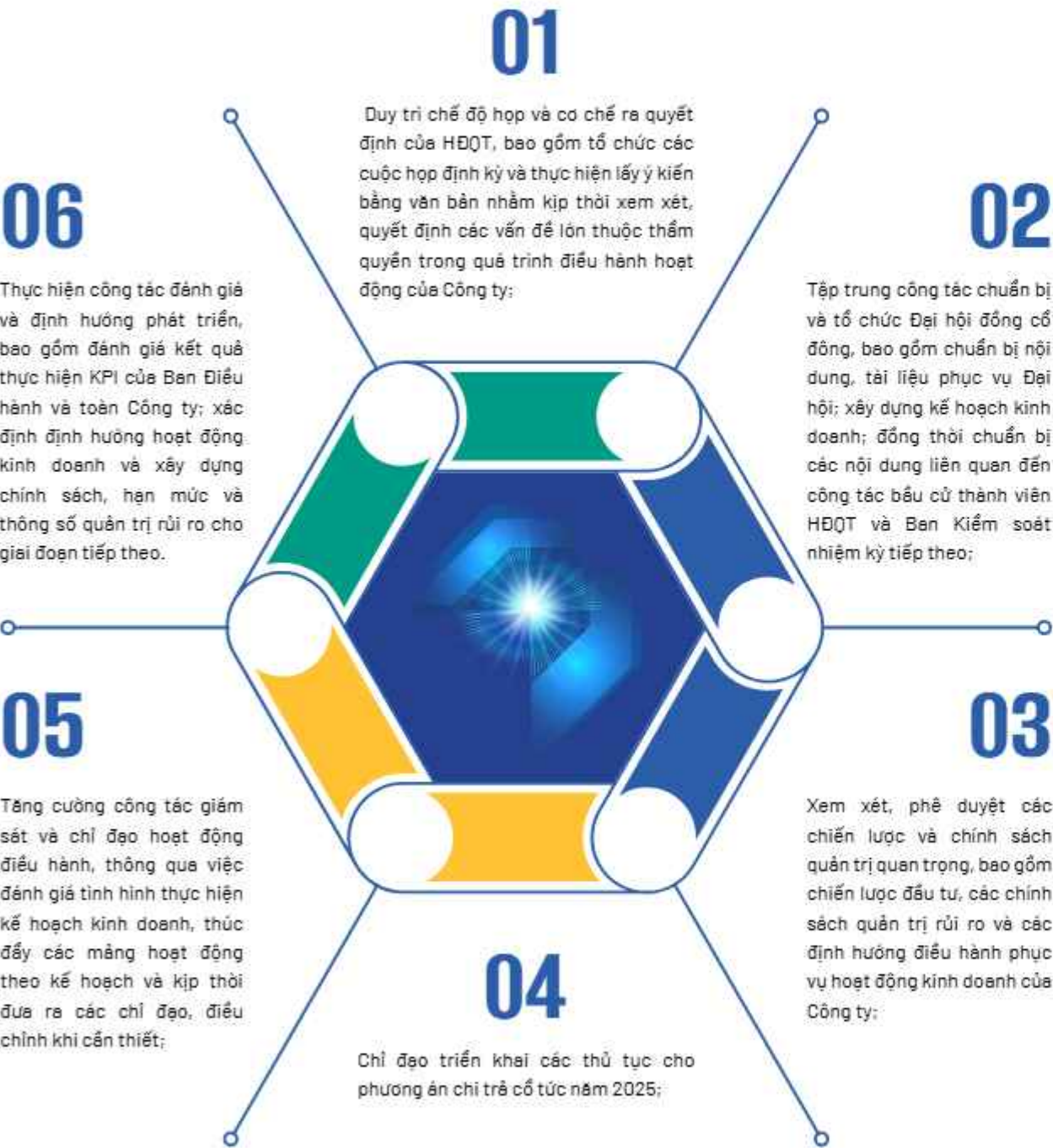
Duy trì công tác quản trị rủi ro và tuân thủ: Tiếp tục củng cố công tác quản trị rủi ro và tuân thủ theo chuẩn mực quản trị hiện đại và thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro chủ động. Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống xếp hạng nội bộ và cơ chế cảnh báo sớm cho hoạt động cho vay ký quỹ và tự doanh, đồng thời tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống CNTT và bảo mật dữ liệu khách hàng.



Tăng cường hợp tác bán chéo với hai cổ đông lớn: Đẩy mạnh bán chéo trong hệ sinh thái với BIDV và Hana Securities nhằm khai thác hiệu quả nguồn khách hàng. Với BIDV, Công ty tăng cường phối hợp bán chéo thông qua các chi nhánh. Với Hana Securities, BSC tận dụng thế mạnh đối tác để phát triển các lĩnh vực mới như tài chính xanh, ESG, tài sản số, đồng thời mở rộng hợp tác huy động vốn nước ngoài và triển khai giới thiệu các sản phẩm đầu tư cho khách hàng Hàn Quốc.

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Để thực hiện các mục tiêu trọng tâm trong năm 2026, Chủ tịch HĐQT đã xây dựng chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2026 với các nội dung trọng tâm như sau:



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC bao gồm ba (03) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban	Được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
2	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
3	Ông Cho Sung Jae	Thành viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 18/04/2025

Cơ cấu nhân sự của BKS duy trì sự ổn định về số lượng, các thành viên BKS đều có trình độ chuyên môn, nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kiểm toán, quản lý đầu tư và tài chính tại BIDV cũng như Hana Securities, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực chuyên môn và tính độc lập trong hoạt động giám sát.

Với cơ cấu này, BKS đã thực hiện hiệu quả vai trò giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát, với vai trò đại diện cổ đông BSC, đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, đồng thời kiến nghị các thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công tác quản trị - điều hành Công ty. Những nỗ lực này đã hỗ trợ HĐQT và Ban Điều hành trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh cùng các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua.

BKS đã thực hiện nghiêm túc chế độ họp định kỳ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, BKS đã tiến hành 2 phiên họp tập trung. Để đảm bảo tính kịp thời và bám sát biến động thị trường, BKS duy trì cơ chế trao đổi thông tin linh hoạt, kết hợp hiệu quả giữa các phiên họp tập trung và hình thức thảo luận qua thư điện tử để thống nhất biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền. Chương trình nghị sự của các kỳ họp luôn được chuẩn bị hệ thống, tập trung vào các nội dung quan trọng: từ việc thảo luận kế hoạch hoạt động năm, kiện toán tài liệu trình ĐHĐCĐ, đến công tác giám sát trọng yếu về tính tuân thủ pháp luật, soát xét các báo cáo tài chính/báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

HĐQT và BKH đã phối hợp, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ, phù hợp với cơ chế trao đổi thông tin giữa HĐQT, Tổng Giám đốc, BKS và bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB). Đại diện BKS và Trưởng Ban KTNB được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT, BKS được cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát. Kết quả giám sát, kết quả kiểm toán nội bộ cùng các kiến nghị của BKS đã được gửi tới HĐQT, Tổng Giám đốc và được Ban Lãnh đạo chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho BKS.

BKS đã báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ trước ĐHĐCĐ thường niên 2025 theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động. Trong năm không phát sinh yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn về việc kiểm tra sổ sách, tài liệu hay hoạt động quản lý, điều hành của Công ty. Các hoạt động cụ thể BKS trong năm 2025 như sau:

1 **Giám sát tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động, giám sát tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của BSC**

BKS đã thực hiện giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ. Trọng tâm giám sát bao gồm tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật; thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao; đánh giá các chỉ tiêu tài chính trọng yếu như lợi nhuận trước thuế, tổng tài sản, ROE và chất lượng danh mục tài sản; đánh giá hiệu quả từng mảng hoạt động kinh doanh; giám sát việc tuân thủ chính sách quản trị rủi ro và các giới hạn an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Thông qua hoạt động giám sát, BKS kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, đánh giá mức độ tuân thủ và hiệu quả trong công tác điều hành, qua đó kiến nghị các biện pháp nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn, minh bạch và phù hợp với quy định hiện hành.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tại 31/12/2025, tổng tài sản Công ty đạt 16.628 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 616,2 tỷ đồng. Chất lượng tài sản được duy trì tích cực, không phát sinh nợ xấu hay các hạng mục vướng mắc cần xử lý.

2 **Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025**

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHKD năm 2025:

Chỉ tiêu	KHKD 2025	Thực hiện tại 31/12/2025	% hoàn thành kế hoạch 2025
Lợi nhuận trước thuế	560 tỷ đồng	616,2 tỷ đồng	110%
Hệ số an toàn tài chính (%)	≥ 260%	536%	Hoàn thành

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024: Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 10% bằng cổ phiếu.

Thù lao HĐQT, BKS năm 2025: BSC đã chi trả thù lao năm 2025 tới thành viên HĐQT và BKS theo quy định với tổng số tiền 3.277.757.072 VND, nằm trong phạm vi ngân sách ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025, trong đó tổng thù lao cho các thành viên chuyên trách là 3.001.757.072 VND; không chuyên trách là 276.000.000 VND.

Như vậy, trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.

3 **Giám sát công tác quản trị - điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc**

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2025, BKS nhận định HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

HĐQT đã triển khai hiệu quả các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và của BSC. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp với sự tham dự đầy đủ, trách nhiệm của các thành viên và 154 lần xin ý kiến bằng văn bản để xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền trong bối cảnh thị trường biến động.

Trong vai trò lãnh đạo và giám sát, HĐQT đã ban hành 183 Nghị quyết/Quyết định trên nhiều lĩnh vực, làm cơ sở để Ban Điều hành tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, bảo đảm quyền lợi cổ đông.

Công tác điều hành của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc cùng Ban Điều hành đã triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; chủ động xây dựng kế hoạch điều hành, duy trì hoạt động kinh doanh tích cực và phát huy hiệu quả bộ máy quản lý.

Trước những khó khăn của thị trường chứng khoán, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động, các vướng mắc phát sinh, đồng thời chủ động ban hành các quyết định điều hành nhằm hạn chế rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

4 **Thẩm định, soát xét tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Kiểm soát đã thẩm định, soát xét định kỳ Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bao gồm kỳ bán niên và cả năm 2025, trong đó, các báo cáo được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập uy tín đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và được công bố kịp thời, đúng quy định đối với công ty niêm yết.

Bên cạnh đó, BKS đã đóng góp ý kiến để Ban Điều hành hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, trung thực, cần trọng và nhất quán trong công tác quản lý, kế toán.

5 **Giám sát và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty**

BKS đã thực hiện công tác giám sát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB), KTNB và quản trị rủi ro một cách toàn diện, góp phần quan trọng vào việc duy trì vận hành an toàn và minh bạch cho Công ty.

Thông qua vai trò điều phối, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Ban KTNB để thẩm định kế hoạch kiểm toán hàng năm, giám sát việc thực hiện các chuyên đề kiểm toán và hậu kiểm sát sao quá trình khắc phục các kiến nghị sau kiểm toán.

BKS đánh giá hệ thống KSNB và KTNB vận hành hiệu quả; các sai sót phát hiện chủ yếu mang tính tác nghiệp, không

trọng yếu và đã được chấn chỉnh kịp thời. Đặc biệt, đối với công tác quản trị rủi ro, BKS đánh giá cao việc Công ty triển khai thành công mô hình “ba lớp phòng vệ” (tuyến vận hành, quản trị rủi ro chuyên trách và KTNB).

Nhờ cơ chế nhận diện rủi ro và cảnh báo sớm, hoạt động cho vay ký quỹ của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu dù quy mô tăng trưởng nhanh trong bối cảnh thị trường biến động. Những đề xuất và kiến nghị của BKS đã góp phần trực tiếp vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn và đảm bảo an toàn vốn cho Công ty.

6 Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2025, Công ty có hợp đồng/giao dịch với 03 Bên có liên quan, bao gồm giao dịch giữa Công ty với các cổ đông lớn (BIDV, Hana Securities) cùng đơn vị trong hệ sinh thái (BIC). Qua rà soát, các hợp đồng/giao dịch kể trên là hợp đồng dịch vụ, giao dịch thường xuyên với BIDV hoặc các bên có liên quan để phối hợp cung cấp dịch vụ cho khách

hàng, phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm. Đây đều là những giao dịch đảm bảo lợi ích của BSC, góp phần gia tăng nguồn vốn cho Công ty và thúc đẩy hợp tác bán hàng với các bên liên quan, qua đó góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và lợi ích cổ đông. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

7 Tham gia các cuộc họp của HĐQT

Đại diện BKS đã thực thi đầy đủ quyền hạn tham dự các phiên họp định kỳ và bất thường của HĐQT, tiếp cận đầy đủ thông tin, báo cáo nhằm duy trì sự theo dõi sát sao và cập nhật kịp thời diễn biến thực tế của hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả công tác quản trị – điều hành nội bộ tại

BSC. Thông qua cơ chế trao đổi thông tin minh bạch, BKS không chỉ nắm bắt xuyên suốt tiến trình ra quyết định chiến lược mà còn đóng góp các ý kiến độc lập, khách quan nhằm tối ưu hóa quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

8 Kiến nghị và giám sát tình hình thực hiện kiến nghị của BKS trong năm 2025

Trong năm 2025, công tác kiến nghị và giám sát việc thực hiện kiến nghị của BKS tại BSC được triển khai, có hệ thống và mang tính thực tiễn cao. Các kiến nghị của BKS không chỉ dừng ở yêu cầu tuân thủ mà còn mang tính định hướng chiến lược. Trọng tâm bao gồm tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cấp các nền tảng giao dịch và chuẩn bị cho hệ thống KRX; khai thác hiệu quả hợp tác chiến lược với Hana Securities; kiện toàn mô hình tổ chức, cải thiện chính sách nhân sự và tiền lương; đồng thời kịp thời kiến nghị điều chỉnh các sai sót kỹ thuật trong báo cáo tài chính.

Việc giám sát thực hiện kiến nghị được thực hiện chặt chẽ thông qua cơ chế báo cáo phản hồi định kỳ của Ban Điều hành. Trên thực tế, toàn bộ các kiến nghị của BKS đã được tiếp thu và triển khai hiệu quả, thể hiện qua việc nâng cấp thành công hệ thống công nghệ, duy trì chất lượng tài sản an toàn, vận hành mô hình tổ chức mới, ổn định đội ngũ nhân sự Công ty và đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin.



II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Dựa trên chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát, BKS dự kiến các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 như sau:

• **Giám sát tuân thủ và quản trị:** Theo dõi việc chấp hành các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHQĐĐ; đồng thời kiểm tra hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành nhằm bảo đảm các quyết định được ban hành hợp pháp, minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích của cổ đông.

• **Thẩm định và kiểm soát chất lượng Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính:** Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; giám sát việc áp dụng các chính sách kế toán theo định hướng tiệm cận bộ Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS); đồng thời đề xuất lựa chọn và phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập.

• **Đánh giá hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro:** Rà soát mức độ hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, KTNB, công tác quản lý rủi ro và cơ chế cảnh báo sớm; đồng thời kiểm tra các giao dịch với bên liên quan nhằm bảo đảm tính minh bạch và phòng ngừa xung đột lợi ích.

• **Đồng hành cùng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty:** thông qua việc giám sát quá trình chuyển đổi số và đầu tư công nghệ thông tin; đồng thời chủ động kiểm soát và hỗ trợ nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.



III. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÔNG TY TRONG NĂM 2026

Dựa trên kết quả giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2025, Ban Kiểm soát đề xuất các kiến nghị cho năm 2026 như sau:

- Công ty chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành năm 2026 trong bối cảnh thị trường chứng khoán dự báo biến động nhanh và khó lường; đồng thời nâng cao năng lực phân tích, dự báo để kịp thời nắm bắt cơ hội từ quá trình nâng hạng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và các chính sách hỗ trợ kinh tế của Chính phủ, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh, tối ưu hóa tạo lợi nhuận và nâng cao giá trị cho cổ đông.
- Tăng cường năng lực tài chính thông qua việc đa dạng hóa nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và từng bước cải thiện quy mô vốn điều lệ; qua đó khắc phục các hạn chế về quy mô, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số, thông qua việc hoàn thiện cơ chế, quy trình kiểm soát nội bộ, nâng cấp hạ tầng công nghệ và tăng cường bảo mật dữ liệu; đồng thời xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế cảnh báo sớm đối với các hoạt động trọng yếu như tự doanh và cho vay ký quỹ nhằm kịp thời phát hiện, kiểm soát và hạn chế rủi ro.
- Công ty chủ động theo dõi, cập nhật đầy đủ và kịp thời các thay đổi về chính sách thuế, kế toán và quy định pháp lý trong năm 2026; đồng thời tổ chức đánh giá tác động, rà soát và điều chỉnh các quy trình, chính sách nội bộ, tăng cường công tác phổ biến, đào tạo nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với khung pháp lý hiện hành.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện cơ chế phối hợp và ứng dụng công nghệ trong giám sát; qua đó kịp thời phát hiện, cảnh báo và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, chấn chỉnh rủi ro phát sinh, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, minh bạch và bền vững.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. CHẾ ĐỘ THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC năm 2025 được HĐQT phê duyệt tại HĐQT thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025. Theo đó, chế độ thù lao (trước thuế Thu nhập cá nhân) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:

Thành viên chuyên trách:

Hưởng lương theo quy chế thu nhập của công ty.

Thành viên không chuyên trách:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10.000.000 đồng/tháng
Thành viên Hội đồng Quản trị	5.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban Kiểm soát	5.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000 đồng/tháng

Ghi chú: Mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, BKS là trước thuế thu nhập cá nhân

2. THU NHẬP CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2025	15.099.530.758 VND
Năm 2024	12.423.461.303 VND
Năm 2023	16.578.382.437 VND

3. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY

Trong năm 2025, BSC ghi nhận giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của công ty. Cụ thể:

Bà Ngô Thị Phong Lan – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh BSC:

- Thực hiện bán 15.206 cổ phiếu từ ngày 02/06/2025 đến ngày 20/06/2025
- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo đợt chi trả cổ tức của Công ty: 500 cổ phiếu

(Chi tiết tại Mục VIII.2 Báo cáo quản trị Công ty năm 2025)

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

98

Thông tin báo cáo phát triển bền vững

99

Định hướng phát triển bền vững toàn diện

100

Quản trị phát triển bền vững

104

Dấu ấn trên hành trình phát triển bền vững

120

GRI công bố thông tin



THÔNG TIN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng được BSC chú trọng xuyên suốt quá trình hoạt động. Báo cáo Phát triển bền vững được chúng tôi xây dựng như một hệ quy chiếu đến tất cả hoạt động của công ty nhằm tổng hợp, đánh giá và công bố ngắn gọn những hoạt động hướng đến sự bền vững trong cả năm 2025. Nội dung báo cáo gồm các khía cạnh về định hướng phát triển bền vững toàn diện và đảm bảo cam kết với các bên liên quan. Đây cũng là ấn phẩm thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin đến các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý và người lao động, từ đó tăng giá trị mang lại cho cổ đông, góp phần phát triển cộng đồng và xã hội, cũng như xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

1 Mục đích

Báo cáo Phát triển bền vững được lập bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (sau đây gọi là "BSC") nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chiến lược, các cam kết và thực hành phát triển bền vững của BSC trong năm 2025.

3 Nguồn thông tin

Các thông tin và dữ liệu được miêu tả, trình bày trong Báo cáo này được thu thập từ (i) các nguồn thông tin nội bộ của BSC và (ii) các thông tin bên ngoài chính thống, đáng tin cậy.

2 Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo này được lập và công bố dựa trên cơ sở tham chiếu với Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Index - GRI). Danh mục các tiêu chuẩn GRI tham chiếu được miêu tả ở mục Tham chiếu nội dung Báo cáo với các tiêu chuẩn GRI.

Phạm vi báo cáo: Báo cáo Phát triển bền vững được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

4 Phát hành báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của BSC được đăng tải trên website BSC tại địa chỉ: www.bsc.com.vn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN DIỆN

Là một trong những Công ty Chứng khoán uy tín hàng đầu thị trường, BSC luôn chú trọng mang lại sự hài lòng toàn diện cho khách hàng trên từng dịch vụ, sản phẩm cung cấp, cân bằng và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, người lao động, và đảm bảo trách nhiệm với các bên liên quan, hướng đến tăng trưởng bền vững, nền tảng phát triển lâu dài.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 Kinh tế

Quan điểm phát triển bền vững về kinh tế luôn được đặt lên hàng đầu đối với BSC. 2025 là một năm thị trường Chứng khoán có nhiều biến động, BSC đã kiểm soát tốt rủi ro, thực hiện các biện pháp nhằm tối ưu hoá các nguồn lực để cạnh tranh và phát triển, đem lại giá trị bền vững cho cổ đông, đồng góp cho sự phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Chúng tôi luôn tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về chỉ tiêu tài chính và các giới hạn đầu tư theo Luật quy định nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, an toàn và bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông.



2 Xã hội

Với phương châm không chỉ tập trung phát triển kinh tế, thực hiện trách nhiệm xã hội vì sự phát triển của cộng đồng cũng được Chúng tôi quan tâm. Những hoạt động phát triển xã hội như chung tay phòng chống dịch bệnh, thiên tai; đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục liên tục được đẩy mạnh góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

3 Môi trường

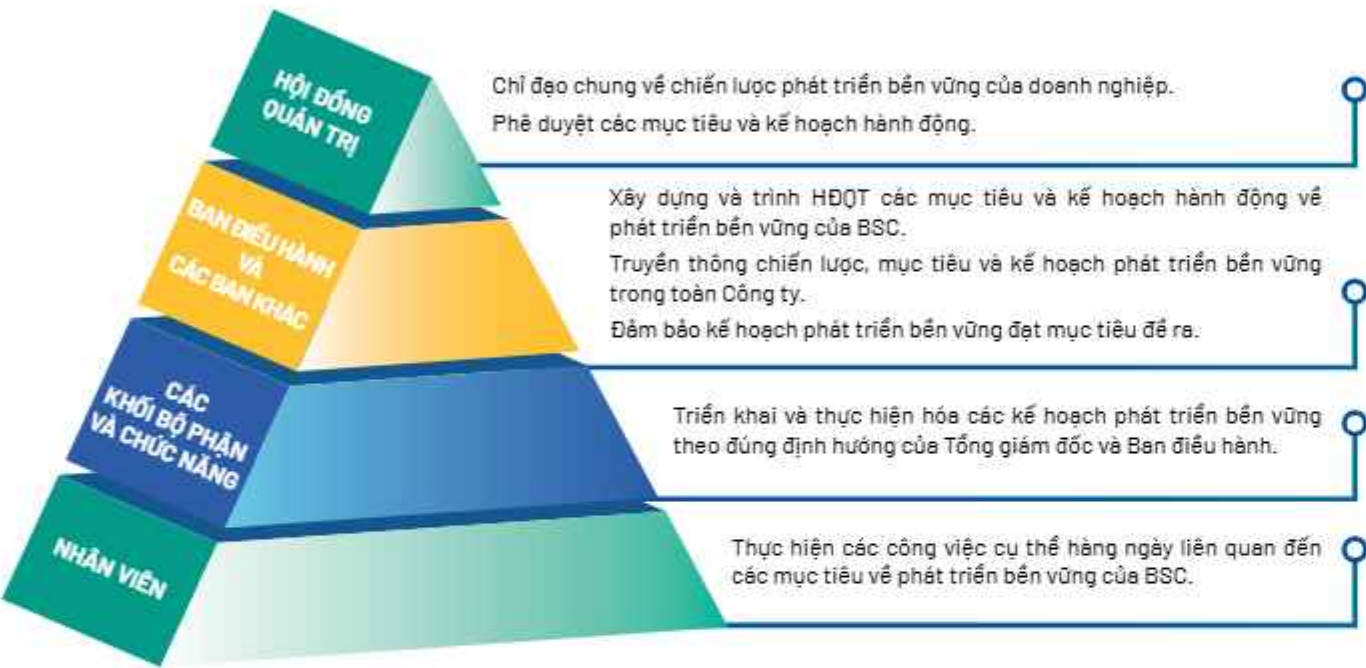
Đánh giá cao tầm quan trọng của yếu tố môi trường đến cuộc sống và sự phát triển kinh tế, đối với những vấn đề về môi trường và tiết kiệm năng lượng BSC rất quan tâm và chú trọng.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Công ty Chứng khoán uy tín hàng đầu thị trường, BSC luôn chú trọng mang lại sự hài lòng toàn diện cho khách hàng trên từng dịch vụ, sản phẩm cung cấp, cân bằng và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, người lao động, và đảm bảo trách nhiệm với các bên liên quan, hướng đến tăng trưởng bền vững, nền tảng phát triển lâu dài.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TƯƠNG TÁC VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN

Với nỗ lực không ngừng phát triển, BSC luôn sẵn sàng tiếp nhận phản hồi, đóng góp ý kiến từ tất cả các bên liên quan như khách hàng, cổ đông... để từ đó có đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên và cũng là cơ sở để tiếp tục nâng cao, phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.



QUY TRÌNH TƯƠNG TÁC VÀ TIẾP NHẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

BSC chủ động hợp tác tích cực và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên hữu quan, tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Với từng bên hữu quan cụ thể, BSC xây dựng và áp dụng các phương thức tương tác, trao đổi, chia sẻ thông tin bằng các hình thức và các kênh liên lạc phù hợp.

	Phương thức tương tác	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của BSC đáp ứng yêu cầu/mong muốn của bên hữu quan
Khách hàng	- Trực tiếp gặp gỡ - Trung tâm tư vấn khách hàng, Tổng đài, Zalo official account - Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng - Mạng xã hội: Website, Facebook	- Nhu cầu sử dụng liên tục các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ tài chính và bảo mật thông tin khách hàng - Chất lượng sản phẩm, dịch vụ do BSC cung cấp - Thắc mắc, khiếu nại phản hồi khác	- Triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch nhanh chóng và an toàn - Tăng cường nhân sự tư vấn giải pháp và hỗ trợ thắc mắc, yêu cầu của khách hàng 24/7 - Thực hiện khảo sát ý kiến của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ - Theo dõi phản hồi của khách hàng trên mạng xã hội
Khách hàng Cổ đông và nhà đầu tư	- Đại hội đồng cổ đông - Cập nhật thông tin định kỳ qua website BSC - Tài liệu dành cho Nhà đầu tư - Trao đổi trực tiếp hoặc qua điện thoại, email	- Hiệu quả kinh doanh và các lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư - Thông tin minh bạch và kịp thời, bảo đảm quyền lợi công bằng, bình đẳng giữa các cổ đông - Thắc mắc, khiếu nại phản hồi khác	- Đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông - Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường đúng trình tự, quy định, các nội dung được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành cao - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định
Người lao động	- Hội nghị người lao động thường niên - Ấn phẩm nội bộ: Group nội bộ, Bản tin nội bộ - Trao đổi với Công đoàn, Đoàn thanh niên - Các hoạt động gắn kết người lao động	- Môi trường làm việc cùng các chế độ đãi ngộ, chính sách phúc lợi - Lộ trình nghề nghiệp và động lực làm việc - Chương trình đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp - An toàn và sức khỏe lao động	- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền lợi, chế độ đãi ngộ, chính sách phúc lợi - Lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, cơ hội thăng tiến công bằng, bình đẳng - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, áp dụng chương trình bảo hiểm sức khỏe cho người lao động và người thân - Tổ chức chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp - Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ gắn kết người lao động

	Phương thức tương tác	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của BSC đáp ứng yêu cầu/mong muốn của bên hữu quan
Cơ quan quản lý	- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên - Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn, hội thảo; Tham vấn ý kiến - Tham gia góp ý các dự thảo, chính sách	- Tuân thủ các quy định của pháp luật - Đảm bảo tăng trưởng bền vững đóng góp cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán và nền kinh tế - Quản lý tác động tới môi trường và xã hội - Trao đổi/ Tham vấn ý kiến trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của pháp luật	- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của công ty - Xây dựng, đóng góp ý kiến hoàn chỉnh sản phẩm, chính sách,... hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán - Tích cực tham gia thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương của Chính phủ - Tiên phong triển khai các sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán - Tham gia và là thành viên tích cực của các Hiệp hội ngành: Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA)
Cộng đồng	Các chương trình an sinh xã hội, chung tay góp sức vì cộng đồng	- Có trách nhiệm xã hội, đóng góp cho các hoạt động từ thiện và phát triển kinh tế - xã hội trong cộng đồng - Tác động tích cực cho xã hội	- Lắng nghe, đồng hành vì sự phát triển của cộng đồng - Các chương trình hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và các chương trình an sinh xã hội, đóng góp hỗ trợ y tế, giáo dục, nuôi dưỡng thế hệ tương lai
Cơ quan báo chí	- Hợp báo - Thông cáo báo chí/báo cáo kết quả hoạt động định kỳ - Đội ngũ chuyên gia trả lời, cung cấp thông tin cho báo chí	- Kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ - Nhận định thị trường, phân tích triển vọng ngành/cổ phiếu - Các thông tin và sự kiện quan trọng của công ty	- Phối hợp chặt chẽ để cung cấp các thông tin minh bạch và kịp thời đến công chúng - Trao đổi thường xuyên và định kỳ về diễn biến và dự báo thị trường - Phản hồi kịp thời đối với những thông tin liên quan đến công ty
Nhà cung cấp /Đối tác	- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp, bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp tác với các nhà cung cấp - Duy trì tính cạnh tranh - Đảm bảo minh bạch trong chào thầu - Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng	- Quy trình lựa chọn nhà cung cấp minh bạch và công bằng, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật - Đối xử công bằng và tôn trọng nhà cung cấp - Thực thi các nghĩa vụ theo thỏa thuận, cam kết, bao gồm cam kết về quản lý rủi ro, trách nhiệm môi trường - xã hội,... và trách nhiệm cộng đồng	- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn đối tác/nhà cung cấp - Cam kết thực thi các nghĩa vụ, trách nhiệm theo cam kết - Nâng cao nhận thức về thực hành quản trị doanh nghiệp, quản lý tác động môi trường đối với các đối tác/ nhà cung cấp

XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU



DẤU ẤN TRÊN HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG

Doanh nghiệp là tế bào của nền kinh tế và là một chủ thể tích cực trong xã hội, nên không thể không đặt ra vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Từ nhiều năm nay BSC luôn cố gắng giảm thiểu các tác hại gây ra cho môi trường và thực hiện nhiều thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao nhận thức trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên để góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

1

Năng lượng

- Theo dõi và có chế độ bảo trì, vệ sinh thường xuyên máy móc, thiết bị và hệ thống điều hòa để nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.
- Ban hành quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc.
- Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ họp trực tuyến và trao đổi, làm việc từ xa cho các cán bộ nhân viên thông qua các nền tảng Microsoft Teams, Zoom, 3CX,...qua đó giảm tần suất di chuyển bằng các phương tiện giao thông, tiết kiệm chi phí đi lại, xăng dầu góp phần giảm lượng khí thải ra môi trường.

2

Nước thải và chất thải rắn

- Đưa vào sử dụng phần mềm eOffice phục vụ báo cáo, luân chuyển, lưu trữ văn bản, chứng từ và tiết kiệm giấy in, không gian lưu trữ.
- Sử dụng chai nước thủy tinh, bình giữ nhiệt cho nhân viên, khách hàng, đối tác thay vì dùng chai nước uống 1 lần để hạn chế rác thải nhựa.
- Công ty áp dụng các giải pháp hạn chế phát thải ra môi trường từ các phương tiện giao thông thông qua khuyến khích các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng công nghệ thông tin để giảm việc di chuyển.



3

Môi trường làm việc xanh

- Theo dõi và có chế độ bảo trì, vệ sinh thường xuyên máy móc, thiết bị và hệ thống điều hòa để nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.
- Ban hành quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc.
- Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ họp trực tuyến và trao đổi, làm việc từ xa cho các cán bộ nhân viên thông qua các nền tảng Microsoft Teams, Zoom, 3CX,...qua đó giảm tần suất di chuyển bằng các phương tiện giao thông, tiết kiệm chi phí đi lại, xăng dầu góp phần giảm lượng khí thải ra môi trường.

NỖ LỰC XÂY DỰNG XÃ HỘI BỀN VỮNG

Doanh nghiệp là tế bào của nền kinh tế và là một chủ thể tích cực trong xã hội, nên không thể không đặt ra vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Từ nhiều năm nay BSC luôn cố gắng giảm thiểu các tác hại gây ra cho môi trường và thực hiện nhiều thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao nhận thức trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên để góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Định hướng phát triển bền vững trụ cột xã hội

Phát triển nguồn nhân lực

Chăm lo toàn diện, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự, góp phần vào sự phát triển nền kinh tế tri thức, duy trì môi trường làm việc bình đẳng, đa dạng.

Minh bạch và bảo đảm quyền lợi cho cổ đông

Cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, nỗ lực tối đa trong bảo đảm các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

Nâng cao trải nghiệm khách hàng

Không ngừng nâng cấp và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ cung ứng cho khách hàng, đẩy mạnh các kênh giao dịch số, lắng nghe và hỗ trợ tối đa vì lợi ích của khách hàng.

Tạo lập giá trị cộng đồng

Tích cực thực hiện trách nhiệm vì cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững chung của đất nước.

Minh bạch, bảo đảm quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư

1

Minh bạch thông tin

- Công bố thông tin:** BSC luôn nỗ lực thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin hiện hành. Các thông tin được công bố đảm bảo tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, giúp cổ đông và nhà đầu tư có đầy đủ cơ sở để đánh giá tình hình hoạt động và triển vọng phát triển của Công ty.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán:** Trong năm 2025, BSC tiếp tục lựa chọn và hợp tác với Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (EY) – một trong những công ty kiểm toán uy tín hàng đầu – để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định để đảm bảo tính khách quan, tin cậy của các thông tin tài chính được công bố.

2

Tối đa hóa lợi ích cho cổ đông

- Chi trả cổ tức:** Trong năm 2025, BSC đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% cho các cổ đông trong danh sách chốt quyền với ngày đăng ký cuối cùng là 12/06/2025. Theo đó, BSC thể hiện cam kết của mình trong việc chia sẻ thành quả hoạt động kinh doanh và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông.
- Quan hệ cổ đông:** BSC duy trì hệ thống kênh liên lạc đa dạng, thuận tiện và hiệu quả với cổ đông, bao gồm email, văn bản, điện thoại và các kênh trực tuyến. Công ty sẵn sàng lắng nghe, tiếp nhận và phản hồi các ý kiến, kiến nghị và thắc mắc của cổ đông, qua đó đảm bảo tối đa quyền lợi chính đáng và nâng cao mức độ hài lòng, tin tưởng của cổ đông đối với hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

3

Đảm bảo quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- Trong năm 2025, ĐHĐCĐ thường niên BSC đã được tổ chức thành công ngay từ lần họp đầu tiên vào ngày 18/04/2025. Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của BSC đảm bảo tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được BSC công bố thông tin đúng thời hạn tới các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đồng thời đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty. Nội dung công bố phản ánh đầy đủ, trung thực các vấn đề đã được thảo luận và thông qua tại Đại hội, đảm bảo tất cả cổ đông, kể cả những cổ đông không trực tiếp tham dự, đều có thể nắm bắt đầy đủ và kịp thời các quyết nghị quan trọng của Công ty.

4

Quyền bình đẳng

BSC cam kết đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về quyền lợi đối với tất cả các cổ đông. Việc cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ và kịp thời tới toàn thể cổ đông, không phân biệt cổ đông thiểu số hay cổ đông lớn, cổ đông trong nước hay cổ đông nước ngoài, luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Chính sách này được BSC thực hiện nhất quán nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi cổ đông.

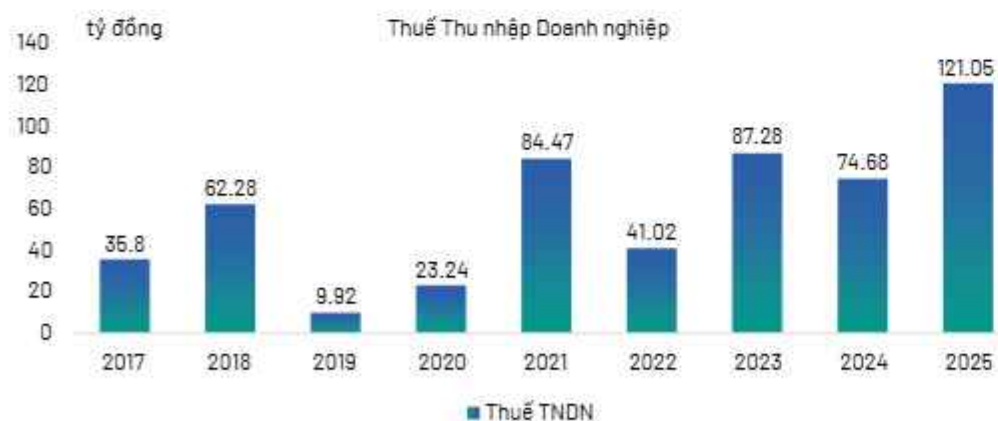
5

Quản trị xung đột lợi ích

BSC luôn chú trọng quản trị và ngăn ngừa xung đột lợi ích trong các giao dịch của công ty với người có liên quan hoặc người nội bộ (nếu có). Các giao dịch này được thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Các giao dịch với người có liên quan hoặc người nội bộ (nếu có) được BSC ghi nhận đầy đủ trong các báo cáo như Báo cáo quản trị và Báo cáo tài chính. Các báo cáo này được công bố thông tin theo quy định và được công khai tới các cổ đông, đảm bảo quản trị xung đột về lợi ích một cách hiệu quả, minh bạch.

Trách nhiệm với thị trường và cơ quan quản lý, các hiệp hội

Một doanh nghiệp hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội. Tính riêng thuế thu nhập doanh nghiệp, năm 2025 BSC đã đóng 121.05 tỷ đồng.



Tích cực tham gia các hiệp hội

BSC ý thức được trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng thị trường vốn, thúc đẩy kinh tế phát triển, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới.

Công ty luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và các hiệp hội trong ngành. Đại diện của BSC là các thành viên của Ủy ban Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam, Hiệp hội đầu tư sang Campuchia, Hiệp hội xi măng, Hiệp hội mía đường, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán... Công ty thường xuyên tổ chức các buổi Hội nghị phân tích định kỳ hàng quý cho báo đài và các quỹ đầu tư quan tâm, qua đó giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thêm những thông tin hữu ích và đáng tin cậy cho các quyết định đầu tư.

Tận tâm phục vụ, thấu hiểu khách hàng

BSC không ngừng nỗ lực cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đầu tư phù hợp nhất, đẩy mạnh chuyển đổi số để nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng.

1

Đổi mới nền tảng - sản phẩm

• **Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ:** Trong năm 2025, BSC tập trung nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành của hệ thống giao dịch KRX. Việc đầu tư được triển khai đồng bộ từ năng lực xử lý hệ thống, nền tảng phần mềm, giải pháp bảo mật đến cơ chế dự phòng, bảo đảm hoạt động giao dịch ổn định, an toàn và liên tục khi quy mô thị trường ngày càng mở rộng.

• **Cải tiến nền tảng đầu tư chứng khoán:** BSC tiếp tục hoàn thiện nền tảng giao dịch và đầu tư chứng khoán trên cả hai kênh số bao gồm: ứng dụng BSC Smart Invest và hệ thống giao dịch trực tuyến BSC WebTrade. Nhằm mang đến trải nghiệm đầu tư thuận tiện và thân thiện hơn, nhiều tính năng mới đã được BSC triển khai: Ứng trước tiền bán tự động, Hiệu suất đầu tư cho phép theo dõi kết quả đầu tư toàn diện. Việc cải tiến đồng bộ trên cả nền tảng di động và web góp phần nâng cao năng lực phục vụ nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường phát triển theo hướng số hóa.

• **"Một chạm, vạn thông tin" cùng trang Trung tâm Phân tích:** BSC chính thức ra mắt chuyên trang Trung tâm Phân tích trên Website Công ty, đánh dấu một bước nâng cấp quan trọng trong hệ sinh thái thông tin và dịch vụ nghiên cứu dành cho nhà đầu tư. Trung tâm Phân tích được thiết kế hiện đại, thân thiện và dễ tra cứu, tích hợp đầy đủ các báo cáo chiến lược, nhận định thị trường, phân tích ngành - doanh nghiệp và dữ liệu chuyên sâu do đội ngũ chuyên gia BSC thực hiện, giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, hệ thống và cập nhật, qua đó nâng cao chất lượng quyết định đầu tư.



Gia tăng trải nghiệm khách hàng qua các chương trình

• **Chính sách Margin ưu đãi 7,5%:** Chính sách lãi suất Margin ưu đãi 7,5% hỗ trợ nhà đầu tư tối ưu chi phí vốn và gia tăng hiệu quả sử dụng đòn bẩy tài chính. Với nền tảng quản trị rủi ro chặt chẽ và năng lực tài chính vững mạnh, BSC tiếp tục khẳng định cam kết đồng hành cùng khách hàng bằng các giải pháp tài chính linh hoạt, hiệu quả và bền vững.

Chương trình ưu đãi “Giao dịch bút phát – vì vu thả ga”: Cùng với các đổi mới về nền tảng sản phẩm, chương trình ưu đãi được thiết kế nhằm khuyến khích gia tăng giao dịch, đồng thời mang đến những phần thưởng thiết thực, nâng cao sự gắn kết và trải nghiệm tích cực của nhà đầu tư trên nền tảng giao dịch BSC. Thông qua các hoạt động chăm sóc khách hàng đa dạng và sáng tạo, BSC tiếp tục khẳng định triết lý kinh doanh lấy khách hàng làm trung tâm, không ngừng gia tăng giá trị và sự hài lòng trong hành trình đầu tư.



Hỗ trợ khách hàng

Bên cạnh công tác phát triển sản phẩm dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, BSC cũng chú trọng phát triển đa dạng các kênh hỗ trợ khách hàng. Nắm bắt được xu hướng ưu tiên sử dụng các kênh giao dịch online, những năm gần đây BSC chú trọng phát triển các kênh hỗ trợ trực tuyến để phục vụ khách hàng một cách kịp thời. Ngoài quầy giao dịch, khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận BSC qua 7 kênh tương tác khác như: Tổng đài, Email, Website, Facebook, Zalo, Viber, WhatsApp.

Đảm bảo quyền lợi khách hàng

BSC luôn đặt mục tiêu bảo mật thông tin khách hàng lên hàng đầu và cam kết bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng.

• **Các chính sách, quy trình nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng:** Với tư cách là đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính, BSC có trách nhiệm quản lý, bảo mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ. Để phù hợp với quy định của pháp luật, thống nhất cơ chế quản lý và bảo vệ thông tin của khách hàng, BSC đã ban hành các văn bản nội bộ quy định cụ thể nghĩa vụ của BSC trong công tác quản lý, bảo mật thông tin khách hàng, hướng dẫn về việc phân loại, sử dụng và bảo vệ dữ liệu trong nội bộ cũng như cung cấp dữ liệu ra bên ngoài.

• **Hệ thống công nghệ thông tin:** Hệ thống công nghệ thông tin của BSC được xây dựng hiện đại, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng, thường xuyên cập nhật các phần mềm để bảo mật thông tin khách hàng trước các nguồn tin tặc và lừa đảo.

• **Thường xuyên giám sát các hoạt động liên quan đến thông tin khách hàng:** BSC thực hiện giám sát hệ thống công nghệ thông tin, thường xuyên kiểm tra, rà soát và đánh giá các tài khoản có quyền quản trị trong hệ thống, bảo đảm các tài khoản này chỉ được cấp quyền truy cập vào hệ thống thông tin theo đúng thẩm quyền và phạm vi được phép.

• **Đào tạo, nâng cao nhận thức của cán bộ về bảo mật thông tin:** Trách nhiệm bảo mật thông tin được BSC quy định bắt buộc cho toàn bộ lãnh đạo và cán bộ trong công ty. Trường hợp cán bộ BSC cung cấp thông tin không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, không tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi, thiệt hại gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật và có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra. Bên cạnh đó, BSC cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ để nâng cao nhận thức của cán bộ về bảo mật thông tin, cũng như kịp thời cập nhật các thủ đoạn của tội phạm công nghệ tới toàn thể cán bộ trong công ty.

• **Truyền thông, tăng cường ý thức tự bảo vệ cho khách hàng:** Sự gia tăng của các thủ đoạn lừa đảo tinh vi, công nghệ cao đã làm tăng rủi ro thiệt hại về tài chính cho khách hàng. Theo đó, BSC chủ động khuyến nghị khách hàng các nguyên tắc bảo mật an toàn khi thực hiện các giao dịch trên internet và liên tục cảnh báo các chiêu thức lừa đảo, đánh cắp thông tin giao dịch của tội phạm công nghệ trên các kênh truyền thông để giúp khách hàng tăng cường nhận thức bảo mật các thông tin của bản thân.



Phát triển nguồn nhân lực

1 Xây dựng và gắn kết nguồn nhân lực

Tại BSC, nguồn nhân lực không chỉ là chìa khóa thành công mà còn là động lực cốt lõi giúp công ty phát triển bền vững. Đặc thù của ngành tài chính đòi hỏi đội ngũ nhân sự không chỉ có chuyên môn vững vàng, mà còn cần phẩm chất đạo đức và tư duy nhạy bén. Vì vậy, BSC luôn chú trọng đến việc thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài thông qua các chính sách đãi ngộ cạnh tranh, môi trường làm việc chuyên nghiệp và cơ hội phát triển bền vững. Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích sự sáng tạo, minh bạch và công bằng, giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực của mình.

2 Thống kê đội ngũ Nhân sự năm 2025

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số nhân sự hiện đang làm việc tại BSC là 295 cán bộ. Trong đó: có 160 cán bộ Nữ chiếm tỷ lệ ~54.24% và 135 cán bộ Nam, chiếm tỷ lệ ~45.76%.

Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 98.31% tổng số lao động. Với 78.31% số lượng nhân viên có trình độ cử nhân, 20% số lượng nhân viên có trình độ trên đại học đảm bảo nền tảng kiến thức chuyên môn để phát triển và cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao.

Xét về độ tuổi, đội ngũ nhân sự của BSC chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ 25-40 tuổi (75.59%). Với cơ cấu nhân sự trẻ như vậy, BSC trang bị cho mình lực lượng lao động ở độ tuổi cống hiến, nhiệt tình, góp phần xây dựng một BSC năng động, sáng tạo, không ngừng chuyển mình phát triển lớn mạnh trong tương lai.

295 nhân sự

98.31%

Nhân sự có trình độ đại học và trên đại học

Trình độ học vấn của người lao động



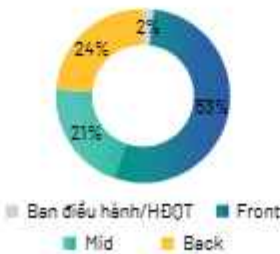
Cơ cấu nhân viên theo giới



Cơ cấu nhân viên theo độ tuổi



Cơ cấu nhân viên theo khối



3 Công tác phát triển, đào tạo

Công tác huấn luyện, đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty nhằm phát triển nguồn nhân lực nội bộ, từ đó gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Hàng năm, BSC chú trọng việc phát triển nguồn lực thông qua tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng; cử nhân viên tham gia các diễn đàn, các hội thảo, các đợt tập huấn ngắn hạn tại Việt Nam và nước ngoài để có cơ hội học hỏi, chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm thực tế. Bên cạnh đó, BSC còn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia học tập và hoàn thiện các chứng chỉ quốc tế chuyên nghiệp như CFA, CPA ..., tài trợ chi phí hoàn thiện các Chứng chỉ hành nghề chứng khoán để đáp ứng yêu cầu công việc và các quy định của pháp luật.

Trong năm 2025, BSC đã tổ chức triển khai nhiều khóa đào tạo có tính ứng dụng cao, cập nhật xu hướng phát triển về công nghệ, trí tuệ nhân tạo, có thể kể đến một số khóa tiêu biểu như:

STT	Khóa đào tạo
1	Đào tạo về trí tuệ nhân tạo (AI)
2	Đào tạo về lập trình PHP
3	Oracle Database 19c
4	Đào tạo kỹ năng bán hàng
5	Đào tạo Kiểm thử bảo mật, hệ thống Công nghệ thông tin

4 Chăm sóc sức khỏe người lao động

Bảo vệ sức khỏe người lao động chính là bảo vệ nguồn nhân lực, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, theo đó BSC chú trọng thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động với nhiều hình thức đa dạng:

- 100% người lao động trong công ty được tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, giúp phát hiện sớm các vấn đề về sức khỏe để theo dõi và điều trị kịp thời. Thông tin về sức khỏe của người lao động được bảo mật và BSC không sử dụng kết quả khám sức khỏe vào các quyết định liên quan đến hoạt động nhân sự.
- BSC áp dụng chương trình bảo hiểm toàn diện (Bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, quỹ hưu trí tự nguyện) nhằm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động, đồng thời triển khai các gói bảo hiểm sức khỏe ưu đãi dành cho người thân của cán bộ.
- Các hoạt động nâng cao sức khỏe của Công đoàn và Đoàn thanh niên BSC: Thành lập các câu lạc bộ thể thao: Chương trình động lực khuyến khích CBNV tham gia giải chạy "Tết ấm cho người nghèo" và giải chạy "Cho cuộc sống Xanh" do BIDV tổ chức; Các giải đấu nội bộ Phong trào thúc đẩy các hoạt động thể chất: Giải đấu bóng bàn chào hè, Giải đấu Pickleball ngành Chứng khoán, Giải đấu thể thao tại Teambuilding, ...
- Tại trụ sở làm việc, BSC bố trí phòng tập luyện thể thao cho cán bộ.



5 Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện

Tại BSC, chính sách lương thưởng và phúc lợi không chỉ đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực, thu hút và giữ chân nhân tài. Công ty cam kết xây dựng hệ thống đãi ngộ dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và gắn liền với hiệu quả công việc. Thu nhập của mỗi nhân viên không chỉ phản ánh năng lực cá nhân mà còn dựa trên đóng góp vào kết quả chung của bộ phận và công ty. Hệ thống đãi ngộ linh hoạt giúp khuyến khích nhân viên nâng cao năng suất lao động, đồng thời đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập, thu hút và giữ chân nhân tài cho công ty.



Cơ cấu thu nhập của nhân sự BSC

Tiền lương

Lương cơ bản hàng tháng
Lương doanh số
Lương hiệu suất
Lương hiệu suất cao
Lương làm thêm giờ



Các chế độ phúc lợi

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế,
Bảo hiểm thất nghiệp
Bảo hiểm tai nạn, sức khỏe, Bảo hiểm nhân thọ, Quỹ hưu trí tự nguyện
Phụ cấp ăn trưa, phụ cấp trang phục
Phúc lợi các dịp lễ Tết
Khám sức khỏe định kỳ
Các khoản phụ cấp công tác phí, điện thoại, ...
Chương trình nội bộ, nghỉ mát, teambuilding, ...



Bên cạnh các khoản tiền lương, BSC triển khai nhiều chính sách hỗ trợ tài chính và phúc lợi toàn diện, bao gồm:



Phụ cấp, trợ cấp và khen thưởng

- Tiền ăn trưa, phụ cấp trang phục (chỉ trả định kỳ hàng tháng)
- Phụ cấp công tác phí, điện thoại, văn phòng phẩm...
- Tiền thưởng theo thành tích cá nhân và kết quả kinh doanh của công ty đảm bảo ghi nhận đóng góp của nhân viên.



Chương trình phúc lợi sức khỏe và an sinh

- Khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở y tế uy tín, giúp nhân viên theo dõi và nâng cao sức khỏe.
- Chương trình bảo hiểm toàn diện: bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, quỹ hưu trí tự nguyện.
- Hỗ trợ nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày hoặc điều động, chuyển chuyển



Các hoạt động kết nối người lao động

Các hoạt động tập thể sôi nổi được tổ chức ở cả Trụ sở chính và Chi nhánh của BSC, góp phần gia tăng mức độ thấu hiểu, gắn kết giữa những người lao động:

- Tổ chức du lịch, nghỉ mát, du xuân, các hoạt động thiện nguyện nhằm gắn kết nội bộ và thể hiện trách nhiệm xã hội của BSC.
- Các câu lạc bộ thể thao như bóng đá, bóng bàn, chạy, yoga, zumba, pickleball... giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe và cân bằng cuộc sống.



- Chương trình gắn kết gia đình: hỗ trợ điều trị bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi, tổ chức Tết thiếu nhi, Tết Trung thu cho các con em cán bộ.

- BSC cũng thay mặt nhân viên đóng góp vào quỹ Công đoàn, đảm bảo quyền lợi và phúc lợi chung của toàn thể cán bộ nhân viên. Tất cả chính sách đãi ngộ đều hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo động lực làm việc và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững.



6 Chung tay xây dựng cộng đồng, xã hội

Trong năm 2025, BSC tiếp tục tập trung triển khai các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội, tài trợ các chương trình giáo dục hướng tới mục tiêu lan tỏa các giá trị nhân văn tốt đẹp vì cộng đồng. Với tổng số tiền giải ngân đạt gần 1.5 tỷ đồng, BSC đã thực hiện nhiều hoạt động ý nghĩa: hỗ trợ xây dựng, cải tạo trường học; thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh nhân điều trị tại các cơ sở y tế và cứu trợ khẩn cấp cho các khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai bão lũ, chương trình Về nguồn dâng hương tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ đã khuất và tri ân tặng quà các cựu chiến binh. Những đóng góp này không chỉ góp phần cải thiện đời sống người dân mà còn khẳng định vai trò, trách nhiệm của BSC đối với cộng đồng, đồng thời lan tỏa các giá trị nhân văn sâu sắc trong xã hội.

Các chương trình ý nghĩa triển khai trong năm 2025:

01/2025 Chương trình "Tết ấm cho em" trao tặng quà bệnh nhi tại Bệnh viện K, Bệnh viện Nhi Trung ương và Bệnh viện Nhi Đồng 2.	08/2025 Ủng hộ, giúp đỡ gia đình cán bộ tại BIDV chi nhánh Thủ Dầu Một có con mắc bệnh hiểm nghèo.
04/2025 Khởi công điểm trường Lữ Thành, Nghệ An	09/2025 • Chương trình hiến máu nhân đạo tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh. • Tài trợ cuộc thi tài chính - chứng khoán Go Finance 2025 của Đại học Kinh tế Quốc dân.
05/2025 Phối hợp cùng bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương khám bệnh, cấp phát thuốc và trao quà cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và các hộ gia đình có công với Cách mạng tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn.	10/2025 Khánh thành và bàn giao điểm trường Lữ Thành, Nghệ An.
08/2025 Trao tặng quà các bệnh nhi tại Bệnh viện K (cơ sở Tân Triều, Hà Nội).	11/2025 • Trao tặng nhu yếu phẩm, cấp phát thuốc tới đồng bào vùng lũ tại tỉnh Cao Bằng. • Trao tặng sách giáo khoa, dụng cụ học tập tới học sinh chịu ảnh hưởng bão lũ tại xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai. • Chương trình "Từ bữa cơm nhỏ, gieo ngàn yêu thương" phát cơm và cháo dành cho các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn tại Viện Nhi Trung ương.
07/2025 • Chương trình Về nguồn thăm các địa danh lịch sử và tặng quà các thương binh liệt sỹ tại Bà Rịa Vũng Tàu và Quảng Trị. • Thăm hỏi, tặng quà thương bệnh binh, người có công với Cách mạng tại Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng Người có công số 1 Hà Nội.	12/2025 Trao tặng nhu yếu phẩm tới đồng bào chịu ảnh hưởng bão lũ tại miền Trung, Tây Nguyên.

Các chương trình an sinh xã hội do BSC triển khai đã tạo nên những thay đổi thiết thực, mang lại niềm hy vọng và sự sẻ chia, đặc biệt với những đối tượng yếu thế trong xã hội; lan tỏa mạnh mẽ tinh thần tương thân tương ái tới cộng đồng. Bên cạnh đó, thể hiện vai trò tiên phong, gắn kết mục tiêu phát triển chung của BSC trong việc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

THỨC ĐẨY QUẢN TRỊ MINH BẠCH, HIỆU QUẢ

BSC luôn coi trọng đạo đức kinh doanh và cam kết thực hiện quản trị công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết.

1 Định hướng phát triển bền vững trụ cột quản trị

Tích cực đóng góp phát triển kinh tế

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đóng góp trực tiếp và gián tiếp vào sự phát triển chung của nền kinh tế.

Thượng tôn pháp luật, đề cao đạo đức kinh doanh

Toàn thể đội ngũ nhân sự đều tuân thủ các quy định pháp lý, chuẩn mực đạo đức và kiểm soát rủi ro trong mọi hoạt động của công ty.



Quản trị minh bạch và trách nhiệm

Tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản trị, tuân thủ các quy định pháp luật.

Bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu

Nỗ lực tối đa trong việc ngăn ngừa, phát hiện và khắc phục các sự cố an ninh mạng, các trường hợp rò rỉ thông tin.

2 Quản trị rủi ro

BSC luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro và tuân thủ theo các quy định của UBCKNN. Hệ thống quản trị rủi ro của BSC có cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, cơ chế vận hành thống nhất và các quy trình quản trị rủi ro xử lý được năm loại rủi ro trọng yếu gồm: rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý. BSC luôn quản lý trạng thái tập trung rủi ro gắn với các rủi ro trọng yếu. Ngoài ra, hệ thống quản trị rủi ro của BSC được thiết lập đảm bảo BSC có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

BSC đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Hàng năm, BSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên, đảm bảo các rủi ro trọng yếu được phát hiện sớm, kiểm soát đầy đủ, và được báo cáo kịp thời; đồng thời thiết lập khung quản trị rủi ro nhằm xác định khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro đảm bảo nguyên tắc gắn kết với các mục tiêu, chiến lược kinh doanh và khả năng chấp nhận rủi ro của BSC.

BSC thiết lập một hệ thống thông tin quản trị rủi ro phục vụ cho việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro. Các bước quản trị rủi ro bao gồm:

Xác định rủi ro

Đo lường rủi ro

Theo dõi rủi ro

Báo cáo rủi ro

Xử lý rủi ro

Xác định rủi ro

BSC xác định các rủi ro phát sinh/ có khả năng phát sinh trong việc triển khai hoạt động kinh doanh: các rủi ro chính mà BSC có thể đối mặt là rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, và rủi ro khác.

BSC thực hiện xác định nguyên nhân cốt lõi và hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh.

Đo lường rủi ro

BSC xây dựng và sử dụng phương pháp đo lường rủi ro thích hợp làm cơ sở quản trị rủi ro, có thể sử dụng phương pháp định tính hoặc định lượng tương ứng với các loại rủi ro khác nhau.

Cụ thể, BSC phân tích khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng nhằm xác định mức độ trọng yếu của rủi ro; từ đó xây dựng định nghĩa và tiêu chí đo lường cụ thể cho từng cấp độ rủi ro đối với nhóm rủi ro trọng yếu đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro của BSC.

Theo dõi rủi ro

BSC xác định mức độ sâu rộng hay tần suất của hoạt động theo dõi rủi ro tương ứng với mức độ trọng yếu của rủi ro, tác động của biện pháp ứng phó và nội dung của các phương pháp kiểm soát được công ty thông qua để quản trị rủi ro.

Báo cáo rủi ro

BSC đảm bảo tất cả các thiếu sót được phát hiện trong quá trình theo dõi rủi ro phải được báo cáo đầy đủ, kịp thời tới các bên liên quan và các cấp lãnh đạo.

Xử lý rủi ro

Sau khi đánh giá và tổng kết rủi ro, BSC áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro thích hợp với những rủi ro gặp phải.

BSC thực hiện các bước để lựa chọn và thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro: Xác định các biện pháp xử lý; Đánh giá ưu và nhược điểm của mỗi biện pháp xử lý; Xây dựng kế hoạch xử lý; và Thực hiện kế hoạch xử lý.



Dựa trên nền tảng hệ thống quản trị rủi ro, BSC đã triển khai quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trong năm 2025:

Loại rủi ro	Quản trị rủi ro tại BSC
Rủi ro thị trường	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, kết hợp với hệ thống báo cáo định kỳ tại BSC. Hàng năm, BSC xây dựng các thông số đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh tiềm ẩn rủi ro thị trường (tự doanh cổ phiếu, trái phiếu...) đảm bảo phù hợp với kế hoạch kinh doanh, chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro của BSC. Các thông số đo lường rủi ro này được tính toán, theo dõi thường xuyên và cảnh báo kịp thời tới cấp thẩm quyền khi có sự kiện vi phạm ngưỡng cảnh báo. Hàng tuần, các phòng kinh doanh được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư từng tuần. Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng thông qua báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/ đối tác, lĩnh vực/ ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn...
Rủi ro thanh toán	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Hàng năm, BSC xây dựng các thông số đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tự doanh trái phiếu, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, cho vay kỳ quỹ...) đảm bảo phù hợp với kế hoạch kinh doanh và khẩu vị rủi ro của BSC. Các thông số đo lường rủi ro này được theo dõi, đánh giá định kỳ và được cảnh báo kịp thời tới cấp thẩm quyền khi có sự kiện vi phạm ngưỡng cảnh báo. Định kỳ hàng tháng và hàng quý, BSC thực hiện đánh giá về mức độ rủi ro thanh toán của danh mục đầu tư trái phiếu, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và danh mục cho vay kỳ quỹ dựa trên các thông tin cập nhật trên thị trường và mô hình xếp hạng cổ phiếu do BSC xây dựng nhằm nhận diện, sàng lọc và giảm thiểu mức độ rủi ro thanh toán cho BSC.
Rủi ro thanh khoản	BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu áp dụng dựa trên Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. BSC luôn duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền hợp lý để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và giúp ổn định thanh khoản. Hàng tháng, BSC lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản, xác định dòng tiền ra, dòng tiền vào và mức chênh lệch thanh khoản thực tế theo thang kỳ hạn nhằm đánh giá về khả năng/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo. Ngoài ra, hàng quý BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ.
Rủi ro hoạt động	BSC chuẩn hóa quy trình và các chốt chặn kiểm soát thông qua việc xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các chính sách và quy trình đối với từng nghiệp vụ như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư... trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ cơ bản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro. Cùng với đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm: xây dựng và giám sát các thông số đo lường rủi ro tuân thủ, nhân sự, gián đoạn giao dịch,...; triển khai và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng và bổ sung các kịch bản diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng - nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống...
Rủi ro pháp lý	BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC. Đồng thời, BSC chủ động rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

3

Bộ quy tắc ứng xử

Bộ Quy tắc ứng xử tại BSC là kim chỉ nam cho mọi hành vi và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, nhân viên, hướng tới xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và minh bạch. Bộ Quy tắc quy định rõ nguyên tắc ứng xử giữa các cá nhân trong nội bộ công ty cũng như với khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý và cộng đồng. BSC cam kết đề cao sự Trung thực, Trách nhiệm, Hợp tác, Chuyên nghiệp, không ngừng học hỏi để mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng và xã hội. Mọi hình thức gian lận, xung đột lợi ích, tiết lộ thông tin nội bộ hoặc cạnh tranh không lành mạnh đều bị nghiêm cấm. Bộ Quy tắc không chỉ là cam kết của BSC về đạo đức nghề nghiệp mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững của công



4

Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Tuân thủ pháp luật:

BSC luôn cam kết và nỗ lực hành động để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, thông lệ quốc tế, các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đã được BSC ký kết với các khách hàng, đối tác nhằm đáp ứng cho sự phát triển an toàn, bền vững. Mọi chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của BSC đều được nhận diện, theo dõi đảm bảo việc chấp hành và phòng ngừa các hành vi vi phạm.

Hoạt động tuân thủ pháp luật tại BSC được triển khai đồng bộ và toàn diện dựa trên các nội dung:

- Luôn bám sát, cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thông lệ quốc tế liên quan đến các hoạt động của công ty;
- Xây dựng, cập nhật và ban hành hệ thống văn bản, quy trình, quy định nội bộ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Công ty nhằm tăng cường tính minh bạch, phân định rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu quả giám sát, tuân thủ và quản trị rủi ro, hướng tới phát triển bền vững;
- Tăng cường đào tạo nghiệp vụ và phổ biến quy tắc đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể cán bộ, nhân viên của BSC, góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ, theo đó mọi cán bộ, nhân viên BSC luôn hiểu, làm đúng và chủ động thực hiện;
- Xây dựng hệ thống giám sát, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tuân thủ trong toàn bộ hoạt động quản lý, vận hành của công ty.

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong giao dịch với khách hàng và các đối tác:

- Công ty cam kết thực hiện mọi hoạt động giao dịch và hợp tác trên nguyên tắc trung thực, minh bạch, công bằng; tuân thủ quy định pháp luật, thông lệ thị trường và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Công ty không dung túng các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, xung đột lợi ích, cạnh tranh không lành mạnh, lạm dụng thông tin hoặc trục lợi cá nhân.
- Công ty luôn đặt lợi ích hợp pháp của khách hàng và đối tác lên hàng đầu; bảo mật thông tin, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và tăng cường kiểm soát rủi ro đạo đức trong hoạt động kinh doanh. Thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ và đào tạo nhân sự thường xuyên, Công ty hướng tới xây dựng niềm tin và quan hệ hợp tác lâu dài, góp phần phát triển thị trường chứng khoán minh bạch, bền vững.

GRI CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Giai đoạn báo cáo: Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

Tiêu chuẩn áp dụng: Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích của BSC trong công cuộc quản lý bền vững, được áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững – GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu, bao gồm các tiêu chuẩn báo cáo toàn diện bền vững sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Báo cáo này đã được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI: tùy chọn Cốt lõi.

NGUYÊN TẮC BÁO CÁO



Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến hoạt động phát triển bền vững cũng như nội dung trong Báo cáo phát triển bền vững của BSC, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin dưới đây:

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV – Hội sở chính
Số điện thoại: (+84 24) 39352722
Email: hn.ttmkt@bsc.com.vn
Địa chỉ: Tầng 8, 9, LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI STANDARDS

GRI	Mô tả	Tham chiếu	Trang	Lý do bỏ qua
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG 2016				
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP				
102-1	Tên Tổ chức	BCTN	12	
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Tổng quan	20, 21	
102-3	Địa điểm của Trụ sở chính	BCTN – Tổng quan	19	
102-4	Các địa điểm hoạt động	BCTN – Tổng quan	19	
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	BCTN	117	
102-7	Quy mô của tổ chức	BCTN – Tổng quan	12	
102-8	Thông tin nhân viên và người lao động khác	BCPTBV – Quản trị nguồn nhân lực	108	
102-9	Chuỗi cung ứng	BCTN – Tổng quan	12	
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	BCPTBV – Mô hình quản trị rủi ro	114	
102-12	Các sáng kiến bên ngoài			
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	99	
CHIẾN LƯỢC				
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	BCTN – Thông điệp của Tổng giám đốc BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	06 98	
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCPTBV – Quản trị rủi ro	114 – 116	
ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỰC				
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	BCPTBV – Đạo đức kinh doanh; Bộ quy tắc ứng xử	117	
QUẢN TRỊ				
102-18	Cơ cấu quản trị	BCTN – Quản trị công ty	64	
102-35	Chính sách về thù lao	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	95	
102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hằng năm	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	95	

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	99
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	99
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gần kết các bên liên quan	BCPTBV – Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan	99
102-44	Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	97
THÔNG LỆ BÁO CÁO			
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	BCTC	126
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	97
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	101
102-48	Trình bày lại thông tin		Không phát sinh việc trình bày lại thông tin
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	118
102-50	Kỳ báo cáo	01/01/2025 – 31/12/2025	
102-52	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
102-53	Đầu mối liên hệ cho thắc mắc về báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	118
102-54	Tuyên bố báo cáo tuân thủ theo tiêu chuẩn GRI	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	118
102-55	Mục lục GRI	BCPTBV – Phụ lục tham chiếu chỉ số GRI	119
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	119
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ			
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	101
103-2	Phương pháp quản trị và các hợp phần	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	114
103-3	Đánh giá phương pháp quản trị	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	115
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ 2016			
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	BCTN – Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2025	38
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	110

GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ		BSC chưa có dự án đầu tư cơ sở hạ tầng
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	99
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG			
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	117
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	117
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý		Không có vụ việc tham nhũng
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 2016			
GRI 302: NĂNG LƯỢNG			
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	BCPTBV – Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	102
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV – Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	102
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường		Không có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường
GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI 2016			
GRI 401: VIỆC LÀM			
401-1	Số lượng nhân viên thuê mướn và tỷ lệ thôi việc	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	108
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	110
401-3	Nghỉ thai sản	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	110
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	BCPTBV – Công tác huấn luyện, đào tạo	109
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	108
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự	108 – 110

GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	BCPTBV – Trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội	113	
413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương			Không có ảnh hưởng tiêu cực nào

GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU

417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Các hoạt động kinh doanh chính	20 - 21	
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ			Không có vụ việc không tuân thủ nào
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị			Không có vụ việc không tuân thủ nào

GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng			Không có vi phạm và khiếu nại nào
-------	--	--	--	-----------------------------------

GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế xã hội			Không có vi phạm nào
-------	--	--	--	----------------------



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

129	Thông tin chung
131	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
132	Báo cáo kiểm toán độc lập
134	Báo cáo tình hình tài chính
139	Báo cáo kết quả hoạt động
142	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
146	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
150	Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG

129	Thông tin chung
131	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
132	Báo cáo kiểm toán độc lập
134	Báo cáo tình hình tài chính
138	Báo cáo kết quả hoạt động
142	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
148	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
160	Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY



CẤP PHÉP THÀNH LẬP

1999

VỐN ĐIỀU LỆ

2.453.659.430.000 đồng

TRỤ SỞ CHÍNH

01 Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

CHI NHÁNH

01 Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 1999 và các giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo từng thời kỳ. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán cập nhật mới nhất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là Giấy phép số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 08 năm 2025. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101003060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 29 vào ngày 26 tháng 09 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.453.659.430.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.230.607.010.000 đồng).

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam, một (01) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và hai (02) phòng giao dịch tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 295 nhân viên (31 tháng 12 năm 2024: 302 nhân viên).

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022
Ông Nguyễn Duy Viễn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2024
Ông Lim Do Kyoan	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Bà Vũ Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
Ông Cho Sung Jae	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025
Bà Kang Hee Joung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 18 tháng 06 năm 2025
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27 tháng 10 năm 2024
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 10 năm 2025
Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 10 năm 2025
Ông Chung Jae Hoon	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Viễn, chức danh Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- 1

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- 2

Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- 3

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- 4

Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu:
13404533/E-69128420

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026 và được trình bày từ trang 06 đến trang 74, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

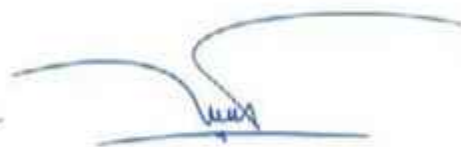
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Đặng Phương Hà

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Nguyễn Văn Trung

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.233.651.625.008	9.761.438.272.702
110	I. Tài sản tài chính		16.217.587.380.063	9.744.115.509.451
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.064.105.925.053	284.434.076.341
111.1	1.1. Tiền		1.064.105.925.053	284.434.076.341
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	4.462.462.386.794	3.083.692.663.220
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	1.138.376.944.273	1.024.903.095.891
114	4. Các khoản cho vay	7.3	9.337.839.669.408	5.200.189.976.858
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	7.4	-	34.410.500.000
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(5.907.458.000)	(6.380.166.000)
117	7. Các khoản phải thu	9	204.127.164.512	116.334.455.714
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		4.264.523.700	22.385.605.000
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		199.862.640.812	93.948.850.714
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		199.862.640.812	93.948.850.714
118	8. Trả trước cho người bán	9	1.501.176.100	1.050.300.613
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	15.069.951.248	5.410.736.959
122	10. Các khoản phải thu khác	9	131.120.675	119.869.855
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(119.500.000)	(50.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	16.064.244.945	17.322.763.251
131	1. Tạm ứng		5.000.000	35.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		731.520.000	-
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.307.023.555	12.459.778.751
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.020.701.390	4.827.984.500

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		394.100.600.041	553.617.410.063
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		310.523.301.372	466.314.493.156
212	1. Các khoản đầu tư	7.2	310.523.301.372	466.314.493.156
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")		310.523.301.372	466.314.493.156
220	II. Tài sản cố định		25.722.228.999	27.588.949.695
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	15.258.888.681	17.489.612.160
222	1.1. Nguyên giá		64.717.668.060	60.635.846.082
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(49.458.779.379)	(43.146.233.922)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.463.340.318	10.099.337.535
228	2.1. Nguyên giá		21.847.850.495	19.340.100.495
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(11.384.510.177)	(9.240.762.960)
250	III. Tài sản dài hạn khác		57.855.069.670	59.713.967.212
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	11.454.479.792	11.393.479.792
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.000.589.878	12.520.487.420
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	21.400.000.000	20.800.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.627.752.225.049	10.315.055.682.765

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.099.994.330.858	5.253.174.152.094
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		11.080.578.238.958	5.235.251.622.304
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	9.603.480.000.000	4.876.835.049.496
312	1.1. Vay ngắn hạn		9.603.480.000.000	4.876.835.049.496
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		300.000.000.000	-
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	1.026.133.205.538	252.171.078.954
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		2.498.119.744	784.880.619
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		511.500.000	461.500.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	52.269.406.124	46.324.528.539
323	7. Phải trả người lao động		54.277.940.958	42.383.417.209
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		5.400.000	6.194.000
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	36.455.481.435	11.759.559.695
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	986.898.278	1.350.306.680
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.960.286.881	3.175.107.112
340	II. Nợ phải trả dài hạn		19.416.091.900	17.922.529.790
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23	19.416.091.900	17.922.529.790
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.527.757.894.191	5.061.881.530.671
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	5.527.757.894.191	5.061.881.530.671
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.510.315.341.017	4.287.262.921.017
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.453.659.430.000	2.230.607.010.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.453.659.430.000	2.230.607.010.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		2.056.655.911.017	2.056.655.911.017
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	(4.286.330.000)
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	1.017.442.553.174	778.904.939.654
417.1	3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		892.993.676.277	690.518.821.802
417.2	3.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		124.448.876.897	88.386.117.852
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.627.752.225.049	10.315.055.682.765

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
001	Tài sản cố định thuê ngoài		994.635.000	994.635.000
004	Nợ khó đòi đã xử lý		4.517.439.940	4.517.439.940
005	Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (USD) - Euro (EUR)		2.434,40 42,32	2.434,40 42,20
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	24.3	245.365.943	223.060.701
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	25.1	533.545.560.000	1.606.773.250.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	25.2	212.300.000	200.000.230.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	385.992.210.000	7.549.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	25.4	3.252.730.270.000	1.393.129.670.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư		43.990.244.872.000	46.743.163.054.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		36.984.947.261.000	40.578.324.894.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		348.968.710.000	354.415.640.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		5.963.522.420.000	4.824.324.300.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, tạm giữ		185.142.260.000	197.135.100.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		507.664.221.000	788.963.120.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		11.419.266.770.000	13.917.013.220.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		4.838.106.770.000	10.873.133.220.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		1.300.960.000.000	1.000.880.000.000
022.3	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, cầm cố		1.070.200.000.000	2.025.000.000.000
022.4	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		4.210.000.000.000	18.000.000.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.5	367.515.923.000	233.866.080.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư		929.179.190.000	325.839.130.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
026	Tiền gửi của khách hàng		1.230.578.876.459	1.636.690.921.125
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	707.443.142.824	1.275.110.125.131
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.6	45.300.684.399	77.679.001.820
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	25.6	364.672.699.129	223.945.141.885
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		40.133.386.099	39.005.508.640
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		33.469.015.127	35.263.320.682
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		6.664.370.972	3.742.187.958
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25.7	73.028.964.008	20.951.143.649
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.8	1.157.549.912.451	1.615.739.777.476
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.111.043.469.451	1.588.840.060.282
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		46.506.443.000	26.899.717.194
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	25.9	58.677.604.000	2.857.390.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.10	14.351.360.008	18.093.753.649

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		817.641.531.026	494.082.932.529
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	328.085.883.400	183.983.753.031
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	377.174.779.310	251.661.832.788
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	97.376.941.063	65.595.710.820
01.4	1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	26.2	15.003.927.253	2.841.635.890
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	26.3	97.389.495.069	81.440.471.756
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	715.410.167.361	505.476.829.793
04	4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	26.3	439.250.000	371.000.000
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		376.355.385.799	298.866.259.761
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		41.693.574.366	750.000.000
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		689.019.553	497.006.655
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		15.717.191.281	14.727.846.627
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		31.829.545.889	14.439.774.840
11	10. Thu nhập hoạt động khác		25.291.256	20.179.820
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.097.190.451.600	1.410.672.301.781

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		533.321.334.116	255.037.897.008
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	171.838.194.630	51.508.724.514
21.2	1.2. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	343.811.566.221	195.938.003.184
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		6.860.754.078	4.767.191.607
21.4	1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	26.2	10.810.819.187	2.823.977.703
24	2. (Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm các tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	27	(472.708.000)	26.560.800
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28	14.834.516.341	11.702.727.990
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	302.517.737.762	251.710.870.432
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	14.913.636.364	-
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	15.682.379.072	14.135.874.222
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	16.163.232.819	12.736.595.813
32	8. Chi phí dịch vụ khác	28	69.500.000	50.000.000
40	Cộng chi phí hoạt động		897.029.628.474	545.400.526.265
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		4.848.718	243.394.509
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		9.024.820.185	7.955.848.150
44	3. Doanh thu khác về đầu tư		-	665.055
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		9.029.668.903	8.199.907.714
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	29	2.015.481	-
52	2. Chi phí lãi vay	29	380.832.190.879	169.579.406.087
55	3. Chi phí tài chính khác	29	3.590.336.187	1.627.301.206
60	Cộng chi phí tài chính		384.424.542.547	171.206.707.293
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	207.497.295.383	187.104.323.760
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		617.268.654.099	515.160.652.177

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		21.921.133	606.170.908
72	2. Chi phí khác		1.085.045.587	81.322.623
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(1.063.124.454)	524.848.285
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		616.205.529.645	515.685.500.462
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		578.649.208.490	459.944.012.671
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		37.556.321.155	55.741.487.791
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	31	122.539.496.125	102.614.062.306
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		121.045.934.015	90.391.085.877
100.2	2. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		1.493.562.110	12.222.976.429
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		493.666.033.520	413.071.438.156
300	XI. LỖ TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32	-	(4.286.330.000)
400	Tổng thu nhập toàn diện		-	(4.286.330.000)
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	34	493.666.033.520	413.071.438.156
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)		2.012	1.554

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		616.205.529.645	515.685.500.462
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		146.293.780.472	63.980.004.680
03	Khấu hao TSCĐ		8.500.227.664	9.257.369.207
04	Các khoản dự phòng	27	(403.208.000)	76.560.800
06	Chi phí lãi vay	29	380.832.190.879	169.579.406.087
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.972.897.043)	(8.355.631.386)
08	Dự thu tiền lãi	9	(233.662.533.028)	(106.577.700.028)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		354.622.385.408	198.761.980.887
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		354.622.385.408	198.761.980.887
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(392.178.706.563)	(254.503.468.678)
19	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(392.178.706.563)	(254.503.468.678)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.974.255.480.829)	(2.630.422.911.310)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(1.345.406.510.485)	(1.248.308.160.097)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		42.317.343.402	(246.160.054.751)
33	Tăng các khoản cho vay		(4.137.649.692.550)	(904.371.656.701)
34	(Giảm)/tăng các tài sản tài chính AFS		38.696.830.000	(38.696.830.000)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		18.121.081.300	(21.299.580.000)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		127.748.742.930	92.322.263.897
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(9.659.214.289)	640.025.308
39	Tăng các khoản phải thu khác		(462.126.307)	1.647.068.798
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		44.763.110	1.881.252.044
41	Tăng chi phí phải trả		9.269.637	17.695.704
42	Tăng/(Giảm) chi phí phải trả		3.672.652.738	(2.500.591.910)
43	Thuế TNDN đã nộp	20	(121.511.538.170)	(74.747.194.594)
44	Lãi vay đã trả		(356.146.538.776)	(178.549.658.338)
45	Tăng/(Giảm) phải trả cho người bán		779.918.473.775	(1.708.620.407)
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(31.015.614.231)	(29.804.903.793)
47	Tăng/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		6.410.481.740	(3.932.550.205)
48	Tăng/(Giảm) phải trả người lao động		11.894.523.749	(4.721.259.391)
50	Tăng/(Giảm) phải trả, phải nộp khác		(363.408.402)	28.383.523.121
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(876.000.000)	(513.689.995)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(4.249.312.491.867)	(2.106.498.893.959)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.685.430.110)	(7.836.060.650)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	399.118.181
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		9.024.820.185	7.956.513.205
70	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		2.339.390.075	519.570.736
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
73	Tiền vay gốc		18.024.678.621.296	9.656.411.614.194
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.998.033.670.792)	(8.083.119.149.790)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.026.644.950.504	1.573.292.464.404
90	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		779.671.848.712	(532.686.858.819)
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	284.434.076.341	817.120.935.160
101.1	Tiền		284.434.076.341	247.120.935.160
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	570.000.000.000
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	1.064.105.925.053	284.434.076.341
103.1	Tiền		1.064.105.925.053	284.434.076.341

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		186.250.401.682.280	137.280.001.332.959
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(267.504.241.903.466)	(144.849.784.848.047)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		431.586.505.535.949	335.814.306.265.749
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(328.372.939.637.281)	335.814.306.265.749
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(11.274.853.477)	(10.977.412.933)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		19.930.459.829.785	5.565.859.965.292
15	7. Tiền chi trả của Tổ chức phát hành chứng khoán		(19.878.382.009.426)	(6.654.681.645.917)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		(406.112.044.666)	(1.228.215.980.178)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.636.690.921.125	2.864.906.901.303
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.636.690.921.125	2.864.906.901.303
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	1.352.789.126.951	981.850.493.129
	Trong đó: Tiền gửi kỳ quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		77.679.001.820	51.888.425.468
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.6	223.945.141.885	703.068.961.912
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		39.005.508.640	70.214.621.988
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.7	20.951.143.649	1.109.772.824.274
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1.230.578.876.459	1.636.690.921.125
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.230.578.876.459	1.636.690.921.125
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		752.743.827.223	1.352.789.126.951
	Trong đó: Tiền gửi kỳ quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	25.6	45.300.684.399	77.679.001.820
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.6	364.672.699.129	223.945.141.885
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		40.133.386.099	39.005.508.640
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.7	73.028.964.008	20.951.143.649

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

			Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I.	BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.084.487.181.017	4.287.262.921.017	202.775.740.000	-	223.052.420.000	-	4.287.262.921.017	4.510.315.341.017
	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	24.2	2.027.831.270.000	2.230.607.010.000	202.775.740.000	-	223.052.420.000	-	2.230.607.010.000	2.453.659.430.000
	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		2.056.655.911.017	2.056.655.911.017	-	-	-	-	2.056.655.911.017	2.056.655.911.017
	1.3 Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)	4.286.330.000	-	(4.286.330.000)	-
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	-	-	-	-
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối		599.927.931.493	778.904.939.654	413.071.438.156	(234.094.429.995)	493.666.033.520	(255.128.420.000)	778.904.939.654	1.017.442.553.174
	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	24.1	555.060.325.003	690.518.821.802	369.552.926.794	(234.094.429.995)	457.603.274.475	(255.128.420.000)	690.518.821.802	892.993.676.277
	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	24.1	44.867.606.490	88.386.117.852	43.518.511.362	-	36.062.759.045	-	88.386.117.852	124.448.876.897
	TỔNG CỘNG	24.2	4.684.415.112.510	5.061.881.530.671	615.847.178.156	(238.380.759.995)	721.004.783.520	(255.128.420.000)	5.061.881.530.671	5.527.757.894.191

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

B04-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC										
1.	Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	33	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)	4.286.330.000	-	(4.286.330.000)	-
TỔNG CỘNG		24.2	-	(4.286.330.000)	-	(4.286.330.000)	4.286.330.000	-	(4.286.330.000)	-

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK



1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 1999 và các giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo từng thời điểm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang hoạt động theo:

Tên văn bản	Ngày cấp	Đơn vị cấp
Giấy phép số 65/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 08 năm 2025	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101003060	Cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 29 vào ngày 26 tháng 09 năm 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội)

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 19 tháng 07 năm 2011, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và hai (02) phòng giao dịch tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 295 nhân viên (31 tháng 12 năm 2024: 302 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Điều lệ của Công ty được thông qua theo Quyết định số 630/QĐ-BSC ngày 29 tháng 08 năm 2025 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.453.659.430.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.230.607.010.000 đồng).

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đo nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc, cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý/ giá trị thị trường (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên UPCoM thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của Tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC và Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48").

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 7 năm
Phần mềm	3 - 8 năm

16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ theo thời gian thanh toán trước hoặc phân bổ tối đa ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

18 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

19 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi vay phải trả tổ chức tín dụng và các đối tượng khác, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

20 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ Tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**21****Lợi ích của nhân viên****Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

22**Hợp đồng phái sinh tiền tệ**

Công ty tham gia vào các giao dịch ngoại tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

23**Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xây ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu

về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

25

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

26

Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

27

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoại các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

29

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

30

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

31 Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

32 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

33 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	348.971.812	107.743.950
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	1.063.756.953.241	284.326.332.391
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.046.146.683.705	258.897.621.472
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	2.387.769.536	25.428.710.919
- Tiền ký quỹ	16.222.500.000	-
Tổng cộng	1.064.105.925.053	284.434.076.341

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a. Của Công ty	1.027.393.876	104.203.914.881.099
- Cổ phiếu	169.575.492	5.893.550.356.810
- Trái phiếu	729.563.515	97.743.123.431.289
- Chứng khoán phái sinh	1.769	277.566.070.000
- Chứng khoán khác	128.253.100	289.675.023.000
b. Của Nhà đầu tư	14.338.659.177	479.966.438.914.005
- Cổ phiếu	13.532.465.505	320.975.530.535.484
- Trái phiếu	496.058.715	79.952.847.857.391
- Chứng khoán phái sinh	472.785	78.518.343.940.000
- Chứng khoán khác	309.672.172	519.716.581.130
Tổng cộng	15.366.053.053	584.170.353.795.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	399.223.236.713	446.298.516.900	600.517.960.246	656.807.743.780
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	134.618.112.467	146.558.174.400	60.556.272.067	62.841.739.350
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	77.339.167.888	103.827.372.000	38.065.357.588	36.904.935.600
Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	84.513.570.000	85.742.490.000	-	-
Cổ phiếu khác	102.752.396.358	110.170.480.500	501.896.330.591	557.061.068.830
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.349.927.088	82.603.799.340	58.369.947.839	82.537.062.628
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	58.063.615.500	82.325.851.400	58.063.615.500	82.325.851.400
Cổ phiếu khác	286.311.588	277.947.940	306.332.339	211.211.228
Trái phiếu niêm yết	1.560.045.930.000	1.587.202.641.096	1.011.925.830.000	1.017.735.171.550
Trái phiếu chưa niêm yết	1.711.278.354.416	1.724.205.576.334	582.907.269.700	594.537.003.946
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	77.509.639.549	76.820.430.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	500.000.000.000	518.641.095.892	707.338.448.000	712.465.297.316
Chứng chỉ quỹ	16.286.280.493	26.690.327.232	16.324.559.793	19.610.384.000
Tổng cộng	4.322.693.368.259	4.462.462.386.794	2.977.384.015.578	3.083.692.663.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

(a) Ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (i)	1.126.840.988.106	767.628.849.314
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (ii)	11.535.956.167	257.274.246.577
Tổng cộng	1.138.376.944.273	1.024.903.095.891

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và được hưởng lãi suất từ 4,40%/năm đến 7,40%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,80%/năm đến 6,00%/năm).

(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và được hưởng lãi suất 5,20%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,40%/năm đến 5,90%/năm).

(b) Dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng (i)	310.523.301.372	466.314.493.156

(i) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 5 đến 7 năm và được hưởng lãi suất từ 5,88%/năm đến 6,48%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 5,88%/năm đến 6,68%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7.3 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (I)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (I)
Cho vay hoạt động ký quỹ (ii)	9.061.200.419.205	9.055.292.961.205	5.057.485.511.134	5.051.105.345.134
Ứng trước tiền bán chứng khoán	276.639.250.203	276.639.250.203	142.704.465.724	142.704.465.724
Tổng cộng	9.337.839.669.408	9.331.932.211.408	5.200.189.976.858	5.193.809.810.858

(i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

(ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa là ba (03) tháng và được hưởng lãi suất từ 7,50%/năm đến 12,50%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ có thời hạn gốc tối đa là ba (03) tháng và hưởng lãi suất từ 8,50%/năm đến 13,00%/năm).

7.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	-	-	28.357.210.000	24.747.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	10.339.620.000	9.663.500.000
Tổng cộng	-	-	38.696.830.000	34.410.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch đánh giá				
Các loại tài sản tài chính	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	399.223.236.713	49.982.533.783	(2.907.253.596)	446.298.516.900
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.349.927.088	24.276.992.012	(23.119.760)	82.603.799.340
Trái phiếu niêm yết	1.660.045.930.000	32.119.849.316	(4.963.138.219)	1.587.202.641.096
Trái phiếu chưa niêm yết	1.711.278.354.416	12.927.221.918	-	1.724.205.576.334
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	77.509.639.549	1.487.539.933	(2.176.749.482)	76.820.430.000
Chứng chỉ tiền gửi	500.000.000.000	18.641.095.892	-	518.641.095.892
Chứng chỉ quỹ	16.286.280.493	10.404.046.739	-	26.690.327.232
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-
Tổng cộng	4.322.693.368.259	149.839.279.592	(10.070.261.057)	4.462.462.386.794
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	600.517.960.246	60.474.390.508	(4.184.606.974)	656.807.743.780
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.369.947.839	24.278.235.762	(111.120.973)	82.537.062.628
Trái phiếu niêm yết	1.011.925.830.000	6.213.853.368	(404.511.818)	1.017.735.171.550
Trái phiếu chưa niêm yết	582.907.269.700	11.629.734.246	-	594.537.003.946
Chứng chỉ tiền gửi	707.338.448.000	5.126.849.316	-	712.465.297.316
Chứng chỉ quỹ	16.324.559.793	3.711.080.292	(425.256.085)	19.610.384.000
AFS				
Cổ phiếu niêm yết	28.357.210.000	-	(3.610.210.000)	24.747.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.339.620.000	-	(676.120.000)	9.663.500.000
Tổng cộng	3.016.080.845.578	111.434.143.492	(9.411.825.850)	3.118.103.163.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	6.380.166.000	6.353.605.200
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(472.708.000)	26.560.800
Tổng cộng	5.907.458.000	6.380.166.000

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	4.264.523.700	22.385.605.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	199.862.640.812	93.948.850.714
Trong đó: Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán	199.862.640.812	92.793.781.714
3. Trả trước cho người bán	1.501.176.100	1.050.300.613
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	15.069.951.248	5.410.736.959
5. Các khoản phải thu khác	131.120.675	119.869.855
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(119.500.000)	(50.000.000)
Tổng cộng	220.709.912.535	122.865.363.141

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	5.000.000	35.000.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	731.520.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	11.307.023.555	12.459.778.751
- Chi phí trả trước thuê văn phòng	5.894.184.395	5.684.093.120
- Chi phí trả trước khác	5.412.839.160	6.775.685.631
Tài sản ngắn hạn khác	4.020.701.390	4.827.984.500
- Tiền gửi ký quỹ phải sinh của Công ty (*)	4.020.701.390	4.827.984.500
Tổng cộng	16.064.244.945	17.322.763.251

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phải sinh theo Quyết định số 26/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	55.297.422.621	2.048.586.800	3.289.836.661	60.635.846.082
Tăng trong năm	4.088.132.231	-	89.547.879	4.177.680.110
Thanh lý	-	-	(95.858.132)	(95.858.132)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	59.385.554.852	2.048.586.800	3.283.526.408	64.717.668.060
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	40.966.011.764	535.112.562	1.645.109.596	43.146.233.922
Khấu hao trong năm	5.286.718.540	290.108.550	779.653.357	6.356.480.447
Thanh lý	-	-	(43.934.990)	(43.934.990)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	46.252.730.304	825.221.112	2.380.827.963	49.458.779.379
Giá trị còn lại				
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	14.331.410.857	1.513.474.238	1.644.727.065	17.489.612.160
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	13.132.824.548	1.223.365.688	902.698.445	15.258.888.681

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.846.462.749	28.350.407.969

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	19.340.100.495
Tăng trong năm	2.507.750.000
Giảm trong năm	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	21.847.850.495
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	9.240.762.960
Khấu hao trong năm	2.143.747.217
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	11.384.510.177
Giá trị còn lại	
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	10.099.337.535
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10.463.340.318

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.339.286.000	3.339.286.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. CẨM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	10.382.718.692	10.382.718.692
Đặt cọc thuê xe ô tô	620.100.000	620.100.000
Khác	451.661.100	390.661.100
Tổng cộng	11.454.479.792	11.393.479.792

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	5.891.273.368	10.652.135.436
Phí bảo hiểm	1.015.226.209	1.377.826.209
Phí bản quyền phần mềm	751.189.678	88.424.750
Khác	2.342.900.623	402.101.025
Tổng cộng	10.000.589.878	12.520.487.420

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 04 năm 2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.223.227.395	13.223.227.395
Tiền lãi phân bổ	8.056.772.605	7.456.772.605
Tổng cộng	21.400.000.000	20.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. TIỀN NỘP QUỸ BÙ TRỪ

Theo Thông tư số 58/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 07 năm 2021 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 28/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành theo từng năm.

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

17. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẨM CỐ, THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	2.943.041.095.890	1.555.000.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tài sản tài chính dài hạn	300.000.000.000	400.000.000.000	Vay dài hạn
Tổng cộng	3.243.041.095.890	1.955.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng (I)	4.544.310.000.000	32.317.000.000.000	(28.320.200.000.000)	8.541.110.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	550.000.000.000	2.700.000.000.000	(2.250.000.000.000)	1.000.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	535.000.000.000	4.215.000.000.000	(3.750.000.000.000)	1.000.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	375.000.000.000	2.450.000.000.000	(2.015.000.000.000)	810.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	200.000.000.000	3.138.000.000.000	(2.638.000.000.000)	700.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	1.301.000.000.000	(716.000.000.000)	585.000.000.000
- Ngân hàng Sinopac	369.000.000.000	523.000.000.000	(369.000.000.000)	523.000.000.000
- Ngân hàng Union Bank of Taiwan	-	515.490.000.000	-	515.490.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	900.000.000.000	(400.000.000.000)	500.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu	550.000.000.000	1.675.000.000.000	(1.750.000.000.000)	475.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	550.000.000.000	4.369.000.000.000	(4.659.000.000.000)	260.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	-	800.000.000.000	(700.000.000.000)	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	300.000.000.000	3.554.000.000.000	(3.758.000.000.000)	96.000.000.000
- Đối tượng khác	1.115.310.000.000	6.176.510.000.000	(5.315.200.000.000)	1.976.620.000.000
Vay tổ chức, cá nhân (II)	332.525.049.496	4.376.678.621.296	(3.646.833.670.792)	1.062.370.000.000
Tổng cộng	4.876.835.049.496	36.693.678.621.296	(31.967.033.670.792)	9.603.480.000.000

(i) Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có kỳ hạn tối đa 12 tháng. Lãi suất của các khoản vay dưới 8,50%/năm. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Các khoản vay này có thời hạn gốc vay là dưới 1 năm và chịu lãi suất dưới 7,00%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán tiền mua chứng khoán	990.187.350.232	239.915.412.915
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30.089.756.099	8.322.377.776
- Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	6.923.036.062	5.131.446.420
- Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	1.358.590.248	1.256.642.213
- Phải trả BIDV (Thuyết minh 35.1)	1.440.341.789	1.934.289.143
- Phải trả chứng quyền	20.367.788.000	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	5.866.099.207	3.933.288.263
Tổng cộng	1.026.133.205.538	252.171.078.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK



(*) Chi tiết chứng quyền có bảo đảm của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025								
Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành	
CFPT2506	CTCP FPT	09/01/2025	09/01/2026	2.000.000	-	2.000.000	-	
CHPG2506	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	09/01/2025	09/01/2026	3.000.000	-	2.780.100	219.900	
CMBB2506	Ngân hàng TMCP Quân đội	09/01/2025	09/04/2026	2.500.000	-	1.423.500	1.076.500	
CTCB2504	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	09/01/2025	09/01/2026	2.000.000	-	1.079.500	920.500	
CVHM2503	CTCP Vinhomes	09/01/2025	09/04/2026	1.500.000	-	114.400	1.385.600	
CVPB2504	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	09/01/2025	09/04/2026	3.000.000	-	2.615.900	384.100	
Tổng cộng				14.000.000	-	10.013.400	3.986.600	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	166.194.869	2.360.467.127	(2.411.193.251)	115.468.745
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31)	34.787.778.655	121.045.934.015	(121.511.538.170)	34.322.174.500
Thuế thu nhập cá nhân	9.841.478.433	227.122.302.078	(221.384.513.374)	15.579.267.137
- Dũa người lao động	1.185.807.811	36.920.884.114	(35.181.889.909)	2.924.802.016
- Dũa Nhà đầu tư	8.655.670.622	190.201.417.964	(186.202.623.465)	12.654.465.121
Các loại thuế khác	1.529.076.582	19.420.989.168	(18.697.570.008)	2.252.495.742
Tổng cộng	46.324.528.539	369.949.692.388	(364.004.814.803)	52.269.406.124

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay các tổ chức tín dụng và các cá nhân	36.387.408.097	11.700.755.994
Chi phí phải trả khác	68.073.338	58.803.701
Tổng cộng	36.455.481.435	11.759.559.695

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khách hàng (*)	887.988.185	1.336.492.097
Phải trả khác	98.910.093	13.814.583
Tổng cộng	986.898.278	1.350.306.680

(*) Phải trả khách hàng do nội dung lệnh chuyển tiền chưa đủ thông tin để ghi tăng tiền khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	17.922.529.790	5.699.553.361
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	1.419.020.510	12.228.288.589
Ảnh hưởng khác	74.541.600	(5.312.160)
Số dư cuối năm	19.416.091.900	17.922.529.790

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	892.993.676.277	690.518.821.802
Lợi nhuận chưa thực hiện	124.448.876.897	88.386.117.852
Tổng cộng	1.017.442.553.174	778.904.939.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

24.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	2.027.831.270.000	2.056.655.911.017	-	-	-	-	599.927.931.493	4.684.415.112.510
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	413.071.438.166	413.071.438.166
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	(4.286.330.000)	-	-	-	-	(4.286.330.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	202.775.740.000	-	-	-	-	-	(202.775.740.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(30.805.000.000)	(30.805.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(513.689.995)	(513.689.995)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.230.607.010.000	2.056.655.911.017	(4.286.330.000)	-	-	-	778.904.939.654	5.061.881.530.671
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	493.666.033.520	493.666.033.520
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	4.286.330.000	-	-	-	-	4.286.330.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	223.052.420.000	-	-	-	-	-	(223.052.420.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(31.800.000.000)	(31.800.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	2.453.659.430.000	2.056.655.911.017	-	-	-	-	1.017.442.553.174	5.527.757.894.191

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty (“ĐHĐCĐ”) đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, cụ thể, ĐHCĐ đã thông qua phương án đối với các nội dung sau:

- Thông qua phương án chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu;
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại với số tiền 31.800.000.000VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

24.3 Cổ phiếu

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	245.365.943	223.060.701
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	245.365.943	223.060.701
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	245.365.943	223.060.701
- Cổ phiếu phổ thông	245.365.943	223.060.701
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	245.365.943	223.060.701
- Cổ phiếu phổ thông	245.365.943	223.060.701

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của các Nhà đầu tư				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	127.516.286	51,97	116.923.897	51,97
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	85.896.017	35,01	78.087.289	35,01
Các cổ đông khác (*)	31.953.640	13,02	29.049.515	13,02
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	245.365.943	100,00	223.060.701	100,00

(*) Các cổ đông khác là cổ đông tổ chức và cá nhân, mỗi cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24.4 Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Số cổ phiếu quỹ	Số cổ phiếu phổ thông đã lưu hành
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	202.783.127	-	202.783.127
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	20.277.574	-	20.277.574
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	223.060.701	-	223.060.701
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	22.305.242	-	22.305.242
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	245.365.943	-	245.365.943

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	283.269.160.000	1.303.377.250.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	250.000.000.000	300.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	276.400.000.00	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	3.396.000.000
Tổng cộng	533.545.560.000	1.606.773.250.000

25.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	212.300.000	200.000.230.000

25.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	5.992.210.000	7.549.000.000
Trái phiếu	380.000.000.000	-
Tổng cộng	385.992.210.000	7.549.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

25.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ tiền gửi	511.000.000.000	950.000.000.000
Cổ phiếu	43.130.270.000	43.129.670.000
Trái phiếu	2.698.600.000.000	400.000.000.000
Tổng cộng	3.252.730.270.000	1.393.129.670.000

25.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	367.515.923.000	233.866.080.000

25.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	707.443.142.824	1.275.110.125.131
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	675.515.469.009	1.266.348.018.240
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.927.673.815	8.762.106.891
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	45.300.684.399	77.679.001.820
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	364.672.699.129	223.945.141.885
Tổng cộng	1.117.416.526.352	1.576.734.268.836

25.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	58.677.604.000	2.857.390.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	14.351.360.008	18.093.753.649
Tổng cộng	73.028.964.008	20.951.143.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25.8 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	1.077.296.224.237	1.528.695.646.765
- Nhà đầu tư nước ngoài	34.953.003.815	9.365.128.891
- Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	45.300.684.399	77.679.001.820
Tổng cộng	1.157.549.912.451	1.615.739.777.476

25.9 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	58.677.604.000	2.857.390.000

25.10 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	14.351.360.008	18.093.753.649

25.11 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán		
- Phải trả phí giao dịch chứng khoán	1.167.544.012	818.172.037
- Phải trả khác	1.394.819.946	682.828.187
Tổng cộng	2.562.363.958	1.501.000.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

25.12 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	9.261.063.060.017	5.150.279.292.848
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	9.061.200.419.205	5.057.485.511.134
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	9.061.200.419.205	5.057.485.511.134
Phải trả lãi margin	199.862.640.812	92.793.781.714
- Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	199.862.640.812	92.793.781.714
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh số 7.3)	276.639.250.203	142.704.465.724
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	276.639.250.203	142.704.465.724
Tổng cộng	9.537.702.310.220	5.292.983.758.572



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(Lỗ) bán chứng khoán năm này VND	Lãi/(Lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	48.960.294	35.003	1.713.747.362.860	1.523.422.054.830	190.325.308.020	109.340.123.522
2	Trái phiếu niêm yết	350.857.353	108.255	37.982.111.437.993	37.946.467.972.944	35.643.465.049	16.772.266.591
3	Trái phiếu chưa niêm yết	99.549	101.781.874	10.132.283.821.063	10.091.664.175.816	40.619.645.247	15.319.218.200
4	Chứng chỉ tiền gửi	20.739.733	2.706.774	56.137.775.428.736	56.099.231.627.904	38.543.800.832	29.694.388.087
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	15.952.090.000	9.965.080.000
6	Khác	20.440.325	2.085	42.614.136.152	35.612.561.900	7.001.574.252	2.892.676.631
	Tổng cộng	441.097.254		106.008.532.186.794	105.696.398.393.394	328.085.883.400	183.983.753.031
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	39.021.406	34.213	1.335.046.105.660	1.462.137.909.787	(127.091.804.127)	(35.713.417.548)
2	Trái phiếu niêm yết	10.850.000	113.843	1.235.199.470.000	1.236.807.209.300	(1.607.739.300)	(1.898.700.000)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1.000	101.117.466	101.117.466.000	102.440.927.500	(1.323.461.500)	(146.365.388)
4	Chứng chỉ tiền gửi	729	1.857.031.900	1.353.776.254.803	1.356.501.846.174	(2.725.591.371)	-
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	(22.066.526.000)	(10.993.612.000)
6	Khác	39.746.468	2.398	95.327.764.684	112.350.837.016	(17.023.072.332)	(2.756.629.578)
	Tổng cộng	89.619.602		4.120.467.061.147	4.270.238.729.777	(171.838.194.630)	(51.508.724.514)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

26.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
I	FVTPL					
1	Cổ phiếu niêm yết	399.223.236.713	446.298.516.900	47.075.280.187	56.289.783.534	(9.214.503.347)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	58.349.927.088	82.603.799.340	24.253.872.252	24.167.114.789	86.757.463
3	Trái phiếu niêm yết	1.560.046.930.000	1.587.202.641.096	27.156.711.096	5.809.341.550	21.347.369.546
4	Trái phiếu chưa niêm yết	1.711.278.354.416	1.724.205.576.334	12.927.221.918	11.629.734.246	1.297.487.672
5	Chứng chỉ tiền gửi	500.000.000.000	518.641.095.892	18.641.095.892	5.126.849.316	13.514.246.576
6	Chứng quyền có đảm bảo	24.463.738.262	20.367.788.000	4.095.950.262	-	4.095.950.262
7	Khác	93.795.920.042	103.510.757.232	9.714.837.190	3.285.824.207	6.429.012.983
II	AFS					
1	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	(4.286.330.000)	4.286.330.000
Tổng cộng		4.347.157.106.521	4.482.830.174.794	143.864.968.797	102.022.317.642	41.842.651.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

26.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, AFS, HTM và các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	97.376.941.063	55.595.710.820
Từ tài sản tài chính AFS	439.250.000	371.000.000
Từ tài sản tài chính HTM	97.389.495.069	81.440.471.756
Từ các khoản cho vay, ứng trước tiền bán	715.410.167.361	505.476.829.793
Tổng cộng	910.615.853.493	642.884.012.369

27. TRÍCH LẬP/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(472.708.000)	26.560.800
Tổng cộng	(472.708.000)	26.560.800

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	14.834.516.341	11.702.727.990
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	302.517.737.762	251.710.870.432
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	14.913.636.364	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	15.682.379.072	14.135.874.222
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	16.163.232.819	12.736.595.813
Chi phí dịch vụ khác	69.500.000	50.000.000
Tổng cộng	364.181.002.358	290.336.068.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	137.825.810.751	103.639.883.896
Chi phí hoạt động lưu ký	15.682.379.072	14.135.874.222
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	16.801.473.924	95.818.182
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	87.292.881.838	71.871.218.759
Chi phí hợp tác phát triển khách hàng	39.251.921.804	36.020.695.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.850.355.612	4.042.716.857
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	69.500.000	50.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.097.292.519	12.822.210.853
Chi phí thuê văn phòng	20.825.458.659	20.247.906.715
Chi phí bảo trì phần mềm	3.635.687.744	3.451.294.266
Chi phí khác	26.848.240.435	23.958.450.407
Tổng cộng	364.181.002.358	290.336.068.457

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	2.015.481	-
Chi phí lãi vay ngân hàng	339.847.397.191	120.430.713.490
Chi phí lãi vay từ trái phiếu phát hành	67.398.001	21.700.274.657
Chi phí lãi vay cá nhân	39.300.033.622	26.119.675.554
Chi phí lãi vay khác	1.617.362.065	1.328.742.386
Chi phí tài chính khác	3.590.336.187	1.627.301.206
Tổng cộng	384.424.542.547	171.206.707.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	130.167.141.163	111.066.164.858
Chi phí thuê văn phòng	26.711.203.064	25.655.062.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.649.872.052	5.214.653.350
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí mạng viễn thông	8.029.828.638	4.372.735.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.189.054.934	9.639.792.412
Chi phí dịch kiểm toán	388.800.000	367.200.000
Chi phí khác	31.357.395.632	30.784.715.633
Tổng cộng	207.497.295.383	187.104.323.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	616.205.529.645	515.685.500.462
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	123.241.105.929	103.137.100.092
Điều chỉnh thuế TNDN:	(708.270.380)	(594.452.382)
- Thu nhập không chịu thuế	(1.000.502.450)	(720.158.818)
- Chi phí không được trừ	312.594.472	124.902.312
- Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	340.445.895	5.813.064
- Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính	(1.854.370.407)	(12.227.985.369)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại của các năm trước ghi nhận vào năm nay	1.493.562.110	12.222.976.429
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	122.532.835.549	102.542.647.710
Chi phí thuế nộp bổ sung năm 2022, 2023 và 2024	6.660.576	71.414.596
Tổng chi phí thuế ghi nhận trong năm	122.539.496.125	102.614.062.306
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động		
Thuế TNDN - hiện hành	121.045.934.015	90.391.085.877
Thuế TNDN - hoãn lại	1.493.562.110	12.222.976.429
Tổng cộng	122.539.496.125	102.614.062.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	(4.286.330.000)	-	4.286.330.000	-
Tổng cộng	(4.286.330.000)	-	4.286.330.000	-

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi phí, lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:	-	(4.286.330.000)
- Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	-	(4.286.330.000)
Tổng cộng	-	(4.286.330.000)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2024. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	493.666.033.520	413.071.438.166
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND (*)	-	(31.800.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	493.666.033.520	381.271.438.166
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - Cổ phiếu	245.365.943	245.365.943
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	2.012	1.554

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2024 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC) Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Ngân hàng mẹ Công ty con của BIDV Cổ đông lớn

Số dư trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty	516.938.953.011	105.459.376.360
	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Nhà đầu tư	582.112.396.657	707.225.364.754
	Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn	-	90.000.000.000
	Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu	-	3.507.945.208
	Phải thu phí dịch vụ	-	60.000.000
	Phải trả phí dịch vụ giao dịch	(1.440.341.789)	(752.145.563)
	Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ	-	(1.182.143.580)
	Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng	-	105.456.948.772
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Vốn góp bằng tiền (VND)	2.694.931.722.000	2.694.931.722.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu	12.593.099.426	29.877.462.972
	Doanh thu lưu ký khác	72.727.273	118.181.819
	Chi phí dịch vụ giao dịch	(38.823.044.643)	(31.247.621.470)
	Chi phí dịch vụ thanh toán	(276.403.922)	(305.024.308)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Doanh thu phí mỗi giới chứng khoán	492.908.326	344.403.405
	Doanh thu phí lưu ký	42.259.572	36.973.101
	Chi phí mua bảo hiểm	(1.410.077.164)	(1.078.140.172)
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Chi phí cho nhân sự phái cử	(9.955.511.093)	(9.005.827.436)

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người quản lý khác:

Đơn vị tính: VND

Thu nhập			
Bên liên quan	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	120.000.000	120.000.000
Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phó Tổng Giám đốc	3.326.299.406	2.840.884.362
Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc Ủy viên Hội đồng quản trị	3.533.466.665	2.822.188.227
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên Hội đồng quản trị	-	423.845.087
Bà Phạm Thanh Thủy	Ủy viên Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Bà Vũ Minh Châu	Trưởng Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Ủy viên Hội đồng quản trị	60.000.000	41.350.000
Bà Kang Hee Joung	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Cho Sung Jae	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	2.630.565.955	2.061.381.722
Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	2.761.420.336	1.999.415.529
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc kiểm Giám đốc Chi nhánh	2.571.778.396	2.018.396.376
Tổng cộng		15.099.530.758	12.423.461.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp và hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận môi giới chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, HTM và AFS.

Bộ phận tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động đại lý phát hành chứng khoán, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bộ phận kinh doanh nguồn vốn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến các hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Hoạt động tư vấn, đại lý	Kinh doanh nguồn vốn	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.107.482.744.441	817.655.468.064	74.212.139.808	106.869.768.190	2.106.220.120.503
2. Các chi phí trực tiếp	317.727.408.834	548.155.850.457	31.146.369.183	-	897.029.628.474
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	109.105.250.642	80.552.500.912	7.311.115.370	10.528.428.459	207.497.295.383
4. Doanh thu thuần khác					(1.063.124.454)
5. Chi phí tài chính					384.424.542.547
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	680.650.084.965	188.947.116.695	35.754.655.255	96.341.339.731	616.205.529.645
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
1. Tài sản bộ phận	9.534.365.342.257	4.781.270.913.256	12.379.961.211	1.138.376.944.273	15.466.393.160.997
2. Tài sản phân bổ	51.137.187.531	37.754.629.782	3.426.690.057	4.934.631.629	97.253.138.999
3. Tài sản không phân bổ					1.064.105.925.053
Tổng tài sản	9.585.502.529.788	4.819.025.543.038	15.806.651.268	1.143.311.575.902	16.627.752.225.049
1. Nợ phải trả bộ phận	503.538.901.477	564.518.330.900	511.500.000	-	1.068.568.732.377
2. Nợ phân bổ	67.275.752.031	49.669.745.910	4.508.131.201	6.491.969.339	127.945.598.481
3. Nợ phải trả không phân bổ					9.903.480.000.000
Tổng nợ phải trả	570.814.653.508	614.188.076.810	5.019.631.201	6.491.969.339	11.099.994.330.858

(*) Chi phí được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Hoạt động tư vấn, đại lý	Kinh doanh nguồn vốn	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	819.070.936.181	479.964.681.623	15.686.781.495	104.149.810.196	1.418.872.209.495
2. Các chi phí trực tiếp	265.873.305.454	266.740.624.998	12.786.595.813	-	545.400.526.265
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	108.009.525.171	63.292.146.102	2.068.589.845	13.734.062.642	187.104.323.760
4. Doanh thu thuần khác					524.848.285
5. Chi phí tài chính					171.206.707.293
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	445.188.105.556	149.931.910.522	831.595.837	90.415.747.554	515.685.500.462
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
1. Tài sản bộ phận	5.288.113.482.544	3.612.786.314.876	3.850.846.987	1.024.903.095.891	9.929.653.740.298
2. Tài sản phân bổ	58.285.618.733	34.154.597.853	1.116.281.539	7.411.368.001	100.967.866.126
3. Tài sản không phân bổ					284.434.076.341
Tổng tài sản	5.346.399.101.277	3.646.940.912.729	4.967.128.526	1.032.314.463.892	10.315.055.682.765
1. Nợ phải trả bộ phận	244.174.493.616	38.613.079.790	461.500.000	-	283.249.073.406
2. Nợ phân bổ	53.737.987.713	31.489.746.522	1.029.185.671	6.833.109.286	93.090.029.192
3. Nợ phải trả không phân bổ					4.876.835.049.496
Tổng nợ phải trả	297.912.481.329	70.102.826.312	1.490.685.671	6.833.109.286	5.253.174.152.094

(*) Chi phí được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	44.201.349.900	43.498.901.886
Trên 1 – 5 năm	167.247.293.560	168.989.875.824
Trên 5 năm	5.596.994.547	33.722.826.110
Tổng cộng	207.045.638.007	246.211.603.820

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty, phê duyệt Chính sách quản trị rủi ro (bao gồm các hạn mức rủi ro), giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi các phòng ban kinh doanh sử dụng vốn và được theo dõi giám sát bởi Phòng Quản trị rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết hoặc ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Số dư với ngân hàng

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi Phòng Kinh doanh vốn theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư với ngân hàng BIDV, ngân hàng mẹ chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chỉ trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và trái phiếu tổ chức tín dụng, được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi Phòng Đầu tư, Phòng Kinh doanh vốn và Phòng Quản trị rủi ro và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty được xây dựng, rà soát và cập nhật thường xuyên bởi Phòng Dịch vụ tài chính; Hội đồng tư vấn đầu tư và cho vay ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm định giá và tính thanh khoản.

Phòng Dịch vụ khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 35.060.638.236.640 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.812.357.869.960 đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị tính: VND

Quá hạn nhưng không bị suy giảm							
	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	< 90 ngày	91 - 180 ngày	181 - 210 ngày	> 210 ngày
Số đầu năm	5.200.189.976.868	6.749.446.800	5.192.434.939.266	1.006.690.802	-	-	-
Số cuối năm	9.337.839.669.408	6.649.446.800	9.324.385.597.905	6.804.624.703	-	-	-

Các khoản phải thu và tài sản khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất có lợi nhất cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản trị rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn khoảng 60.547.297.340 Đồng Việt Nam (2024: cao hơn/thấp hơn khoảng 79.323.460.298 Đồng Việt Nam). Công ty trình bày các cổ phiếu này trên khoản mục tài sản tài chính FVTPL và AFS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính biến động xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hợp đồng hoán đổi của Công ty và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ và Euro.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chỉ nắm giữ một số lượng không lớn ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ và Euro nên rủi ro tiền tệ là không trọng yếu.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

35.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.064.105.925.053	-	-	-	1.064.105.925.053
Tài sản tài chính	13.454.071.503	4.462.462.386.794	10.473.185.843.550	-	300.000.000.000	15.249.202.301.847
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	4.462.462.386.794	-	-	-	4.462.462.386.794
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.148.900.245.645	-	300.000.000.000	1.448.900.245.645
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	13.454.071.503	-	9.324.385.597.905	-	-	9.337.839.669.408
Sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-
Tài sản khác	265.000.000	52.052.733.023	209.771.843.819	15.488.944.402	19.352.125.372	296.930.646.616
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	451.661.100	-	620.100.000	10.382.718.692	11.454.479.792
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	265.000.000	15.201.071.923	203.862.184.512	-	-	219.328.236.435
Tài sản khác	-	36.400.000.000	4.025.701.390	-	-	40.425.701.390
Tài sản cố định	-	-	1.883.977.917	14.868.844.402	8.969.406.680	25.722.228.999
Tổng cộng	13.719.071.503	5.578.621.044.870	10.683.057.687.369	15.488.944.402	319.352.125.372	16.610.238.873.516
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	9.603.480.000.000	-	-	9.603.480.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	-	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	1.026.133.205.538	-	-	1.026.133.205.538
Phải trả người bán	-	-	2.498.119.744	-	-	2.498.119.744
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	36.455.481.435	-	-	36.455.481.435
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	52.269.406.124	-	-	52.269.406.124
Phải trả, phải nộp khác	-	-	986.898.278	-	-	986.898.278
Tổng cộng	-	-	11.021.823.111.119	-	-	11.021.823.111.119
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	13.719.071.503	5.578.621.044.870	(338.765.423.750)	15.488.944.402	319.352.125.372	5.588.415.762.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 03 năm 2026



Hội sở: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh: Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel. (024) 3935 2722

Fax. (024) 3381 6699

Web. bsc.com.vn